

YÊN MÃ SƠN

KHOẢNG LẶNG
GIỮA HAI TIẾNG BOM

Tản văn



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

KHOẢNG LẶNG GIỮA HAI TIẾNG BOM

Tác giả: **Yên Mã Sơn**

Thể loại: **Tản Văn**

Nhà xuất bản: **Quân Đội Nhân Dân**

Nguồn text: **Waka**

Ebook: **nguyenthao-cuibap**

KHOẢNG LẶNG GIỮA HAI TIẾNG BOM

Năm bảy ngày một lần, nhóm trẻ bốn đứa cưỡi trên hai chiếc xe đạp chở những bao tải chứa đầy sắt xuống phố. Chúng bảo bán sắt ở thành phố tuy xa nhưng được giá hơn.

Dân ở đây chẳng lạ lòng gì với cái nghề mót phế liệu của lũ trẻ. Đó là cách mà chúng kiếm tiền trong những ngày nghỉ học để trang trải áo quần, sách vở và cả trăm thứ khác, khi ba mẹ chúng mệt mỏi bươn chải trên mảnh đất đầy cát kiếm chút thu nhập lo cho con cái.

Đất này người ta mĩa mai gọi là đất của những “mỏ sắt”, một loại mỏ mà chiến tranh để lại trong đất. Quảng Trị là đất bom. Và người dân vẫn cày sâu cuốc bẫm trên những thước đất chứa đầy vật nổ từ năm này qua năm nọ. Các cụ già tóc bạc phơ, răng cái còn cái mất thường nói trong giọng sếu sáo lạc thất khi nghe tiếng bom chát chúa từ nơi nào đó vang lên: “Bom lại nổ à cháu, có ai bị chi không?”.

Chẳng biết cái nghề mót phế liệu có từ thời nào. Người thì bảo sau chiến tranh, người thì bảo từ khi sắt vụn lên giá... Ở xứ này có nhiều ngôi làng xem đây là một nghề, họ gọi đùa với nhau là nghề *đùa với thần chết*. Chỉ cần một máy dò kim loại, một chiếc cuốc và một cái bao là có thể hành nghề này.

Ngay tại những ngôi làng như thế này luôn có những đại lý thu mua phế liệu. Và bom đạn, vật nổ trong lòng đất từ rừng về làng, về các đại lý rồi đi ra phố và đi xa hơn nữa. Còn nổi đau bằng xương bằng thịt, bằng máu vẫn vương đâu đây sau những tiếng nổ kinh hoàng.

Cách đây một tháng tôi có dịp lên vùng cao Hướng Hóa, đồi núi trập trùng cà phê, hồ tiêu; hàng hóa giao thương với Lào nhộn nhịp qua đường 9. Một khung cảnh phố thị mang hơi thở của rừng núi phẳng

phất chút hiện đại, nhưng đi sâu vào các bản làng sau lưng núi vẫn còn nhiều gia đình lấy nghề mót phế liệu làm kế sinh nhai.

Vài hôm trước, ở đây đã xảy ra một vụ nổ bom bi. Nạn nhân là một đứa bé đang học cấp II. Một cán bộ Đoàn của thôn kể với giọng chưa vui nổi kinh hoàng, rằng đó là một đứa trẻ tội nghiệp, nhà cháu rất nghèo, tranh thủ những ngày nghỉ hè cùng nhóm bạn lên đồi mót sắt phế liệu kiếm thu nhập giúp ba mẹ, mót từ đầu mùa hè đến giờ.

Băng đi một tuần ở nhà vì cơn sốt phát ban, nó găng dậy và ăn vội trái bắp rồi theo nhóm bạn mang theo thiết bị lên đồi. Nó cuốc phải quả bom bi oan nghiệt sau nhất cuộc thứ ba, tiếng nổ vang trời. Cả làng khóc thương nó hiếu thảo và ngoan hiền.

Tiếng nổ của bom đạn thời bình thật kinh hoàng, sau tiếng nổ ấy người ta sợ hãi, tưởng chừng sẽ chưa không còn đem sinh mạng của mình đùa với tử thần nữa. Chỉ lặng đi một thời gian - bằng khoảng lặng giữa hai tiếng bom nổ, vì miếng cơm manh áo, những đứa trẻ làng này lại lên đường tìm sắt phế liệu.

Thành phố Đông Hà có quán cà phê nằm ngay cạnh đường sắt, trước mặt là chiếc xe tăng của cuộc chiến ngày xưa giờ trưng bày giữa chốn đông người. Những lúc rảnh ngồi uống cà phê và nhìn chiếc xe tăng, thấy “cục sắt” này trông vô hại và hiền lành ít nhất trong khoảnh khắc hiện tại. Nhưng còn bao nhiêu “cục sắt” khác mang vật nổ đang nằm dưới lòng đất đợi chờ hóa kiếp?

Ai bảo lòng đất bao dung có thể cảm hóa những gì nội tại? Trong buổi chiều miền sơn cước, tôi thấy môi mình đắng chát khi nghĩ đến một ngày nào đó, trên ngọn đồi trọc một đám khói đen ngịt bốc lên sau tiếng nổ lớn. Niềm đau sẽ tràn về làng theo mùi thuốc súng khét lẹt. Và dường như đau thương của cuộc đời này chưa dừng lại ở đó...

NHỮNG MÙA XUÂN KỲ LẠ

“**R**ồi dập dìu mùa xuân theo én về...”. Câu hát ngọt ngào về mùa xuân của Văn Cao cứ quánh lấy tôi trong những ngày giáp tết. Đã bao năm đón xuân sang, nhưng trong tôi năm nào cũng tưởng chừng đây là mùa xuân đầu tiên của đời mình...

Mùa xuân chẳng bao giờ cũ, có lẽ từ ngàn năm trước vẫn thế: Cây cối đâm chồi nảy lộc, chim hót trong cành lá và một khóm hoa cải còn sót lại vàng trong giữa nắng xuân. Tưởng chừng như mùa xuân là xứ sở của nắng nên lòng người theo nắng vàng hươm ở những sớm mai: Lâng lâng, êm ái kỳ lạ.

Tôi đã đi qua những mùa xuân kỳ lạ. Từ việc mặc bộ áo quần mới đến việc bóc bao lì xì luôn háo hức từ những ngày giáp tết dù năm nào cũng vậy. Trong những khoảnh khắc đợi chờ xuân đó, mùa xuân mang cho mỗi con người sự bình yên và đoàn tụ. Nhớ mẹ ra bến xe đón anh hai về từ một thành phố rất xa, dù biết chưa đến giờ nhưng mẹ vẫn đến thật sớm ở bến xe để đợi chờ. Mẹ bảo: “Được đợi chờ, trông ngóng là một hạnh phúc con ạ”. Tôi chợt rung mình nhớ lại những mùa xuân đợi chờ của mẹ khi ba vào chiến trường. Thế mà đến một mùa xuân đại thắng của toàn dân lúc đó mới được đoàn tụ. Đó là mùa xuân đầu tiên theo đúng nghĩa của nó!

Hơn một lần tôi đi bên em trong khu vườn có vài cây hoa xoan nhưng đủ rải hương đều thơm ngát trong chiều, trong tôi thức dậy một tình yêu đầu đời khi nhận ra trong đôi mắt với hàng mi dài ấy, có một mùa xuân đang trở lá.

Tôi đã đi qua những mùa xuân kỳ lạ. Vẫn đi về trên con phố nhộn nhịp ngày thường và vắng tênh mỗi lúc tết. Chỉ còn lại vài ba gã ăn mày

vô gia cư chụm lại, bày những thứ linh tinh, sơ sài ra và đón giao thừa trong cơn gió lạnh lạnh. Họ mời tôi rượu và chúc tụng. Tôi vội vã về nhà mang theo nhiều thứ để biếu họ nhưng khi đến thì họ đã đi, còn lại nơi góc phố một mùa xuân lưng chừng, tôi quay về với tổ ấm của mình và cảm nhận về mùa xuân...

Mùa xuân đi qua cánh đồng, người nông dân gác cuốc nghỉ ngơi nhìn đám mạ xanh non mà lòng mơ về một mùa gặt lúa đầy sân; mùa xuân đi qua đồi, hũ rượu cần còn hăng mùi cỏ lá khi những người gieo hạt vừa trải những mầm xanh. Dù mùa xuân có kỳ lạ, dù cả năm có xót xa, kham khổ nhưng trong khoảnh khắc xuân đó thấy mình thật đầy đủ, hạnh phúc. Khoảnh khắc thôi, dù là trong ý nghĩ.

Thật tuyệt vời, mùa xuân năm nào cũng đến mà cứ ngỡ là xuân đầu tiên trong đời!

NHỮNG GIẤC MƠ ƯỚT

Con đường bê tông dẫn vào khu nhà lá nhập nhòa ánh điện sau cơn mưa đột ngột. Hai đứa trẻ đứng dưới mái hiên bên cạnh những thùng xốp hứng nước mưa đợi chị về.

Nhìn những giọt nước từ mái tôn rơi lồm tồm xuống chiếc thùng đã đầy nước, đứa anh bảo thằng em: “Tao vừa biết học đếm, để tao đếm xem có bao nhiêu giọt nước rơi xuống thùng xốp cho đến khi chị mình về”. Thằng em vỗ tay: “Anh giỏi quá, anh dạy cho em đếm với nhé”.

Thế rồi một giọt, hai giọt... cứ tí tách rơi xuống trong sự chờ đợi người chị về. Thằng em đếm theo thằng anh nghe rất rõ ràng, vừa đếm vừa cười hi hí bởi tiếng nước giọt nghe vui tai. Trong nhà, bà ngoại hai đứa trẻ đang cầm cái vĩ đuổi ruồi, lâu lâu lại vỗ đen đét xuống cái nền đất đi lại lâu ngày thành ra bóng như màu đá lát nhà. Lâu lâu bà lại gọi với ra ngoài hiên: “Nó vẫn chưa về à, hai thằng bây đói thì vào ăn trước!”. Ngoài kia, tiếng hai đứa trẻ vọng vào: “Dạ, dạ”. Nhưng chúng vẫn không vào ăn trước dù rất đói. Đói vì cả ngày lang thang từ con phố này đến con phố khác, đứa đánh giày, đứa bán vé số.

Đứa anh đếm mỗi miệng rồi ngồi bệt xuống thềm hiên, nơi có những viên gạch để bước từ sân lên hiên nhà đã phủ một lớp rêu xanh. Thằng em thấy thế cũng ngồi sát bên, thì thầm vào tai anh: “Em đói rồi”. Thằng anh gõ đầu em, bảo mày chỉ biết ăn, hôm nay mày kiếm được bao nhiêu tiền nào. Mày phải thương chị mình, giờ chắc chị cũng đói lắm, chắc có lẽ mớ báo trong ngày bán chưa hết.

Nói rồi thằng anh nuốt nước miếng cái ực: “Tao kể cho mày nghe chuyện tao thích cái đùi gà như thế nào”. Thằng anh mô tả cái đùi gà nằm trong tủ kính của một quán cháo, nó vàng ươm, thơm ngon làm

sao. Thằng em trầm trồ: “Em cũng đã ăn quấy gà rồi”. Hôm đó có ông khách sang trọng gọi tô cháo với cái quấy gà vàng khè chằm chệ gác trên mếp tô. Nghe điện thoại xong ông vội vã tính tiền. Thấy em đến mời mua vé số ông ấy kéo em lại, bảo ông cho may đấy, ăn đi. Hôm đó em về nhà nhét cơm hết vào được vì chẳng có món gì của bà nấu ngon hơn cái đùi gà đó! Thằng anh lăm bằm trong miệng: “Chắc tết mẹ mới về, mẹ về chắc sẽ có đùi gà mà ăn. Mà sao mẹ đi lâu quá nhỉ, bà bảo mẹ không về nữa, tao không tin”. Nghe thằng anh nói, đứa em rớm nước mắt.

Tiếng chiếc xe đạp cộc cạch của người chị vọng lên từ đầu con hẻm, to dần, to dần đến lúc hai đứa em la lên, bà ơi chị đã về. Đứa chị năm nay mười hai tuổi, thân hình ốm như que tăm, áo quần như đã ướm và đang khô dần lại. “Hai thằng bây sao không ăn trước với bà mà chờ, mưa to quá, báo ướm hết, trốn không kịp” - Người chị nói.

Bốn người trong căn nhà xập xệ, nghiêng nghiêng như chực chờ cơn bão nào đó tới chỉ cần thoáng qua là ngã. Trong nhà đồ đạc lộn xộn, có vài cái chậu, tô nhựa đặt ở nền nhà, trên giường để hứng nước mưa do nhà bị dột. Tiếng nói cười, kể chuyện đi đường của ba đứa trẻ sau một ngày làm việc khiến bà ngoại bực mình. “Ăn đi rồi kể cũng được, không ăn mấy con ruồi xanh nó ăn hết bây giờ”.

Xóm nhà lá là nơi tập hợp những căn nhà như thế, dù cách đó không xa, có những siêu thị, nhà hàng sang trọng bậc nhất ở thành phố.

Trong những căn nhà đó là những đứa trẻ cơ nhỡ, sống lay lắt cùng với những người quen, thân. Có khi chỉ là những người gặp ở ngoài đường rồi đem về cùng ở cho vui. Và như thế, cứ đùm bọc nhau như máu mủ.

Khi rảnh rỗi tôi thường rong ruổi tới những nơi như thế, những khu nhà ổ chuột, những ngôi nhà lá, hay xóm vạ đồ... để tìm một chút đối lập của mảng sáng thành phố. Đó là những gì còn lại “buồn thiu” của lòng phố dù nhà cao tầng cứ rẽ mây mà xây lên, siêu thị, nhà hàng vẫn mọc như nấm.

Tôi thường tìm tới đó để rồi xót xa. Vì ở đó, mùa mưa, những đứa trẻ đều có một điểm chung: Trong giấc mơ thường thấy mình bị ướt.

LŨY TRE, CHIẾC ÁO VÀ MŨ

Cái tục lệ rước dâu bằng cửa phụ, nơi con trâu ra vào nằm sau hồi nhà khi cô dâu “ăn cơm trước kẻng” không còn nữa. Một người làng đã nói như vậy lúc tôi về quê ăn cưới. Cũng vui cho các bác trưởng lão của làng đã dám gỡ bỏ cái tục lệ làm đau lòng nhau như thế. Điều đó nên vui. Nhưng từ cái chuyện cởi bỏ những thứ đại loại, nông thôn bây giờ đã bỏ nốt những tục lệ mà hàng ngàn năm đã tạo thành nếp làng đáng bảo tồn và trân trọng.

Nhớ những cái đám cưới cách đây trên chục năm, để chuẩn bị cho một lễ cưới, người nhà phải chuẩn bị cả tháng trời. Từ chuyện bố trí người chặt tre vót đũa, người dựng rạp, chẻ lạt, người mượn bàn ghế, chén bát... cũng phải mất cả đồng người mới làm xuể.

Nay thì điều đó không còn. Dịch vụ thuê mượn rạp cưới lo từ A đến Z. Họ đến dựng cái rạp vài chục mâm (tương đương vài trăm người ngồi) chỉ trong một nháy mắt. Những bộ bàn sáu người ngồi, ghế đẩu được thay bằng bàn tròn mười người, ghế nhựa. Còn chén bát, đũa thì khỏi phải lo. Chỉ cần một cuộc điện thoại sẽ có một nhà hàng hay dịch vụ nấu thuê, bưng bê đến tận nơi. Đũa cũng được thay bằng đũa tre mua sẵn với giá rẻ, được gói trong bao ni lông rất hợp vệ sinh. Chẳng cần ngồi phay từng thân tre ra, vót từng chiếc để có đũa. Đám cưới ở quê cũng như ở phố. Chỉ cần có tiền, người nhà tổ chức đám cưới chỉ có việc tiếp khách, bắt tay, cười nói và làm đẹp. Ngày xưa, cả làng có ai cưới hỏi thì đàn bà con gái tự trang điểm cho nhau. Nhưng nay chỉ cần ra quán gội đầu uốn tóc ở ngay đầu làng, trong chớp nhoáng họ sẽ biến người nông dân chân lấm tay bùn thành con người thành thị văn minh, đẹp như lụa với đủ loại phấn son. Bởi thế mới biết quyền năng của son

phần, của sự tân tiến.

Sự tân tiến đó dường như làm cho cái cuộc vui đó thêm tẻ nhạt. Ngày xưa, họ chụm đầu vào nhau nấu nướng. Con lợn được om từ vài tháng trước. Người cạo lông, người mổ lòng, người chặt thịt... Tiếng cười tiếng nói làm rộn ràng cả một vùng quê. Bữa cơm thân mật diễn ra đầm ấm. Miếng trầu, chén trà bưng lên làm thắm lòng nhau. Họ tay bắt mặt mừng ngồi hàn huyên vì lễ cưới là cơ hội để hội ngộ mà không sợ tiếng nhạc sống của đêm hội thanh niên làm chói tai. Thay cái cũ, lạc hậu để tiếp nhận một cái mới tiện nghi, hiện đại là điều ai cũng muốn. Nhưng có những cái mất đi chẳng bao giờ lấy lại được.

Có người bảo, lũy tre là bộ mặt của làng. Khi nào lũy tre mất thì làng cũng mất. Có người lại bảo áo dài khăn đóng của các cụ còn là làng còn. Đó là chiếc áo tứ thân màu đen tuyền tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu của mỗi con người. Chiếc khăn đóng cũng màu đen với bảy nếp gấp chữ nhân biểu tượng cho bảy trạng thái của con người: Hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục. Mỗi con người khi mang lên mình chiếc áo và đội trên đầu chiếc mũ đó là những con người đủ tuổi để chín chắn; đủ nhân cách, đức độ để được người đời kính trọng. Trong những tiệc đám cưới ở làng cũng vắng dần những chiếc áo và chiếc mũ như thế. Thay vào đó là những chiếc áo veston đầy sang trọng.

Sự mất đi từng lũy tre làng cùng với những chiếc áo, chiếc mũ truyền thống đã khiến những người hoài cổ phải luyến tiếc.

HỎN CỦA NGÀY XƯA

Mình được ngoại kể chuyện tiểu lâm về chàng rể và mẹ vợ không biết bao nhiêu lần. Mỗi lần như thế ngoại cười ngả nghiêng hờ cái răng sún đã gây từ hồi năm ngoai.

Câu chuyện kể về chàng rể đến nhà chơi đúng lúc mẹ vợ đi tiểu tiện. Chàng rể có tên là Hỏn. Bà mẹ vợ xấu hổ nên hỏi xã giao: Hỏn đến khi nào? Chàng rể trả lời bóng gió, đại khái ghi lại cái không gian, âm thanh mà chàng ta chứng kiến: “Hỏn tới khi trăng lên cao, nước chảy lao xao, ếch kêu ị oạp”.

Ngoại khoái câu chuyện tả thực này quá nên kể đi kể lại mỗi lần có đứa nào nài nỉ bà kể chuyện tiểu lâm. Lâu dần, lũ cháu chúng mình gọi ngoại là Hỏn: Hỏn ăn cơm chưa, Hỏn kể chuyện đi. Ngoại thấy hay hay vì mỗi lần đứa nào gọi ngoại bằng Hỏn là ngoại bảo: “Tổ cha mi”, rồi cười ngoắc ngoải để lộ hàm răng sún khiến lũ cháu cười theo.

Ngoại ở dưới quê nửa năm rồi lên phố nửa năm. Mỗi lần nhớ làng, nhớ quê mà mạ không cho về là ngoại bỏ ăn ngồi nhìn ra cửa sổ. Cái cửa sổ nhìn lui là thấy bụi chuối nằm khiêm tốn ở một chỗ chật chội trong lòng phố. Dường như ở đó ngoại cảm nhận về những nương chuối, cây khế, cây măng cầu ở dưới nhà dì cách khoảng trăm cây số. Mạ không cho ngoại về vì đồng bằng đang mùa rét, mưa phùn gió bắc người già rất dễ ốm đau. Những lúc như thế, mình thường vào khe khẽ hỏi nhỏ: “Hỏn đến khi nào?”. Nghe xong câu đó thế nào ngoại cũng cười. Sau đó ngoại lại bảo, thôi đi bỏ gạo vào nồi nấu cơm kéo tối.

Bữa cơm mùa đông ngoại thích ăn món bầu khô kho thịt. Bầu được dì phơi vào mùa hè, gói ghém gửi lên cho mạ làm quà. Ngoại bảo cứ cất đi, đợi mùa đông ăn mới ngon. Món bầu khô kho thịt của ngoại lúc nào

cũng khiến bữa ăn ngon hơn. Tất cả dư vị của đồng quê được chuyển hóa trong một đĩa bầu kho đầy nghĩa tình. Ăn bầu khô mà nhớ giàn bầu dưới quê. Ngoại bảo thế. Giàn bầu ra hoa trắng mà vẫn quyến rũ bầy ong. Quả bầu lớn lên đu đưa trong gió. Quả nào ăn được là cứ cắt dần mà ăn. Đến mùa có khi cả nhà ăn toàn bầu: Bầu nấu canh tôm, bầu luộc chấm, bầu kho... Mỗi bữa ăn chỉ cắt một miếng, phần còn lại cứ thế mà đu đưa với gió ngàn.

Nghe ngoại nói nhớ giàn bầu, mạ mình chạnh lòng: “Thôi mai con đưa mạ về quê ít bữa”.

Ngày ngoại về, căn phòng ngoại ở vắng vẻ, lũ cháu cũng chẳng ra vào nơi đó nữa vì chẳng có ai kể chuyện tiểu lâm. Ngoại ra xe, mình hỏi Hồn về bao giờ lên. Hồn cười. Xe chạy cuốn bụi đường dáo dác. Nhớ mãi nụ cười của Hồn, nhớ hun hút theo chiều bụi đỏ là cái răng sún và mái tóc bạc trắng như bà tiên.

Giáp tết, đồng vừa xuống mạ. Mưa lún phún. Người ta đưa ngoại ra đồng để về với đất. Con cháu trời Nam, trời Bắc tụ họp về tiễn đưa người thiên cổ. Trước đó ít ngày, đang trên đường đi làm. Thằng em nhắn tin vắn vắn có mấy chữ: “Hồn đã không còn”. Ừ, ngoại đã về với đất. Mình chạy nhanh về nhà, xếp vội áo quần để về với ngoại. Đi ngang qua phòng ngoại, cánh cửa sổ mở toang. Ngoài kia bụi chuối cọ nhau xào xạc. Nghe vắng vắng như ai hỏi: “Hồn đến khi nào?”.

Mình từng nghe chuyện có một gia đình cũng về tiễn đưa người thiên cổ là bà ngoại. Năm ba ngày tang lễ, người này kể phải bỏ việc ở nước ngoài bay về; người kia kể phải hoãn cuộc họp trong Nam để bay về; người khác bảo cửa nhà trên phố phải khóa, bỏ lớp dạy thêm đầy ắp để chạy về... Ai cũng có lý do để hôm nay ở đây như là một việc bất đắc dĩ. Mở cửa mả xong, họ kéo nhau đi. Và ngoài nắm mộ mới xây, chỉ có con chó Mực ra nằm ở đó thương tiếc người xưa.

Rồi mình cũng như họ, mình cũng sẽ trở lại thành phố, nơi có gia đình và công việc. Có một chút day dứt về hình ảnh con đường dài hun

hút ra cánh đồng. Nơi đó mình mang thương nhớ ra đi. Thi thoảng trong chiều nhợt nhạt nào đó trên dậm dài đất nước mà hát lên: Hồn đến đâu rồi?

MƯA HÁT TRÊN SÔNG

Mưa. Tiếng gõ vào ván thuyền cứ đều đều mong cho cá tôm mắc lưới, tiếng trẻ con sợ sấm sét khóc ré lên trong mũi thuyền. Ở đôi bờ sông, hoa bắp vẫn lay lắt trong cơn mưa tầm tã.

Sau bao biến đổi bề dâu của đất trời mà xóm chài lưới trên sông Hiếu vẫn không làm nổi một cuộc “thiên di” là thoát khỏi chiếc thuyền câu chật hẹp để lên bờ. Đã nhiều đời lắm rồi, con sông này vẫn chở nặng bao nỗi truân chuyên. Họ gọi người dân sống trên khúc sông này là dân xóm Nôốc (phương ngữ của người Quảng Trị gọi chiếc thuyền là chiếc nôốc), chỉ nhóm người không có miếng đất để cắm dùi, quanh năm lênh đênh trên sông nước. Cả gia đình năm, bảy người chen nhau trong chiếc thuyền chài nhỏ nhoi. Thức ăn lấy từ lòng sông, gạo cũng có từ lòng sông. Và ngay cả những thứ dơ bẩn của con người cũng được phóng xuống lòng sông.

Cứ mỗi buổi sáng thật sớm, tất cả các thuyền đều ghé vào bờ, áp sát chợ để đưa cá tôm ra bán. Những con cá ngon được bán đi để đổi gạo và các thứ khác, các loài cá bé được kho lui kho tới dài ngày dùng làm thức ăn chính cho mỗi bữa cơm. Có hôm những đứa trẻ theo mẹ lên chợ bán cá cứ chỉ tay về phía hàng thịt heo. Đó là thứ mà chúng muốn ăn thay vì chỉ cá và cá quanh năm suốt tháng. Mẹ biết con thèm, biết rồi để đau lòng cho cái nghèo cái khổ.

Mỗi lần thuyền ghé bờ, người đàn ông có hai cánh tay đen sạm vì nắng và khuôn mặt còn ngái ngủ thường xách cái bình ắc-quy lên bờ, sau đó hai đứa con bé tý mỗi đứa mỗi đầu bình mang về phía chợ, nơi có ông thợ chuyên sạc bình điện. Cái bình này là năng lượng để xem tivi, thứ giải trí duy nhất mà chiếc thuyền chài có được ngoài chiếc cát-sét

chuyên bị nghệt tiếng vì băng cuốn. Tội nhất vẫn là những đứa trẻ đi chân trần cứ bám theo áo mẹ, mắt nhắm mắt mở, cứ đinh ninh đi theo mẹ, bán xong cá thể nào cũng có được cái bánh đúc đặt trong ngọn lá chuối. Nhưng thay vì chiếc kẹo chanh ngọt ngọt, miếng bánh đúc thì chúng lại chọn những con tò he bằng bột nặn lên xanh đỏ trông bắt mắt. Dem về thuyền, chơi chán rồi lại đem ra nướng cho nóng rồi ngồi nhai.

Mẹ tôi bán gạo ở chợ, cứ vài hôm một lần lại có người dưới xóm Nôốc lên vay gạo. Bảo cứ mua rồi sáng mai đưa cá lên đổi. Cứ thế người này vay được thì người kia vay được, quán mẹ tôi trở thành nơi đổi gạo và cá tươi. Mẹ bảo xóm vạn dò cực lắm, mùa đông cá tôm hiếm, mùa hè thì nhờ vào sự may mắn, miếng ăn nhờ trời nhờ Phật, bấp bênh bữa được bữa mất. Không bán chịu cho họ không đành.

Con cái những chiếc thuyền chài này lớn lên, dựng vợ gả chồng nhưng được mấy người thoát khỏi chiếc thuyền chài? Hầu hết được cha mẹ đóng cho chiếc thuyền mới, ra ở riêng tự lập bằng vạt lưới, hai chiếc chèo và một cây sào chèo chống trong sóng gió của cuộc đời. Những đứa trẻ xóm Nôốc thất học, nhếch nhác, áo không đủ ấm thường chèo ghe lên bờ khi có cái đám cưới. Chúng trầm trồ nhìn cô dâu, chỉ trỏ cười khi khi thấy chú rể, chế giễu ai đó có cái miệng đầy son đỏ thắm, đôi mắt xanh xanh và má trắng vì phấn. Chúng hé bức rèm che chắn bữa tiệc để nhìn, để ước mơ và thi thoảng chúng lại ngả tay: “Chú, chú... cho cháu ố mì”. Rồi một ai đó chìa ra vài ổ mì, món thường thừa trong mọi bữa tiệc, cả đám trẻ sẽ chạy đến giật vội rồi xé cho nhau nhai ngấu nghiến.

Sông Hiếu có những chiều mưa, bên quán cóc ven sông của thành phố nhìn ra, những chiếc thuyền chài mờ dần trong một màu bàng bạc. Nước từ thượng nguồn về đỏ quạch cuốn theo bao trầm tích của núi rừng. Trên sông, những chiếc ghe nhỏ ra vớt củi rều rệu để đốt. Từng phận người dưới cơn thịnh nộ của đất trời sao mong manh. Xóm Nôốc mưa thật buồn, những chiếc thuyền khép mui lại kéo mưa tạt cứ lắt lự, chao đảo quanh cây sào cô quạnh làm sao.

Từ trong mũi thuyền có vài đôi mắt nhìn xa xăm. Một ngày mưa sắp khép lại bằng ngọn đèn dầu của thuyền ai thắp sớm. Tiếng ván thuyền lại đập đuổi cá đập dừ. Nghe qua như mưa hát.

NHẤP NHÔ ĐƯỜNG QUÊ

Bòn là tên thằng bạn của tôi từ thời chăn trâu cắt cỏ. Nó bằng tuổi tôi mà người nhỏ thó. Cái chân bị tật bẩm sinh nên đi lại rất khó khăn.

Ba mẹ đặt tên cúng cơm cho nó là Bòn vì nó là đứa út, là của bòn mót của ba mẹ nó như cách nói đùa của người làng vậy. Thuở đó làng Dương còn nghèo. Cơm áo của làng chỉ dựa vào việc đánh bắt tôm cá trên sông Hãn nên cuộc sống cứ bấp bênh làm sao. Mùa đông lạnh thấy con cái thiếu áo, ba mẹ phải gắng sức chèo đò đi trong rét mướt để đánh bắt ở khúc sông xa, sát cửa biển để mong kiếm ít tiền cho con bằng bạn bằng bè. Sách vở, bút mực... đều lấy từ cá tôm dưới sông mà có được. Con sông như người mẹ cưu mang cả làng Dương qua cơn đói khát một thời.

Nhà thằng Bòn nghèo nhất làng vì đông con. Cả thầy tám anh em. Bố mẹ nó nuôi không nổi, anh em nó cứ thay nhau ở nhờ nhà ông ngoại, đứa thì ở ông nội... luân phiên như thế để ông bà lo cơm, chứ ba mẹ thì không kham nổi tám cái miệng ăn mà chỉ hai người làm. Anh em Bòn đều tàn tật, thiếu năng. Người lành lặn thì trí tuệ như đứa trẻ, người có trí khôn thì lại què quặt. Bòn là người thuộc tốp sau. Đó là hậu quả của chất độc màu da cam mà ba Bòn bị nhiễm trong chiến tranh ở Trường Sơn.

Dù Bòn không được bình thường nhưng tôi với nó thân nhau như anh em. Chiều nào cũng thế chúng tôi hai đứa hai con trâu luôn ở trên đồng hay dọc triền sông. Cái chân thằng Bòn đi cà khiễng nhưng nó bơi giỏi lắm. Nó bơi cừ nhất đám con nít trong làng. Nó nổi tiếng qua làng bên về tài cứu người chết đuối. Những đứa trẻ may mắn được nó cứu sống đều nhận nó làm anh, xem như ruột thịt.

Chiều nào chăn trâu xong cũng xuống sông tắm cho đến lúc hoàng

hôn đỏ au cả khoảng sông chúng tôi mới dắt trâu ra về. Nó dắt trâu đi bên tôi, cái dáng đi nhấp nhô, cà thụt in trên hoàng hôn thật đẹp. Nó hay bảo mày có biết đi cà thụt như tao không? Thế là tôi cũng đi theo kiểu “chấm phẩy” như nó. Hai thằng cà nhắc như thế cho đến lúc về nhà. Đám con nít nhỏ tuổi nhìn thấy cười ngả nghe, chỉ vào chúng tôi: “Ôi, hai thằng què”.

Bòn điên lên khi ai nói nó què. Thế nên đám nhỏ chọc nó thế nào cũng bị Bòn dọa nạt cho đến lúc khóc thì thôi.

Làng Dương nằm trên cù lao Bắc Phước giữa hai sông, bốn bề là nước nên chúng tôi đi học là phải đi đò. Thằng Bòn không biết đi xe đạp, cái chân bị tật không cho nó đi xe đạp. Nó khắp khiêng như thế suốt năm năm trời, lên lớp 6 là nó bỏ học. Nó bảo ở quê học như rứa là đủ sống rồi. Biết đếm xem bao nhiêu khoai sắn, cá tôm là hạnh phúc. Hôm nó quyết định bỏ học, tôi và nó ôm nhau khóc. Thương cho nó, nó biết ba mẹ cực nên không đi học tiếp chứ nó cũng khát khao học lên cao để thoát khỏi cù lao này mà lên thành phố học tiếp lắm. Tôi khóc vì những ngày đi học sắp tới, tôi không còn người bạn thân cùng đến trường, cùng đi chăn trâu nữa. Câu nói của Bòn dặn nghe mặng đắng: “Gắng học cho giỏi để về làm thầy giáo, làng Dương chưa có ai là thầy giáo cả”.

Tôi lên phố học. Có nhiều bạn mới nhưng không sao quên được cái dáng đi cà thụt của thằng Bòn. Mỗi lần về gặp nó là nó lơ. Nó bảo đừng tìm tao nữa. Ai lại chơi với cái thằng thất học và quê mùa như tao. Tôi cười bảo: “Tao còn quê mùa hơn mày. Mày không học thôi, chứ học thì cũng giỏi lắm mà”. Tôi đi bên nó từ trên đồng về làng. Vẫn là công việc chăn trâu, vẫn là cái dáng đi cà thụt in trên nền trời. Tôi hỏi nó: “Mi cho tao đi cà thụt như mi không”. Nó bảo: “Lâu rồi mày quên kiểu đi này giờ đi gì được”. Thế là hai thằng cà thụt, cà thụt cho đến lúc về đến cổng nhà.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp nó. Học xong tôi đi lập nghiệp xa xôi, lâu lâu về làng một lần. Mỗi lần về là vội vã chẳng đến thăm nó được. Tiếng

là về thăm quê nhưng chẳng có thời gian, công việc, cơm áo cứ làm cho ta xoay vần. Những người bạn từ thuở chăn trâu, đốt đồng cứ xa dần, quên lãng.

Lần này về quê buồn đứt ruột. Lên mộ thắp hương cho Bòn mà không cầm được nước mắt. Bòn chết trong một trận lũ. Nó cứu mấy đứa học trò khi qua sông đi học bị lật đò nước cuốn trôi. Nghe người làng bảo xác nó trôi về tận biển Cửa Việt. Đời nó cứu không biết bao nhiêu người chết đuối cuối cùng chính mình cũng bị chết đuối.

Một mình đi trên con đường làng. Tôi nhớ Bòn mà đi cà thụt. Dáng đi nhấp nhô, nhấp nhô trên đường quê. Vừa đi vừa chảy nước mắt khi nghe ai đó nói vọng ra từ những khu đất sát đường: “Ai đó giống thằng Bòn chưa?”.

TÌNH YÊU CỦA MẸ

Chiến tranh đi qua, mẹ tôi trở về làng khi người thân không còn một ai. Bom đạn đã cướp đi tất cả gia đình, nhà cửa nhưng không thể cướp đi nghị lực của người đàn bà đã từng vượt qua lửa đạn.

Chiến tranh đi qua mà bom vẫn còn vang lên đây đó, khiến cho những vành khăn trắng cứ ám ảnh mãi trên những con đường quê. Xóm làng bảo mẹ kiếm lấy một người mà yên bề gia thất. Tuổi xuân của mẹ bỏ lại ở núi rừng Trường Sơn, giờ hòa bình dường như việc chồng con là một điều xa vời vợi. Nghĩ vậy nên mẹ tôi ở vậy cho đến một ngày hàng xóm qua bảo: “Thôi, kiếm đại một đứa con mà nuôi, sau này trái gió trở trời còn có nơi nương tựa”.

Tôi lớn lên trong mái nhà tranh, vách đất. Những giấc mơ luôn thấy mình bị ướt sũng và lạnh, luôn nghe cái dạ dày sôi vì đói. Cũng đúng thôi, khi những đêm cơn mưa đi qua, nơi hai mẹ con ngủ thường bị nước mưa giọt xuống, ướt và lạnh. Mẹ bảo cái nhà này là nhà tình thương. Cả làng thấy mẹ khó khăn nên huy động trai tráng dựng nhà cho mẹ rồi cấp cho mảnh ruộng ít ỏi để sống “cầm hơi”. Những ngày gió rít, cứ tưởng mái nhà tranh xiêu xiêu này không chống nổi cơn thịnh nộ của đất trời. Thế mà vẫn đi qua những mùa đông khắc nghiệt hay những cơn bão dữ. Mẹ bảo trời còn thương mình!

Có lẽ đi học là niềm vui của nhiều người. Nhưng với tôi đi học là một sự tra tấn vô hình. Từ đường làng đến trường tôi thấy tự ti với những học sinh ngang lứa. Nhà nó khá, giàu có hơn mình, có ba có mẹ đầy đủ cũng là một điều đáng để tôi ngưỡng mộ, rồi lại áo quần chúng đẹp, thơm tho chẳng có chỗ vá hay đứt chỉ như tôi. Ít nhất đứa con gái nào ngang lứa tôi đều có cái kẹp tóc hình con bướm hay sợi dây xanh đỏ

trông thật bắt mắt. Riêng tôi, chỉ là sợi dây thun bán năm trăm đồng cả năm trong tay, xài cả năm trời vẫn không hết. Nhưng những chuyện đó cũng khiến một đứa trẻ như tôi quên bẵng đi khi vui đùa vào giờ học dưới cặp mắt của ông thầy nghiêm nghị, lúc đó cái sự ghen tị với chúng nó liền tan biến.

Sợ nhất là những lần ra chơi giải lao giữa giờ, những cặp mắt nhìn tôi và nói: “Này đứa con hoang, này đứa ghẻ lở...”. Tôi khóc, không dám hé môi với thầy, cô vì nghĩ làm vậy thì mình càng xấu hổ. Học về, tôi ném cái túi ni lông đựng sách vở lên bàn và lao vào buồng nằm khóc. Mẹ tôi đi làm về nghe tiếng thút thít liền vào tra hỏi. Tôi là tài sản lớn nhất của mẹ, nên khi nghe tôi khóc tưởng là bị ai đánh hay đau ốm gì. Mẹ vội áp tay lên trán xem đầu có nóng không, cầm tay ôm tôi vào lòng rồi bảo chuyện gì. Mẹ càng hỏi tôi càng khóc to hơn. Sau một hồi gặng hỏi tôi mếu máo nói trong nước mắt, câu được câu còn: “Chúng bảo con là đứa con hoang. Có phải không mẹ?”. Không trả lời, mẹ ôm riết tôi vào lòng chặt hơn và bắt đầu khóc, khóc không thành tiếng nhưng những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên má tôi. Tôi nghe nước mắt mằn mặn, hai giọt nước mắt đều mằn như nhau!

Ngày tháng trôi qua, tôi trở thành một đứa gan lì, chai sạn với những lời của đám bạn cùng lứa, cũng như những lần buôn chuyện của người làng. Không cần mẹ phải nói thì tôi cũng biết tôi chẳng phải con đẻ của mẹ. Hồi đó mẹ trở về làng sau năm tháng chiến tranh. Xóm giềng mới lái mãi mẹ mới đến với một người đàn ông. Cả hai ở với nhau một thời gian dài mà không có con nên người đó bỏ đi lên thành phố sinh sống. Người làng bảo mẹ không thể sinh con vì di chứng của chất độc màu da cam. Mẹ không buồn, tự nhủ ở vậy cho qua một đời người. Cứ tưởng cuộc đời cô quanh co thế trôi qua, ai ngờ ủy ban xã gọi lên bảo mẹ nhận một đứa trẻ về nuôi. Đó là đứa trẻ bị một người đàn bà bất hạnh chối bỏ, người ta tìm thấy dưới cây hoa gạo đang kỳ trổ bông. Khuôn mặt đứa bé tím tái vì lạnh, ông chủ tịch xã làm thủ tục cho mẹ nhận nuôi và đặt tên là

Lúa, sau này làm giấy khai sinh cải lại cho đẹp là Lụa. Đây là tên của tôi, đứa trẻ bất hạnh của một người đàn bà bỏ rơi và được một người đàn bà nuôi nấng.

Từ vòng tay của mẹ cùng với cơm mắm, sắn khoai, tôi lớn đi học xa. Mẹ tôi ở nhà côi cút trong ngôi nhà lạnh vắng. Tôi lên thành phố cũng là điều lo lắng với mẹ, mẹ sợ mất tôi. Sợ rằng một ngày kia có một người đàn bà nào đó đến nhận mặt là mẹ ruột, rằng đã đẻ ra tôi và sẽ mang tôi đi.

Mỗi lần có người cùng quê lên phố, mẹ đều gửi quà cho tôi, đó là những củ khoai, củ sắn hay bánh đúc, bánh bột lọc mà mẹ thức đêm làm. Họ bảo hôm nào mẹ cũng đưa cái áo cũ lúc học cấp hai của tôi ra ngắm và vuốt ve. Họ bảo nhớ con nên mẹ mới làm thế. Tôi ôm mặt khóc giữa một căn phòng xa lạ. Nơi này mưa không dột, gió không lạnh nhưng sao lại nhớ căn nhà của mẹ. Mẹ ơi, cảm ơn mẹ, con lúc nào cũng là của mẹ...

NƠI TÌNH YÊU THẨM LẠI

Cưới vợ xong, tuần trăng mật mà tôi chọn là một nơi được mệnh danh là đất chết. Nhiều người cho lời khuyên hãy đến những vùng có cảnh đẹp, các khu du lịch... Nhưng tôi đã quyết tâm trở về mảnh đất ba tôi đã cầm súng và chiến đấu. Người vợ mới cưới của tôi ban đầu cũng ái ngại, rồi cuối cùng cũng đồng tình, tôi thật hạnh phúc khi nàng đồng ý.

Ba tôi tham gia chiến trường Quảng Trị một thời gian dài, nghe mẹ và bà kể lại. Lúc đóng quân tại một làng ven sông Thạch Hãn, ba thường viết thư về cho mẹ và bà, trong thư kể nhiều về con người và cảnh vật nơi này, kể về cái thị xã nhỏ bé nép mình bên con sông, những con đường bị bom cày xới, những người phụ nữ chân đất bế con chạy khỏi vùng lửa đạn...

Ngày đó, ba đi theo tiếng gọi của miền Nam, như những trai tráng cùng làng, ba cưới mẹ vợ vã, đơn sơ bằng một mâm cơm đạm bạc có mặt đôi bên gia đình. Chiến tranh không cho phép mỗi con người hưởng trọn cái hạnh phúc dạt dào của tuổi trẻ, vì hạnh phúc của họ nằm ngoài tiền tuyến, khi đối mặt với quân thù. Sau đêm tân hôn, ba lên đường cùng đồng đội, mẹ đưa tiễn người chồng mà hơi ấm dường như chưa quen. Suốt cuộc hành quân dài từ Bắc đến Trung, ba đều viết thư cho mẹ kể lại những nơi ba đi qua. Sau thời gian ba đi vào giới tuyến, mẹ bắt đầu nuôi trong mình một giọt máu của ba. Tôi sinh ra và lớn lên chưa kịp biết mặt ba, chỉ biết rất mơ hồ qua những ký ức của đồng đội, lời kể của bà và mẹ!...

Giờ đây, những hình ảnh mẹ nhắc lại trong thư của ba giờ đã hiện hình trước mặt. Xuống ga Quảng Trị, ngoắt chiếc taxi của hãng Dòng

Hiền, tôi cùng vợ làm một vòng quanh thị xã. Anh lái xe taxi cũng là một tay “hướng dẫn viên du lịch” nghiệp dư, biết tôi đi hưởng tuần trăng mật thì ngạc nhiên vì sao lại đến nơi này, anh nói ở đây chẳng có điểm du lịch nào phù hợp cho nghỉ tuần trăng mật, chủ yếu là du lịch tâm linh và hoài niệm chiến trường xưa thôi. Anh bảo thị xã này nhỏ bé lắm, nhưng nó chứa nhiều cái mà mỗi một con người cần nhiều thời gian để chiêm nghiệm. Anh bảo đây là đất của lịch sử và văn hóa, những gì còn lại của người xưa ở vùng đất này cũng nhiều, với lại đây là “cố đô” của nhà Nguyễn, cái buổi sơ khai khi chúa Nguyễn Hoàng vào đây khai hoang, đã chọn đây là dinh để yên dân, trị quốc.

Tôi hỏi anh dấu vết của Nguyễn Hoàng còn lại gì trên vùng này, anh bảo giờ còn lại là hoài niệm cùng người dân và những tên làng, tên chợ thôi, còn vật chất cụ thể thì chỉ có những đền thờ, tượng ở làng Trà Liên cách đây không xa. Còn cái dấu vết đáng trân trọng nữa là Thành cổ Quảng Trị, đó là dấu vết của thành quách mà thời Nguyễn bỏ lại trên đất Quảng. Đúng là người lái taxi am tường về lịch sử quê hương mình. Anh giới thiệu cho chúng tôi một khách sạn nằm cách Thành cổ không xa, chào tạm biệt anh, tự hứa khi quay về sẽ gọi đúng chiếc taxi có anh lái để gặp lại lần nữa. Thị xã vào mùa đông cũng mưa bụi bay lất phất như ngoài Bắc, tôi đứng ở ban công khách sạn để hít một hơi thật sâu vì biết mình đã đặt chân đến mảnh đất thiêng, mảnh đất của sự hy sinh mất mát và oanh liệt!

Buổi sáng, khi cái rét cùng với những cơn mưa phùn bao phủ những con đường, tôi muốn đi bộ trên con đường trục chính của thị xã để thưởng thức cái sức sống từ miền đất thiêng. Bom đạn đã không còn nhưng dấu tích của nó đang hiện hữu trên những mảng tường của những ngôi nhà đổ nát mà nay nó trở thành di tích. Tôi đi ngang qua Trường Bồ Đề, cái phế tích rêu phủ xanh nhưng nó làm minh chứng cho cái khắc nghiệt của chiến tranh. Bà cụ bán cháo ghé lại dưới gốc bàng trơ lá, bỏ quang gánh xuống để bày biện mọi thứ ra bán, chúng tôi ăn

hai bát bánh canh cá lóc, mùi hành nén thơm ngon quện trong cái lạnh tê người. Bà bảo bánh canh cá lóc là món đặc sản của người Quảng Trị, món này phải nói đến người Hải Lăng, họ làm thì hết chê.

Tôi hỏi ở cái thị xã hiu hắt này có món gì đặc sản? Bà im lặng một hồi rồi bảo: “Bom!”. Tôi không muốn đi sâu vào cái “đặc sản” này, nhưng bà cụ sau khi biết tôi là người miền Bắc, vào Thành cổ để thăm lại mảnh đất nơi ba mình ngã xuống nên cụ như tìm được một người đồng cảm để tâm sự. Cụ bảo đã mất đứa con trai chính trên mảnh đất quê hương mình, con trai cụ ngã xuống vào cái mùa hè đỏ lửa năm 1972. Lúc đó cụ đã ra Vĩnh Linh, cả làng chạy tan tác, chỉ kịp nhìn lại ngôi nhà rồi dúi dẩy nhau đi. Những ngày khói lửa thật khủng khiếp, nỗi đau cứ dâng lên khi mỗi chiều ngóng về phía Nam sông Bến Hải, nơi từng những cột khói bốc lên, không biết đứa con trai mình ở lại cầm súng để bảo vệ Thành cổ còn sống hay đã chết, nhưng cái không khí muốn diệt tan quân thù luôn sôi sục trong mỗi người dân ở đất thép Vĩnh Linh. Cuối cùng cái hung tin cũng đến trên đôi mắt thâm quầng của người mẹ, con trai bà hy sinh giữa những tấn bom đạn giội xuống. Bà bảo cái thời khắc ấy cỏ cây cũng không còn hướng chi là người. Bà gọi đùa “đặc sản” ở xứ này là bom vì nó còn nằm chìm dưới đất, dường như nó không chịu tha cho những người dân nơi này, thỉnh thoảng tiếng nổ xé trời lại vang lên ở đâu đó sau lũy tre, trên đồi trọc và cả những kho phế liệu của người buôn. Tiếng nổ của hơn 40 năm trước và tiếng nổ bây giờ chẳng khác nhau là bao, nghe những tiếng nổ của những quả bom còn sót lại ở đâu đó, thấy nỗi đau mất mát lại thêm một lần bị chà xát như mới hôm qua.

Nhìn những bức tường rêu phong, mưa vỗ về tí tách, từng khóm hoa nở dưới những cành lá của người đàn ông bán cây cảnh trưng bày ở ngôi trường phế tích này, cụ bà rót cốc trà nóng cho tôi như trấn tĩnh lại trong những phút giây hồi tưởng quá khứ. Trong đôi mắt bà ánh lên một vẻ tự hào khi những màu xanh của cây lá, vẻ bình yên của cái thị xã nhỏ bé này có một phần xương thịt góp vào của con trai cụ. Tôi biết điều

đó vì chính bà nội của tôi nhiều lần im lặng và hồi ức về đứa con trai của mình, mỗi người có một số phận khác nhau, nhưng riêng cái mất mát nào dường như cũng như nhau.

Tôi đi dưới cơn mưa theo con đường nhỏ để đến sông Thạch Hãn, vợ tôi đi bên cạnh nắm tay cơ mình vì lạnh, hai chúng tôi như người con lâu ngày trở về quê hương, luôn tìm thấy trong mỗi bước chân có dấu chân của ba đã đi qua. Dòng sông trong xanh, bình yên. Tháp chuông, lầu chuông vừa xây còn thơm mùi gạch mới. Cái hình ảnh bến thả hoa hiện hữu trước mắt, đã có lần tôi ước mơ kính cẩn trước dòng sông này khi xem lễ thả hoa chiếu trên ti vi hay đọc thơ của Lê Bá Dương. Vợ tôi đứng nghiêng mình và nắm tay tôi chặt hơn, tôi biết nàng xúc động khi đứng trước một nghĩa trang trên sông!

Tôi nhớ có lần nghe mẹ kể về ba vượt sông Thạch Hãn để tiếp cận thị xã. Mùa mưa nước to và chảy xiết, ba cùng hai đồng chí bí mật bơi qua sông, vốn là dân sông nước ở sông Hồng nên ba bơi qua được và tiếp cận bờ, một người đồng chí đã bị nước cuốn trôi trước sự bất lực của ba. Nhưng hàng đêm, trước những cấp thiết tiếp ứng quân lực, hàng chục chiến sĩ dũng cảm vượt sông để vào Thành cổ.

Quảng Trị biết đến là tỉnh của những nghĩa trang, riêng ở cái thị xã nhỏ bé này có những nghĩa trang kỳ lạ: Nghĩa trang trên sông Thạch Hãn, nghĩa trang trong Thành cổ và xa hơn nữa cái Nghĩa Trùng được hình thành từ thuở Tây Sơn - Nguyễn Huệ. Dường như đâu đây trong mỗi tấc đất, ngọn cỏ đều có máu và từ đó cây đâm chồi, hoa nở dâng hương. Một màu xanh bao phủ Thành cổ Quảng Trị, xanh cỏ cây, xanh nước hồ của những con kênh chạy quanh bờ thành, xanh áo, xanh mũ của các cựu chiến binh về đây dâng nén hương nồng mặc niệm đồng đội đã khuất.

Tôi cúi xuống đưa tay lướt nhẹ trên những nhánh cỏ lau, những giọt mưa đầu mùa đông tạo thành những giọt nước như những đôi mắt nhìn tôi, nhìn bầu trời hòa bình...

Dù không đi qua chiến tranh, nhưng những bức ảnh của Đoàn Công Tính ở Bảo tàng Thành Cổ đã cho tôi biết những người con ưu tú của mọi miền đất nước đã chiến đấu trên mảnh đất này thật anh dũng. Tôi cùng vợ dâng nén hương thơm thắp ở bìa tường niệm, lòng run run nghẹn ngào vì đã về nơi mảnh đất mà ba mình ngã xuống: “Ba ơi, con đã về đây thăm ba và các chú...”.

Tôi bốc một nắm đất ở trong “nghĩa trang” này đưa vào túi ni lông, một nắm đất nhỏ để đưa về cho mẹ, cho bà, trong đó đã thấm máu thịt của ba cách đây mấy chục năm về trước. Tôi tin chắc là thế.

MẠ NON ĐƯỜNG QUÊ

Chưa bao giờ đường làng lại đẹp như thế. Những đám mạ non lên đều, xanh mướt, nhìn xa như cỏ non xanh rợn đến chân trời...

Mạ chẳng phải ở đồng, nơi người ta gieo xuống những niềm tin, những giọt mồ hôi để chờ một ngày bội thu trong nắng vàng. Mạ đang nằm ở một góc sân của những ngôi nhà nghèo, phần đầu bao đời không lát bê tông nổi để tiện bề phơi khén lúa, ngô. Mạ đang nằm ở ngoài vườn dưới những gốc cây ăn quả, nơi người ta đổ xuống đó hàng tạ lúa ướt lên mọng để làm phân bón. Mạ ở khắp nơi, từ đầu làng đến cuối chợ khi những con vịt, con gà và chim chóc tha hồ ăn mà không xuể.

Mùa lụt đã đi qua, dù vội vàng nhưng cũng đủ cuốn đi bao sản vật mà người làm nông quê tôi đã đổ mồ hôi mấy tháng trời để có được. Họ không còn khóc nữa, vì những mồ hôi, nước mắt đã đổ xuống nhiều rồi, từ hơn nửa tháng trước, khi nước lũ bắt đầu tràn về đồng, nhà nhà, người người chạy đua với lũ để đem lúa về nhà. Lúa về nhà ngâm bao đặng cay, chưa ráo nước thì đón một cơn lụt mới, lúa thềm nắng, đợi nắng mãi đến lúc phải lên mọng, nảy mầm.

Hình như chẳng hạt lúa nào có thể hóa kiếp thành gạo nuôi người sau mùa lũ ở quê tôi. Bỏ qua những thứ cần phải dọn dẹp, sửa sang sau cơn lũ, người ta ngồi bòn mót, dần sàng để tìm hạt lúa có thể ăn. Dưới ánh nắng nhẹ của một ngày sau cơn lũ, một bà mẹ ngồi nhặt lúa lên mọng. Ba cái thúng nhỏ nằm giữa bề bộn lúa ướt. Cái thúng đầu tiên là dành cho lũ trẻ neho nhóc năm bảy đứa và hai vợ chồng; cái thúng ở giữa dành cho gà vịt lợn; cái thúng sau cùng dành làm phân bón. Từ ba cái thúng này có ba đồng lúa tương ứng với các loại lúa đã phân ra. Nhìn qua, cái đồng lúa dành làm phân bón cho cây cao nghi ngút, nó đối lập

với cái đồng lúa sau vài ngày nữa sẽ thành gạo, giúp lũ trẻ sống lay lắt chừng nào hay chừng đó cho đến mùa vụ mới.

Về quê lúc này đường làng đầy mạ non. Mùi hôi thối, ảm mốc hệ quả từ hạt lúa không được phơi nắng cùng với mùi thối rữa của những đồng lúa nảy mầm cứ vây bủa. Trên loa phát thanh của thôn có thông báo về an toàn vệ sinh sau lũ lụt, trong đó nhấn mạnh đề nghị bà con không nên đổ lúa mọng bừa bãi, ô nhiễm môi trường. Cứ tính mà xem, riêng cái thôn làm nông một trăm phần trăm như ở quê tôi, với số lúa ướt, nảy mầm, đang thối rữa mà nhà ai cũng có như thế này thì cả thôn sẽ trở thành một nhà máy sản xuất phân bón, với chất nền của phân là lúa. Lúc đó, mùi hôi, mức ô nhiễm sẽ trở thành vấn nạn chẳng riêng gì của thôn.

Huyện Vĩnh Linh, mảnh đất thép một thời của cả nước như quê tôi sau trận lụt vừa rồi do gặt muộn đã có đến 2.000 tấn lúa lên mọng, 500 tấn lúa đã bị thối rữa. Khi trời yên biển lặng, số lúa này sẽ được quy ra tiền. Nó sẽ chẳng là gì so với những dự án khổng lồ của đất nước nhưng lại là số tiền lớn đối với một huyện thuần nông của tỉnh nghèo. Với số tiền này, nhà nông đêm đêm khởi gác tay lên trán để nghĩ ngợi “ngày mai mượn gạo ai, vay tiền ai để trang trải áo cơm cho lũ trẻ”.

Nếu không có những cơn thịnh nộ của đất trời, một trong những số lúa này sẽ trở thành giống của vụ tới. Đám mạ đang lên ở mép sân, ngoài vườn sẽ trở thành cây mạ, cây lúa - niềm tin của nhà nông ở trên đồng. Nhưng không, lúa về nhà mà chẳng được ăn. Đó là một nỗi khổ lớn, một mất mát lớn của người quanh năm chân lấm tay bùn.

Nhìn bầy vịt, đàn gà đang nhặt nhạnh thật nhanh những hạt lúa đang mầm. Thật nhanh nhẹn, những cái mỏ mổ xuống đất như hết công suất, chúng chẳng bao giờ biết được rằng, nếu muộn hơn, chỉ một vài hôm nữa, những hạt lúa mọng này sẽ trở thành cây lúa.

Cách đây vài tháng, người làm nông vay tiền mua phân từ hợp tác xã. Ngoài phân còn cả hàng chục khoản khác để chờ hạt lúa về nhà sẽ hoàn

trả, phần còn lại là lợi nhuận. Nhưng nay chính những hạt lúa này lại trở thành một thứ phân bón “nửa vôi”. Người ta vun chúng vào những gốc ốt, gốc cà.

Mạ là cây mạ non tơ trên đồng, “mạ” cũng là tiếng địa phương của người dân Quảng Trị gọi “mẹ”. Tự nhiên tôi lại rớm nước mắt khi nghe một người dân ở vùng lụt than: “Mạ ơi mạ, lúa ơi lúa, mất trắng cả rồi!”, như cái thời còn con nít hay lúc lớn khôn nên người, mỗi lần mất mát hay đau thương tôi thường gọi: “Mạ ơi mạ!”.

Hằng năm, những cơn bão, hạn hán, lũ lụt cứ thay nhau “cày bừa” lên những tấm lưng trần của bà con nông dân. Biết thế nhưng ruộng vẫn cứ gieo, đồng xanh rồi vàng không bao giờ ngơi nghỉ.

ĐI DƯỚI MƯA PHÙN MÙA XUÂN

Không biết tự bao giờ, trong tôi mưa phùn trở thành một nét duyên mà những ngày giáp tết, thiếu nó như thiếu một thứ gì đó vừa lạ vừa quen.

Rét và mưa phùn trong những ngày tháng Chạp luôn làm mẹ nao lòng. Bà thường than thở rằng trời đất buồn chi lạ. Cứ sợ rét quá vạt cải mới xuống giống không lên nổi, còn mưa cứ lùn phùn ngày qua ngày sợ áo quần phơi không khô, củ ớt nhen không cháy... Riêng tôi thì lại khoái mưa phùn, cứ xem nó như một đặc sản của đất trời vậy.

Mưa trắng trời một màu bàng bạc. Mẹ trong chiếc áo toí vừa đi vừa chạy như trốn cái rét cắt da mỗi lần đi chợ về. Ba thì luôn uống một chén nước chè nóng rồi quàng vội chiếc áo mưa chèo thuyền ra sông đánh cá. Anh hai đi học về ném cặp sách chạy xuống bên bếp lửa ngồi cạnh tôi. Hai bàn tay tím ngắt vì mưa lạnh. Tôi thường được mẹ cho một đặc ân là ngồi trông bếp lửa, hết củ cứ cho thêm, cơm khô thì bớt lửa, nước cạn thì châm vào. Không còn gì sướng bằng những lúc ngoài trời mưa lay lắt như vậy mà ngồi bên bếp lửa, giờ hai bàn tay lạnh cóng hơn bên bếp rồi đặt vào má, vào dái tai mà hít hà.

Cứ nghe trời rét, cô giáo thông báo cho học sinh nghỉ học là mừng như tết. Nghỉ học được ngồi bên bếp lửa cả ngày. Lúc chán thì kiếm củ khoai ném vào nướng. Còn không thì qua nhà thằng bạn hàng xóm, gọi mấy đứa cùng nhau chơi trốn tìm theo kiểu trùm mền. Nằm trong mền ấm và thú vị khi có đứa sờ vào đầu mình và đoán: “Đây là cái đầu cá chai của thằng Hỏn. Mà không, thằng Hỏn người nó nhỏ thó, làm gì có cái đầu như vậy...”. Còn mình thì cười rúc rích, cố phì ra tiếng nắc nẻ thật nhỏ để khỏi bị nó phát hiện. Và vui sướng khi nó đoán nhầm. Tôi tên

Hỗn là do mẹ đẻ tôi ra vừa nhỏ, vừa đỏ hỗn như cục thịt vậy, nên khi bà ngoại khi nhìn thấy liền gọi là Hỗn. Từ đó cái tên Hỗn theo tôi đến lúc vào đại học.

Nghỉ học là vui lắm, vì ngoài việc được chơi các trò chơi chạy trốn cái lạnh còn trốn được con đường làng trơn trượt dính đầy đất đỏ. Mỗi sáng đi học từ nhà đến trường là đôi dép biến thành đôi giày vì bị đất đỏ bám vào nặng trĩu. Con đường đỏ hai bên mép xanh xanh cỏ dù ngắn nhưng trở thành dài lê thê mỗi khi đi học về bụng đói, cái áo mẹ mua không đủ ấm cứ phong phanh dưới mùa đông rét mướt. Thi thoảng đường về gặp một đàn trâu đói cỏ, cái lạnh khiến nó gầy như xác lá khô. Người mục đồng quát roi vào tấm lưng ướt át của bầy trâu mà rằng: “Lạnh quá, không làm ăn gì được. Tội cho bầy trâu, vừa lạnh vừa thiếu ăn”.

Những ao nước đọng bên đường lăn tăn sóng khi mưa phùn rơi nhẹ nhẹ trông vui mắt, gió rít từng cơn làm những bụi tre già cựa vào nhau kêu ken két. Những thân xoan trơ lá, gầy gò đang nhú những mầm xuân đầu tiên cho một mùa kết hoa. Tôi chợt nhận ra rằng, mưa phùn như một “tính nết” của ông trời trước thời khắc lập xuân, chuyển sang năm mới. Có lẽ ông cũng buồn buồn cho những gì sắp đến rồi đi, rồi tàn phai theo ngày tháng.

Lại một mùa hoa cải, một mùa mưa phùn rơi rắc đang đến. Bếp lửa của căn nhà xưa không còn. Con đường làng đất đỏ trơn trượt giờ đã bê tông hóa. Những hàng xoan cuối cùng cũng bị đốn hạ thay vào những cây khác. Làng xưa đã đổi thay nhưng sao mưa phùn mùa xuân vẫn thế?

Đi trên con đường quê dưới mưa phùn. Có ai chào mình bằng câu: “Sao không đội nón vào. Ướt hết cả tóc rồi chú ơi”. Ngày xưa mưa phùn cứ bay đâu có ướt...

BÊN BẾP LỬA MÙA ĐÔNG

Gió rít từng cơn trên mái nhà. Sau hồi, đám lá chuối cọ vào nhau xào xạc. Bầy chim sẻ nép mình dưới cơn mưa phùn rơi rác. Nghe đài báo trời còn rét đậm, rét hại kéo dài, mẹ lo than củi không đủ để sưởi ấm ngôi nhà tranh nằm ở cuối cánh đồng chỉ có gió và rét...

Miền Trung nắng thì nóng như ngồi trên chảo rang, thế mà rét cũng cắt da cắt thịt, đắp hai cái chăn bông vẫn run lập cập. Cái lạnh như trong người lạnh ra chứ chẳng phải ngoài trời tạt vào! Mẹ tôi thường bảo như vậy mỗi lúc lom khom ra vườn hái vôi mớ rau chuẩn bị bữa cơm chiều. Người quê nắng lắm thì ra bờ ao hay ngồi dưới bụi tre bên bờ sông để chờ gió nồm nam; còn trời rét, nhà nhà khép cửa yên ắng để các thành viên vui vầy bên bếp lửa mùa đông. Trong gian bếp chật chội với nhiều nông cụ, củi khô và rơm rạ, nhà tôi luôn hiển hiện một bếp lửa hồng để mọi người vây quanh sưởi ấm. Đứa em út nghịch ngợm thường chạy chơi với đám bạn, về nhà khuôn mặt tím tái, hai tay run rẩy thường chạy vào xí chỗ ngồi gần bếp lửa, đưa hai bàn tay bé nhỏ hơ hơ cho ấm rồi phả vào hai má mà hít hà: “Chẳng đâu ấm bằng bếp lửa nhà mình”. Mái nhà tranh lúp xúp, tưởng không che nổi cái rét cùng mưa phùn của những ngày mùa đông thế mà nó đã chống chọi, che chở cho cả gia đình qua bao mùa khắc nghiệt. Vì trong mỗi mái nhà luôn đỏ hồng một bếp lửa, khói bay lên trên nền trời bình yên. Ở đó, có những mái đầu chụm vào nhau trong những bữa cơm đạm bạc, với trái ớt chín cay cay làm khuôn mặt người người hồng lên bên ánh lửa ấm áp.

Nhớ những ngày đông xa xưa, bếp lửa như một cứu cánh giữa rét mướt khi áo không đủ mặc, chăn không đủ ấm. Những ngày đi chăn trâu cùng đám bạn trên cánh đồng mênh mông mưa phùn, trắng xóa một

màu âm đạm. Đứa thì đi kiếm củi, tìm rơm; đứa thì chạy xa tít vào làng xin lửa để đốt. Chẳng thể nào quên những khuôn mặt tím tái ngồi bên nhau run run, củi và rơm đã kiếm đủ rồi mà lửa vẫn chưa xin về. Con đường mưa bay bay, bóng thẳng Tèo hiện rõ dần, trên tay cầm nắm rơm khói nghi ngút. Mọi người cười reo khi nó trở về, bỏ lửa vào đồng rơm mà thổi. Cả đám thay nhau thổi khói nhè cay cả mắt, thế rồi lửa không thể nào cháy vì mưa ướt. Thằng Tèo lại phải một phen băng qua cánh đồng để vào làng xin lửa lần nữa. Một vệt khói kéo dài trên con đường làng khi nó đi qua. Bên bếp lửa ấy, những khuôn mặt của trẻ chăn trâu hớn hờ, ấm dần lên. Một đứa sau khi hết lạnh lại bảo: “Thương cho những con trâu ốm vì rét!”. Khi lửa đã cháy rực, thế nào cũng có đứa bày trò đi mót khoai lang về nướng. Mùa này khoai đã thu hoạch, phải nhìn thật kỹ những mầm xanh dưới đất vừa nhô lên chắc chắn khoai sẽ còn sót ở đó. Khoai nướng là người bạn cố hữu của những kẻ chăn trâu. Mùa đông ở bên bếp lửa, ném vào đó mấy củ khoai nướng đợi chín trong mùi thơm ngạt ngào thì còn gì bằng. Chỉ có cái ăn xong mặt mũi đứa nào cũng đen nhẻm vì than, miệng cười hì hì thật khoái khi đã ấm bụng. Bếp lửa trong những ngày rét giờ chỉ còn nằm trong ký ức, chỉ thi thoảng lại trở về trong những ngày tết bên nồi bánh chưng mẹ nấu. Tôi thường giấu bàn tay của mình vào túi áo hoặc nắm tròn bàn tay quanh ly trà nóng giữa lúc lạnh nhất của ngày đông chỉ để mong tìm lại chút hơi ấm của những ngày bên bếp lửa tuổi thơ...

ĐƯỜNG MÒN HUN HÚT TRONG MƠ

Đi giữa đại lộ thênh thang, xe cộ trôi như dòng kênh mà nhớ đường làng. Đường làng quanh co nổi những chiếc ngõ khép mình trước nếp nhà tranh mái bạc.

Chỉ là con đường mòn băng qua xóm nhỏ mà lúc đợi đèn đỏ ở trong lòng phố khiến mình nhớ quay quắt. Con đường mòn chưa đầy hai mét, hai bên cỏ mọc xanh rì, ở giữa lõm xuống vì từng bước chân, vết xe bào mòn. Mỗi lần về quê, để sống lại thời chăn trâu cắt cỏ thế nào mình cũng cởi giày tất ra cầm trên tay để đi trên mép cỏ. Cỏ mềm mại như thảm lụa, ở đó bàn chân vốn quen với nền đá, gạch ở phố giờ muốn thấm thấu chút hương đồng gió nội. Bàn chân cảm nhận từng milimét thớ đất để rồi lòng thốt lên rằng không gì yên ả hơn thế.

Năm xưa trên cù lao Bắc Phước, thời tóc bỏ trái đào, chiều nào cũng ra ngõ ngóng mạ đi chợ về. Trước nhà là con đường dài hun hút vắt qua cánh đồng, mỏng tang như sợi chỉ. Chiều nào cũng thế có một người phụ nữ băng qua con đường ấy. Đó là một cô giáo với mái tóc dài, lúc nào cũng thấy vận áo dài tím, trắng trông thật duyên dáng. Mình thường ngóng theo cô cho đến lúc mất dần ở cánh đồng xa xôi. Giữa màu xanh của mạ non là tà áo dài thật đẹp. Và chiều nào cũng thế, thay vì ngóng mạ về, mình ngồi thẩn thờ đợi cô qua. Bảy tuổi mình đã biết cái đẹp của con đường mòn bởi từng chiều có một người phụ nữ vận áo dài băng qua. Tà áo dài ấy cứ bay mãi cho đến bây giờ mỗi khi nhớ về con đường mòn trước nhà.

Năm mười tuổi mình phát hiện sau hè nhà có con đường mòn. Từ cái ang nước đi mãi ra sau hè, qua mấy giàn bầu, bí; nương khoai, luống cải cho đến cánh đồng bất tận là con đường mòn. Có lẽ con đường ấy rất ít

ai đi. Mình hỏi mạ sao không rào lại. Mạ cười, bảo để rứa khi nào thích lùa vịt về lối ấy cho tiện. Mạ bảo thế nhưng chẳng bao giờ mạ lùa vịt về con đường ấy. Ít người đi nên cỏ mọc, lâu lâu lại thấy dấu chân đạp lên làm nghiêng vạt cỏ để đi. Lớn lên, biết đạn pháo chiến tranh là nỗi ám ảnh của xóm làng. Hỏi mạ, ba ở đâu mà không thấy về nhà. Mạ chỉ cuối trời, nơi cột khói cao vút, bảo ba đi tìm những người ném mìn, ném bom để đánh. Mình hình dung ba mình là một chiến sĩ oai nghi. Và mạ kể từng đêm ba về thăm nhà bằng con đường nhỏ sau hè. Đó là con đường mong nhớ da diết mà chỉ có mạ mới biết. Vội vã tìm về rồi vội vã ra đi. Cũng trên con đường mòn ấy, mạ dắt ba ra tận cánh đồng, rồi một mình quay về thút thít khóc.

Đó là con đường tràn ngập hương quê. Hai bên mép đường là hoa cải, mỗi mùa xuân những luống cải già cứ vàng ruộm. Hoa vàng theo lòng mẹ cứ già đi. Mỗi mùa xuân ba không về, mạ ngậm ngùi: Chờ giống cải mùa sau. Cứ thế, những mùa xuân đi qua, nhiều vụ cải đi qua...

Lớn lên, bàn chân băng qua những con đường trên mọi miền đất nước. Có những con đường đi qua chẳng bao giờ quay lại được để rồi hoài nhớ. Có những con đường bị mòn đi bởi đế giày ngày nào cũng nện xuống mà mình chẳng một chút lưu tâm.

Ao ước trở lại với con đường mòn tuổi thơ, nơi cô giáo với mái tóc mượt cùng tà áo dài quyen rũ hay trở về căn nhà xưa để chạy trên con đường mòn mạ đợi ba của vài chục năm trước.

Những con đường mòn như thế chỉ còn trong tâm tưởng. Dài hun hút đến vô tận trong mỗi giấc mơ.

SỢ

Tôi cứ mạo muội nghĩ, con người luôn đứng trước nỗi sợ hãi. Hồi còn đi học sợ nhất... học bài. Mỗi tối đến giờ học bài là tìm cách để tránh: Tìm một cái gì đó làm để giết thời gian hay ước chương trình bông hoa nhỏ trên ti vi kéo dài mãi mãi.

Nhưng xem ti vi mãi cũng bị nhắc nhở. Không khéo ba mẹ lại lôi túi xách của mình ra để kiểm tra xem học được cái gì, viết lách, chữ nghĩa ra sao thì lại càng nguy. Sợ cái sự học chưa dừng lại ở đó. Đến lớp chưa thuộc bài sợ thầy cô kiểm tra bài cũ; không học bài thì sợ kiểm tra, thi cử không qua. Có ngàn cái để sợ. Và nỗi sợ hãi đó đã len lỏi vào giấc mơ. Trong giấc mơ mình sợ trễ học, vào giờ học rồi mà vẫn còn chạy giữa đường. Chạy ba chân bốn cẳng mà vẫn không kịp. Rồi lại đứt dép, xe đạp hỏng xích...

Và về già, con người ta sợ mất tuổi xuân, có thể sợ cái chết.

Khi đã có tuổi con người ta càng đối diện với nhiều nỗi sợ. Sợ không no đủ, sợ con cái không theo ý mình. Trong các nỗi lo toan đó thì nỗi sợ về thời gian - sợ trễ - dường như lớn hơn cả.

Tôi nhớ bà ngoại tôi khi bà gấp ghé tuổi 70. Buổi sáng bà dậy sớm đánh thức cả nhà dậy bằng câu: “Dậy bây ơi, mặt trời cao quá cây sào rồi”. Sau đó lại nghe thấy tiếng dép đi lui đi tới giữa nhà như tiếng ai gõ mõ tụng kinh. Trong lúc còn ngái ngủ, tôi nghe mồn một tiếng bà đổ gạo vào nồi cái soạt. Dù buổi sáng mỗi người đi mỗi ngả, chẳng dùng cơm nhưng bà thường đun gạo sớm để chuẩn bị cho buổi trưa. Bà lại sợ trưa nhiều việc xúc gạo đổ vào nồi không kịp. Cứ như vậy, buổi trưa vừa ăn xong là bà xúc gạo đổ vào nồi để chờ buổi tối, dù công việc đó chỉ cần 30 giây là có thể làm được.

Mỗi lần tôi đi xa trở về nhà, vừa về đến nhà bà lại hỏi khi nào lại đi. Và lại bảo: “Có đi thì đi cho rồi kéo trễ”. Lúc đó nếu buổi chiều đi thì tôi sẽ bảo bà ngày mai tôi đi, chứ không chiều hôm đó bà lại đi theo sau lưng giục: Đi cho rồi kéo trễ cháu...

Bà tôi đã mất 20 năm để tìm lại con trai của mình - cậu tôi, cũng vì việc trễ. Năm ấy giặc càn quét người dân bỏ làng chạy. Bà dắt cậu chạy. Khi ra đến bến đò bà chạy vào lấy áo quần. Chạy ra lại bến đò được nửa đường thì nhớ mấy giấy tờ quan trọng nằm trên nóc nhà cần phải mang đi không thôi mất nên quay lại lần nữa. Xong xuôi mọi thứ, ra đến bến đò thì cậu tôi không còn ở đó. Việc trễ một chuyến đò làm ngoại tôi phải mất 20 năm ngóng tìm con.

Và nỗi sợ trước thời gian luôn ám ảnh ngoại đến lúc từ già cõi đời. Trong cơn mộng mị giữa trời và đất, bà kêu mạ tôi đến nói: “Bảo mấy đứa bỏ gạo vào nồi mà nấu kéo trưa lắm rồi”.

Thời thanh niên của mỗi con người dường như nỗi sợ về thời gian không là bao. Họ đốt thời gian trong quán cà phê, tiệm *nét* hay một vũ trường xa hoa nào đó. Họ thường hành động theo kiểu nước đến chân rồi nhảy. Và nghiêm trọng hơn, họ thấy khát nước mới đào giếng. Càng đào càng thấy khát và cuối cùng chẳng bao giờ đào được giếng trước cơn khát cháy bỏng.

Nỗi sợ hãi trước thời gian của bà ngoại theo suốt hành trình của tôi. Dù không lên chuyến xe nào cả nhưng cứ thấy mình như đang trễ. Bởi thế, phải chạy...

RA CÙ LAO ĂN CHÁO

Không nổi tiếng như cháo vạt giường, cháo cá lóc Hải Lăng và những món ngon khác của đất Quảng Trị, cháo cá me ngon một cách “nhu mì”, thậm chí vô danh trên cái cù lao bé tí bằng bàn tay - đó là cù lao Bắc Phước.

Ấy vậy mà những tay sành ăn, sành nhậu ở thành phố Đông Hà hay xa hơn tận biên giới Lao Bảo mỗi lần về cù lao cũng lòng cho được mớ cá để nấu bát cháo húp sau bữa rượu ven sông. Con cá bé, trắng tinh, dân cù lao gọi là cá me, dân miền trong gọi là cá de. Đó là con cá trích lằm loại nhỏ.

Trời vào hè là mùa của cá me. Loài cá nước mặn vượt cửa biển chạy vào sông nước lợ bởi những ánh đèn nhử trên sông. Cù lao Bắc Phước bao bọc là sông nước lợ nên muốn ăn cháo loài cá này thì về làng Dương. Làng Dương vốn có nghề đan lát và chài lưới. Ăn cháo cá mà nhớ người. Người làng Dương chân nhỏ mà tay thì to. Ai đến đây cũng ngạc nhiên vì trăm người như một. Hỏi ra mới biết từ ông tổ của làng làm nghề sông nước, con cháu ông cứ nối cái nghiệp này từ đời này sang đời khác. Họ bơi ghe, chèo thuyền nhiều hơn đi bộ nên những cánh tay vạm vỡ đầy cơ bắp còn đôi chân thì nhỏ hơn người làng khác.

Mỗi lần về làng Dương rủ thêm thằng Phiên, thằng Việt hay Quách Long ngồi ở mép sông lai rai đôi chai hay mượn con đồ nào đó cắm gần bờ, nhảy lên đó mà ngồi ngắm trăng, ngắm nước thì thật tuyệt. Bên cạnh những tiệc rượu như thế là những chiếc rổ sáng đèn. Vào những tháng chớm rét, đánh bắt cá này khó, để có mớ cá me thì phải tìm dò bằng được ông chủ rổ dẫn trước, đặt cọc tiền trước không thôi người khác giành mất.

Một ông bạn người thổ địa sẽ lo việc cháo cá để phục vụ sau bữa chè chén. Dường như cá me, chính bàn tay của người làng này nấu mới đúng điệu của nó: gạo được nấu như sôi ở bếp thật lâu, chực chờ ông chủ rớt cắt lên, chèo thuyền ra gom, bỏ vào rá lượm sạch rác, rửa thêm vài nước cho sạch thì đổ cá lên, chờ sôi lại, thêm gia vị là có nồi cháo ngon. Cách nấu nghe qua giản đơn nhưng chính cách cho muối, ớt, hành nén mới tạo nên sự khác biệt. Và trong nồi cháo đó mới hay rằng dân Quảng Trị ăn cay thuộc tốp nhất nước.

Cháo cá me ăn đang còn nóng thì ngon, để nguội sẽ tanh và mất hết hương vị. Cháo ngon là ở con cá tươi. Đó phải chăng là bí quyết của nồi cháo ngon! Cù lao cách thành phố chưa đầy mười cây số theo đường chim bay. Nếu từ cầu Đông Hà theo đường thủy sẽ mất gần giờ đồng hồ, còn đi xe máy khoảng 30 phút. Bởi vậy, ở chợ Đông Hà cũng có bán cá me nhưng mua về nấu cháo sẽ thua xa nồi cháo ở đất cù lao.

Cuối tuần thư giãn bằng cách phóng xe máy về cù lao thưởng ngoạn sông nước, tối đến lai rai ly đế của làng và ăn cháo cá me thì còn gì bằng. Làng gần biển Cửa Việt, những dư vị của biển theo ngọn thủy triều cứ tràn lên như hơi rượu cay xông lên mũi. Và trong chệnh choáng hơi men trước dòng sông Thạch Hãn, những con thuyền chài lừ đừ đi bắt cá, ta như gặp những hình ảnh của 400 năm trước khi đoàn tùy tùng của chúa Nguyễn Hoàng từ Cửa Việt, đi lên rồi cát cứ ở một doi đất bên sông Thạch Hãn - Ái Tử để mở cõi.

Có lẽ bát cháo cá me thơm ngon, cay nồng mang hơi hương của đất trời và con người xứ gió Lào cát trắng cũng được dâng lên chúa từ đó.

GIỌT MỒ HÔI XUỐNG CÁT BỎNG

Nhiều đêm con thức giấc bởi một lời ru. Tiếng ru của một thiếu phụ bên lưng nhà vừa sinh con sao mà buồn man mác. Lời ru theo gió cứ ùa vào căn phòng như dìu con về với tuổi thơ trong những ngày có mẹ.

Nhớ mẹ ngày xưa ru thằng Tý, thằng Tèo. Con nhớ mẹ, người đàn bà suốt đời chỉ biết đến củ sắn, củ khoai và chưa từng bước ra ngoài cái lũy tre làng! Ở quê giờ này không chừng đã bắt đầu mùa nắng, cái nắng và gió Lào của xứ Quảng Trị không lẫn lộn vào đâu được. Thương mẹ gánh gạo đi trên cát để xuống chợ Chùa bán, vành nón lá nghiêng, nắng như đổ lửa trên đầu còn dưới đất cát nóng như rang. Tuổi thơ con đã có những ngày theo mẹ đi chợ, con đường cát in những bàn chân con nhỏ xíu, mẹ ngắt lấy cho con một ngọn lá chuối để che đầu, mẹ bảo sang chợ bán hết gạo mẹ sẽ mua cho chiếc mũ. Đó là chiếc mũ đầu tiên trong đời để khi đến lớp con khoe với đám bạn. Đường trở về, gió liêu xiêu, cát nóng bỏng, mẹ sợ chân con không chịu nổi nên đã đặt con lên một đầu thúng, đầu kia là những thứ vừa mua được rồi gánh về nhà. Đòn gánh kéo kẹt, nhịp nhàng cứ nảy lên nảy xuống theo mỗi bước chân của mẹ. Giọt mồ hôi thấm vào quai nón mẹ rồi rơi xuống cát bỏng. Sau lưng, những dấu chân trải dài về phía chân trời... Đến bây giờ những dấu chân ấy cứ ám ảnh con khi nghĩ về mẹ. Năm mười ba tuổi con bắt đầu chăn trâu. Mẹ đưa con trâu này để dành con cưới vợ. Con cười, tự thấy mình thật xấu hổ khi một ngày nào đó có một người khiến con yêu thương ngoài mẹ. Mẹ cười hiền lành, đôi mắt đẹp ngày nào giờ đầy vết chân chim. Nhưng con không ái ngại bằng những sợi tóc bạc bắt đầu lốm đốm trên tóc mẹ. Mẹ ít cười đi từ ngày chị Hai không nghe lời mẹ bỏ lên

phố kiếm việc làm. Đôi lúc con nghe mẹ khóc một mình. Thấy nước mắt mẹ rơi con cũng khóc theo, mẹ bảo tự nhiên lại nhớ con Hai, nước mắt cứ trào ra chẳng cách nào mà ngăn được. Nhớ có một lần trời nhá nhem tối, con trở về nhà một mình. Mẹ ngạc nhiên hỏi trâu ở đâu sao không dắt về. Im lặng một hồi rồi con khóc, con vừa khóc vừa kể vì quá ham chơi đã để trâu lạc mất. Ba nghe vậy chạy ra vườn bứt ngọn roi dương, vừa đánh vừa quát con vì tội ham chơi, còn mẹ vừa ôm con vừa khóc. Con đâu biết hồi đó con trâu nhà mình là cả một gia tài lớn, mất nó xem như đói cả nhà. Con lớn lên bằng tình thương, lòng vị tha của mẹ và sự nghiêm nghị của ba. Con đường làng cát bỏng giờ trở nên quá nhỏ bé và ngắn đối với một chàng trai sức dài vai rộng của mẹ. Con đi học, lên huyện rồi lên phố. Mẹ dõi theo con đi, những sớm mai mẹ đưa ra con ra bến đò đầu làng để qua sông. Hành trang lúc nào cũng có một chùm khoai luộc, đó là món ăn thân thuộc của tuổi thơ mà những đêm dài mẹ ngồi luộc rồi cắt phơi. Mẹ gi vào tay con thêm ít tiền. Tối qua mẹ đã chạy vay mới vay được tiền và đưa cho con, sáng con đi mẹ cứ sợ không đủ, không ai lo như mẹ. Đi đi con, lên tới nhớ gọi về cho mẹ. Thiếu gì mẹ gửi lên, miễn sao học cho thành tài. Nghe mẹ nói con rơm rớm nước mắt quay đi. Mẹ cũng quay về trong nước mắt như sợ rằng con của mẹ còn quá bé để tự lập. Rồi con ra trường, quyết lên phố kiếm việc và lập nghiệp. Những tháng này khó khăn nơi đất khách, mẹ cứ giục gắng lên. Gắng khi nào không gắng được nữa thì về với mẹ, về đây có mẹ có con, quê mình bữa nay khá hơn nhiều... Mới đó mà đã 20 năm. Tóc con giờ cũng đã thành màu muối tiêu. Về quê, con sà vào lòng mẹ. Tuổi ngoại tứ tuần mà vẫn cứ như đứa trẻ trong mắt mẹ. Mẹ vuốt tóc, sờ tai bảo sao mà chóng già thế. Con thủ thỉ bên mẹ, con thương mẹ lắm! Mẹ bảo thằng này học đâu cái kiểu ăn nói khách sáo quá! Rồi con bảo ước gì mẹ có thể bỏ con trong thúng mà gánh đi chợ như ngày xưa. Mẹ cười móm mém, đôi môi thắm đỏ một màu trầu. Đó là lần cuối cùng con về với mẹ. Lần trở về sau đó thì mẹ đã thành người thiên cổ. Giờ mẹ ở đâu. Con

chạy trên con đường làng đã trải nhựa mà vẫn hình dung được dấu chân mẹ đi trên cát khi xưa.

THÁNG BẢY LẠI VỀ

Những người lính xưa gặp nhau, nước mắt trào dâng sau những tháng ngày bất tin. Họ ngồi bên nhau và hát những khúc hát hào hùng, để rồi chia tay, những chuyến xe đưa mỗi người đi mỗi ngả, nhưng phút lắng đọng của ngày tháng Bảy là một nén hương lòng nhớ về những người đã nằm xuống cho quê hương.

Từ lâu trên dòng sông Thạch Hãn, người lính xưa may mắn trở về sau cuộc chiến đã tìm lại nơi này để thả những đóa hoa xuống dòng sông tâm linh và mặc niệm về những ngày đã qua. Tôi bồi hồi xao xuyến khi nghĩ về một miền cỏ xanh trong Thành cổ hay những bia mộ chưa biết tên trong nghĩa trang...

Lúc tôi còn nhỏ, mỗi lần đến độ tháng Bảy, khi cái nắng của miền Trung còn oi bức cùng với gió Lào, mẹ thắp hương trên bàn thờ ba và dắt tôi đi viếng Thành cổ, tôi ngạc nhiên hỏi mẹ: “Sao quê mình bữa nay nhiều bộ đội đến thế?”. Mẹ từ tốn trả lời: “Đó là những người bạn của cha con”.

Những ngày này, chúng tôi thường mặc áo xanh tình nguyện đến nghĩa trang trong thị xã quét lá, cạo những lớp rêu xanh trên bia mộ liệt sĩ và thắp hương ngưỡng vọng về cha anh hào kiệt của quê hương, lòng chợt thấy nhẹ tênh trong làn hương trầm tháng Bảy. Lúc này, dường như cả nước cũng bắt đầu bước vào một mùa mới trong tâm khảm: “Mùa tạ ơn!”.

Như mọi năm, ở trong ngôi nhà gỗ ba gian của nội có người lính già mang theo bó cúc trắng đến bên bàn thờ ba tôi trầm mặc trong hương khói uy nghi. Rồi mắt bà lại nhòe đi khi thấy đồng đội của con trai mình, mẹ tôi bật khóc khi thấy hình ảnh xưa của chồng qua người bạn, còn

mắt tôi cay cay, nước mắt như chực trào.

Tháng Bảy về, những người lính áo xanh đội mũ tai bèo, ngực đeo huân huy chương đi dọc những tuyến phố chính của lòng thị xã. Hình như họ đi tìm hình bóng của chính mình một thời rất xa mà lịch sử gọi là những ngày “hè đỏ lửa” hay “81 ngày đêm chấn động địa cầu”. Những người lính ngồi trên xe lăn, có người khập khiễng đi cùng chiếc nạng, có người cụt tay, có người hư mắt nhưng tất cả đều kính cẩn khi đứng trên dòng sông trong xanh, bên dưới những nhành hoa huệ, hoa cúc trôi bèo bồng như chờ ai đón lấy.

Những người lính xưa gặp nhau, nước mắt trào dâng sau những tháng ngày bất tin. Họ ngồi bên nhau và hát những khúc hát hào hùng, để rồi chia tay, những chuyến xe đưa mỗi người đi mỗi ngả, nhưng phút lắng đọng của ngày tháng Bảy là một nén hương lòng nhớ về những người đã nằm xuống cho quê hương.

Tôi đi giữa đất trời bình yên, chợt thấy nao lòng về những dấu chân tròn trên cát hay một áng cỏ xanh xa thẳm phía chân trời. Màu cỏ xanh hay màu áo lính của ngày xưa.

CÒN CHIẾC ÁO NÀO CHO EM

Đã nhiều năm trôi qua trên thung lũng nằm giữa đại ngàn Trường Sơn, mỗi độ giáp tết mẹ lại chuẩn bị những chiếc áo cũ năm nào của mấy chị em, giặt là thơm tất rồi đưa lên chợ. Không phải bán, không phải đổi lấy những nhu yếu phẩm khác mà để cho!

Mùa xuân về, khi những chàng thanh niên trong bản làng đưa rựa và thức ăn vào rừng để kiếm những cành mai khảnh khiu mọc trong lèn đá ra thị trấn bán, khi những đồng bào người Thượng lũ lượt dắt con cháu họ từ rừng sâu băng qua con đường thôn bản để xuống chợ, móc hết túi tiền đã dành dụm từ việc bán trái cà, trái ớt, những nải chuối nhưng vẫn mua không đủ những bộ áo quần mới cho trẻ con mặc tết thì mẹ lại chuẩn bị một công việc mà mẹ đã làm bằng tình thương, lòng nhân ái chưa bao giờ cũ! Đó là quan tâm đến những trẻ em khốn khó, thiếu thốn để có một cái tết ấm áp bằng những chiếc áo đi xin từ hàng xóm, người bà con và ngay trong nhà mình. Những bản làng người Thượng nằm cheo leo bên vách núi, mùa xuân về khi hoa ban nở trắng trên lưng đồi, thế mà cái rét dường như chưa chịu dừng lại, nó vẫn quất vào da thịt những đứa trẻ khi chúng mặc những chiếc áo mong manh, có đứa không có quần nhưng vẫn lon ton chạy theo mẹ xuống phố. Mỗi mùa đông, anh em chúng tôi luôn chứng kiến cảnh này mà chạm lòng trắc ẩn, sự đồng cảm của những đứa trẻ ngây thơ trong chúng tôi cùng lắm chỉ thốt lên: “Mặc thế mà nó không lạnh à, ồm ồm” mỗi khi thấy chúng ở chợ. Còn mẹ thì nhìn chúng bằng ánh mắt xót xa, như những đứa trẻ đó do mẹ dứt ruột đẻ ra vậy. Bởi thế, cứ đến cuối tháng Chạp, mẹ lại giục mấy chị em trong nhà gom áo quần cũ lại, rồi bảo qua nhà hàng xóm xin thêm. Nhà có khá giả gì đâu, mỗi năm được hai bộ áo quần đi học, ngoài

ra được thêm một cái áo nữa để mỗi lúc đi chơi với bạn bè thế mà năm nào năm chị em trong nhà vẫn có áo quần cho trẻ người Thượng. Mẹ bảo mình có khó khăn một tý nhưng còn may mắn hơn họ, cho đi một chiếc áo nhưng đổi lại mình nhận được một sự đầm ấm, hạnh phúc trong tâm hồn con ạ, như trong nhà Phật đã từng nói: “An ủi lớn nhất đời người là sự bố thí”. Chúng tôi hiểu được tấm lòng của mẹ nên hàng năm sau khi giặt là xong những chiếc áo quần cũ, chúng tôi theo mẹ lên quán gạo nằm bên ngôi chợ nghèo. Dường như ở đây trở thành một điểm hẹn để những bà mẹ dân tộc đưa con mình đến đây để nhận áo quần. Tôi nhớ một lần mặc chiếc áo cho đứa nhỏ run cầm cập vì lạnh, người mẹ nhìn tôi bằng đôi mắt tạ ơn rồi nói giọng lơ lớ tiếng Việt: “Mẹ chúc con lấy chồng tốt, lấy chồng tốt nghe con...”. Tôi đỏ mặt ái ngại rồi cười đôn hậu chào mẹ.

Năm nay mùa xuân lại về, vẫn nghe trong gió chút lâng lâng, êm dịu của tiết xuân nhưng giữa núi rừng ở thung lũng tôi sống vẫn còn rét mướt, hơi đá, sương muối lạnh tê người. Mỗi chúng tôi giờ đã lớn, quán gạo mẹ vẫn còn nằm liêu xiêu ở chợ. Không biết giờ này mẹ và con Út đã đi gom quần áo chưa? Nghĩ đến điều đó lòng tôi ấm áp kỳ lạ!

CHIẾC CỔNG TRONG TÂM HỒN

Lần đầu tiên ra Bắc, chợt ngơ ngác nhìn những ngôi nhà ở nông thôn chẳng có gì bề thế mà chiếc cổng nhà thì như to tướng, nguy nga như ngôi biệt thự. Hỏi ra mới hay dạo này kẻ trộm như rươi, chiếc cổng cao, an toàn làm cho giấc ngủ của nhà nông được ngon.

Có người nói chiếc cổng bề thế cũng là một hình thức khuếch trương, một điểm nhấn ấn tượng cho một ngôi nhà. Và trong muôn hình vạn trạng của những chiếc cổng, tôi lại nhớ về hình ảnh chiếc cổng đơn sơ ở quê tôi, xa tí tận miền Trung.

Từ cổng nhà nổi vào sân là hai hàng chè tàu, trúc hoặc dâm bụt thẳng tắp được cắt xén rất chân phương. Đằng trước là chiếc cổng đơn giản: Hai cái cột được trồng hai bên, một cây tre gác ngang mỗi lúc cần khóa cổng, cốt để trâu bò không thể vào ăn rau cỏ trong vườn. Đó là chiếc cổng mở. Dù có cây tre chắn ngang thì nó cũng là chiếc cổng mở, ai muốn vào nhà thì cứ nhẹ nhàng bước qua cây tre mà chẳng cần sự đồng ý của chủ nhà hay không.

Những chiếc cổng như thế làm nên nét văn hóa giao tiếp, cởi mở của người nhà nông. Bởi ngoài chiếc cổng đó ra vào dễ dàng, người nhà nông có thể qua lại thăm nhau bằng những con đường tắt mà ở quê gọi là đi băng. Họ chẳng sợ trộm cắp bởi nhà chỉ toàn khoai sắn và lúa. Lúa thì bỏ trong sạp, mỗi lần ngủ là ngả lưng ở đấy, chẳng ai dám mò tới vì ai cũng biết chẳng ai giàu có dư dả hơn ai.

Chiếc cổng như một cột mốc cuối cùng để xác định chủ sở hữu đất đai hay nhà cửa. Mỗi lần giận dỗi ai thì người ta ra nơi đầu ngõ mà rửa, như để tống khứ cái oan sai, khổ cực hay mất mát ấy ra khỏi chiếc cổng ngôi nhà. Cùng với hàng rào, chiếc cổng là nơi bảo vệ tài sản thiêng

liêng, quý nhất của mỗi con người đó là đất đai. Nếu đem chuyện chiếc cổng của từng ngôi nhà nói rộng hơn thì mỗi làng cũng có một chiếc cổng, hai bên hai câu đối, giản đơn thì hai cột trụ hay hai cây cổ thụ, hoành tráng, bề thế thì cổng tam quan... Những chiếc cổng mang dáng dấp của làng cổ nay không còn nhiều. Những chiếc cổng bê tông cốt thép cùng với màu sơn xanh đỏ mọc đầy ở đầu làng. Nó như một minh chứng cho kiểu nông thôn mới. Có phải những chiếc cổng, bộ mặt của nông thôn cũng cần phải mới?

Rất khó để đem chuyện chiếc cổng ở làng mà nói ở phố. Thành phố nhà bao diêm, người nhiều như kiến. Những ngôi nhà san sát, sâu hun hút mà không có cổng kiên cố, cao vờ vờ không khéo thiên hạ sẽ nhầm nhà nhau?

Họ vượt đèn đỏ, không đủ kiên nhẫn chờ đèn xanh. Họ háo hức về nhà, cố vượt lên trên vỉa hè, chen lấn để thoát khỏi nơi ách tắc cốt để về nhà sớm hơn sau một ngày mệt nhọc. Dắt xe vào nhà, quay lại đóng cánh cửa sắt nặng nề, kêu kéo kẹt. Ngoài kia, phố lên đèn, người như nước. Mặc kệ. Họ thở phào vì: “Thâm nghiêm kín cổng cao tường, cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh”.

Không thể đem chiếc cổng ở nhà nông mà so với nhà phố. Càng không thể lấy cái kết quả của sự so sánh ấy mà vin vào lòng dạ của nhau. Nhưng sao tôi yêu cái cổng ngôi nhà ở quê lắm lắm. Ở đó, mỗi lần đi học về, chạy ù vào bếp tìm cơm nguội mà chẳng cần “vùng ới, mở ra” như ở phố.

Mỗi tâm hồn cũng như thế. Chỉ cần một chiếc cổng đơn sơ để đi hết lòng mình và lòng người rồi chợt thấy nhẹ tênh, yên ả giữa chốn quê nhà.

NHỚ TẾT XUA NGỒI NHUỘM ÁO

Sáng nào ngoại tôi cũng lom khom xé lịch trên tường đếm ngày đếm tháng. Trong những ngày năm cùng tháng tận, ngoại thường nói, sắp hết năm rồi bây ời. Chập choạng ít hôm nữa là ăn tết rồi. Ngày tháng như thoi đưa...

Mỗi lần nghe ngoại “cảnh báo” về thời gian chuẩn bị tết, tuy lòng biết rõ còn bao nhiêu hôm nữa là đón giao thừa nhưng tôi vẫn bồn chồn như hồi còn trẻ con. Những ngày lưng chừng xuân như thế, tôi lại nhớ về làng Dương nơi cù lao Bắc Phước, ở đó tuổi thơ tôi đã đón những mùa xuân bình yên đầy sắc màu.

Ngày xưa cù lao chưa có cầu, muốn đi lại giao lưu với các vùng khác phải đi đò. Cứ mỗi mùa xuân tôi thường đứng ở bến đò đợi mẹ đi chợ về. Từng chuyến đò ngang chở hàng về cù lao đầy màu sắc. Hoa tươi nào là cúc vạn thọ từ An Lạc, Đông Hà đưa về; hoa giấy từ Phường Lang đem qua. Những gói bánh cộ, bánh thuẫn của các bà bán rong luôn làm trẻ nít chúng tôi thèm thuồng. Tôi chờ mẹ để lấy con tò he xanh đỏ mà lúc đi mẹ hứa ở nhà trông đàn lợn rồi mẹ sẽ mua về cho. Những đứa trẻ làng Dương đều có ước muốn như vậy, vì ngoài điều đó ra, chẳng trông đợi được điều gì nữa. Áo mới, quần mới, bánh kẹo, bóng bay từ chợ tỉnh là một thứ xa xỉ.

Ngoài con tò he xanh đỏ của mẹ, lũ trẻ chúng tôi còn đợi một điều trong dịp tết là “làm mới áo quần” bằng cách nhuộm. Mỗi năm học mẹ chỉ mua một bộ áo quần mới. Bộ còn lại của anh hai bị ngắn, để lại cho mình. Cả năm mặc đi mặc lại chỉ chừng đó nên áo quần bạc màu, bị dính mủ mít, mủ chuối. Mỗi lần đi học về là thay áo quần ngay, nếu bẩn thì giặt, không thì mặc lên, vuốt ve cho phẳng để hôm khác mặc. Có hôm

không đến trường được cũng vì mùa đông mưa dầm dề áo quần phơi không khô.

Chẳng riêng gì mấy anh em, ba mẹ cũng vậy, mặc những đồ rách, vá. Riêng bộ đồ “nhất” ba mẹ luôn mặc khi có việc như các ngày giỗ, cưới hỏi và ngày tết.

Khi công việc đồng áng xong xuôi, ngoài việc gói bánh, làm bánh in, bánh thuẫn thì ba tôi nấu một nồi nước phẩm để “nhuộm” lại áo quần. Những lon phẩm màu từ mấy năm trước nằm trong xó xỉnh của bếp giờ đưa ra lại làm cả nhà ngạc nhiên, hăm hở đợi chờ “sự hóa phép”, làm mới áo quần.

Cái áo trắng của anh hai năm qua đầy mủ chuối giờ thành áo xanh của tôi. Chiếc quần xanh bạc phếch nhuộm đen để giấu đi những vết xước, lán mòn do ngồi mài trên ghế lâu ngày. Nồi nước sôi sùng sục, mùi hăng hắc xông lên khó chịu nhưng ai cũng muốn chính tay mình làm một bộ cánh mới đi khoe với đám bạn trong ngày mừng Một Tết.

Nhuộm xong phơi lên sào, bắc chiếc ghế ngồi một bên đợi. Không phải sợ mất mà vẫn ngồi đợi. Đợi xem khi áo khô màu nhuộm có vừa ý mình không, nếu không thì lại nhuộm, rồi lại phơi... Để cho chín chu một chút nữa tôi thường qua nhà hàng xóm mượn cái bàn ủi con gà đốt than về ủi cho thêm đẹp. Ở nông thôn ngày trước mà có bàn ủi con gà bằng đồng quẹt than là thuộc loại giàu có. Vừa ủi vừa quẹt than, bụi than bay mù trời. Đứa nào cũng sợ lửa than rơi cháy áo, cháy quần chứ chẳng sợ khói bụi.

Tôi đã có những cái tết như thế. Tết cả nhà ngồi nhuộm áo cho nhau. Những chiếc áo cũ mỗi mùa xuân trở thành áo mới như mua từ chợ tỉnh về. Trong khói hương trầm và mùi bánh chưng, nếu tinh tế một chút sẽ ngửi thấy mùi ngai ngái của thuốc nhuộm. Sáng đầu năm, nhìn ai cũng có một bộ áo quần mới. Tay bắt mặt mừng, cứ khoe nhau xem đứa nào nhuộm đẹp hơn. Có đứa ôm mặt khóc nức nở khi phát hiện áo mình bị rách do vết sòn...

Có nhiều cái tết đầm ấm đi qua. Những sắc màu, hương vị của tết cũ luôn khiến tôi hoài niệm về một thời xa xưa. Quê hương giờ đã đổi sắc. Không biết tết này có ai còn nhuộm áo cho ai!

Cơm cháy

Trong ý niệm của những đứa trẻ thời “a còng”, cơm cháy là một món xa lạ. Có khi nó lại là một món ăn tiêu khiển, cũng như khoai luộc, bắp rang... ăn để mà giải trí.

Đã có một thời cái đói bao quanh từng gốc tre, mái nhà. Cơm cháy của nhà nhà là thứ bòn mót dưới đáy nồi khi bụng chưa đầy vì gạo thiếu. Không đến nỗi phải như Trạng Nồi nhờ cơm cháy của hàng xóm mà làm nên công danh, sự nghiệp nhưng với gia đình tôi, cơm cháy đã để lại trong ký ức như một vết sẹo. Đó là những miếng cơm cháy chấm nước kho cá ngừ, vừa ăn vừa sợ hết. Ngon lạ!

Ngày xưa nhà nhà nấu cơm bằng nồi đồng. Cái nồi bây giờ đã đưa vào viện bảo tàng cả rồi. Ở nông thôn bây giờ tìm nó cũng hiếm như tìm cây đèn măng sông hay chiếc bi đông đựng nước uống vậy. Tôi nhớ gạo lúc đó “bữa đực, bữa cái” - như cách gọi của người Quảng Trị. Thiếu ăn là sự hiển nhiên của cả làng, riêng gì từng nhà đâu. Mỗi lần mẹ bắc cái nồi đồng lên chiếc bếp nhen bằng lửa rơm khói đèn sì là cả mấy anh em bu quanh. Nghe cơm sôi sùng sục mà thèm. Mùi gạo mới thơm như sữa. Lúc cơm bắt đầu khô nước, mẹ tôi thể nào cũng chắt nửa chén nước cơm, thổi nguội mớm cho thằng út. Đó là thứ sữa duy nhất mà đám trẻ cùng lứa như tôi có được để lớn. Thằng út chấp chấp từng thìa “sữa” thơm lừng còn tôi thì ngồi nuốt nước bọt. Ước chi mình còn nhỏ bằng nó, được mẹ bón sữa non của gạo. Vì cái dạ dày sôi sùng sục và ý nghĩ trẻ con mà tôi có một điều ước rất ngược đời, ngược với mấy anh thanh niên chưa đủ tuổi đi bộ đội, đêm nào ngắm pháo giội ở bên kia sông Thạch Hãn đều mong mình lớn nhanh, đủ tuổi để ra chiến trường. Họ cũng lớn lên bằng nước gạo - sữa cơm, cũng cơm cháy với nước kho cá ngừ cả. Mẹ tôi quả quyết như thế khi thấy bộ đội hành quân qua làng

tầng tầng lớp lớp.

Cơm cháy mẹ nấu bằng lửa rơm thật tuyệt. Mà phải cơm được nấu bằng nồi đồng mới đúng điệu của nó. Giờ mấy đứa mới lớn bảo đi ăn cơm cháy ở nhà hàng hay lâu lâu thích miếng cơm cháy dưới đáy xoong thì đó là thứ cơm thời cơ chế thị trường hay cơm cháy công nghiệp rồi. Nhưng ai lại ngồi với nhau mà ước một miếng cơm cháy thời bao cấp thì đúng là người hoài cổ.

Nhắc đến cơm cháy lại nhớ đến món cơm trắng. Dân Quảng Trị còn gọi là cơm tra. Món này được mẹ chế biến khi hết thức ăn: Bỏ cơm vào cái nồi đã kho cá hay rim thịt, trộn đều rồi ăn. Cơm từ trắng tinh chuyển sang vàng hươm, trông thật bắt mắt. Đây là món ăn mặn mòi đủ hương đủ vị mà ai cũng thích. Một thời người ta gọi là món của dân nhà nghèo khi đủ gạo mà không mua nổi thức ăn.

Nước chặt gạo, cơm cháy, cơm trắng một thời nuôi lớn nhiều thế hệ chưa biết đến sữa, chưa biết nhà hàng, chưa biết ăn kiểu giải trí mà chỉ lo cho đầy cái bụng - giờ quá hiếm. Đôi lúc muốn chặt nửa chén nước cơm khi cái nồi cơm điện sôi sùng sục, bỏ vào tý muối hoặc đường để uống hoặc bỏ chén cơm trắng vào tráng nồi... nhưng rồi ngại. Tự nhiên thấy mình đi lùi với thời gian vài chục năm, đi lùi với cuộc sống bằng nửa tuổi đời.

Rồi đây muốn tìm lại chính mình trong từng “miếng ăn” cũng khó. Những cái nghèo nàn được bỏ đi hết, thay vào đó là sự văn minh, tân tiến mà ngay cả mình đang sống sờ sờ vẫn không hết kinh ngạc, phủ nhận.

Hôm rồi bà nội mình đi ăn giỗ đem về miếng giò cho đứa cháu. Bà gói ghém trong miếng lá chuối tươi tắn. Ai cũng ngạc nhiên thời đại này còn dùng đến lá chuối gói thức ăn.

Khi cuộc sống mọi thứ đều nhân tạo, đến lúc nào đó con người văn minh cần quay lại với tự nhiên. Giản dị như bản chất của nó vậy.

Tìm trong đất mẹ

Ở Khe Sanh, Quảng Trị có một kho phế liệu nằm trên đường Hồ Chí Minh. Những khách Tây khi đi thăm chiến trường xưa thường vào đây để tìm những kỷ vật như đồng xu, bi đông, thẻ tên... là những thứ của đồng đội họ đã bỏ lại trong lòng đất. Giá mỗi kỷ vật chẳng là bao nhiêu nhưng tự nó chứa một giá trị lịch sử mà những người trong cuộc mới thấu hiểu.

Đã có một thời nơi đây, người đi rà phế liệu chiến tranh chuyên thu thập những thứ như thế, gom lại, chùi rửa tươm tất để bán cho khách du lịch khi đến vùng đất này. Đó là một cái nghề mà dân bản xứ đã từng gọi là nghề nhặt kỷ niệm. Có những cựu binh Mỹ đầu đã bạc, khi thấy những con số, cái tên khắc trên một mảnh kim loại hay chiếc mũ của người lính Mỹ họ đã bật khóc. Họ thấy kỷ vật như gặp lại người xưa. Có những vị khách buồn rầu bảo đồng đội của họ còn nằm lại nơi này.

Trên đồi Làng Vây, chiếc xe tăng mang số hiệu 268 ngày ngày có những đoàn xe chở khách Tây ghé vào. Họ đứng một hồi lâu trước cục sắt vô tri đó mà hồi tưởng. Có lẽ chính chiếc xe tăng này năm xưa trong trận Làng Vây đã nhằm về phía họ. Nòng súng đã hoen gỉ mà tưởng như khói của hỏa lực vẫn còn đâu đây. Giữa bộn bề hoa cỏ và rừng, họ chợt thấy sự phi nghĩa của chiến tranh. Giới trẻ thường rủ nhau lên đây để sờ tận tay, thấy tận mắt chiếc xe tăng lịch sử. Có lẽ trong những lần như thế, những người trẻ như thế này biết thế nào là cuộc chiến, là lịch sử dù bằng một phút tưởng tượng mơ hồ.

Bạn ở xa tới, sẽ ngạc nhiên khi thấy những chiếc xe mười sáu hay ba mươi chỗ ngồi chạy trên đường Chín, phía trước xe quảng băng rộn mang dòng chữ: “Xe đưa đón hài cốt liệt sĩ”.

Ừ, ở xứ này là thế. Đào móng xây nhà cũng tìm được hài cốt, đào hố trồng chuối cũng tìm thấy hài cốt. Dường như đất mẹ vẫn đang cưu mang những người con không có cơ hội đoàn tụ trên chính mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Nơi nào là quê hương? Là nơi anh ra đi hay là nơi anh ngã xuống! Với những người lính trong cuộc đổ sức cuối cùng

ấy, thì đâu cũng là quê hương.

Tôi đã từng theo chân những người đi tìm hài cốt. Đó là một cuộc kiếm tìm như mò kim đáy bể. Những khu rừng bị chất độc hóa học hay vì bom đạn trụi lá nay đã xanh tươi. Mấy chục mùa mưa nắng làm biến thiên bao cây cỏ. Giờ tìm một thước đất chính xác nơi anh nằm sẽ là một điều rất khó. Tất cả phải bới còm, dựng lều ăn ngủ trong rừng cả vài ngày. Đào nơi này không có thì đào nơi khác, trong ký ức mờ nhạt hiện về được bao nhiêu thì cứ ra sức mà đào. Nước mắt người thân chảy dài, họ cầu nguyện, họ động viên nhau và hy vọng. Có những chuyến đi đã mang được người nằm năm xưa về quê hay vào nghĩa trang nhưng cũng có những lần đi chẳng bao giờ tìm thấy. Rồi đành hẹn. Hẹn một mai khi cái duyên cái phận chín muồi sẽ tìm về đoàn tụ.

Mười năm sau, khi những người cựu binh cuối cùng chứng kiến những trận đánh không còn, có lẽ những chiếc xe khoác một chiếc băng rôn đỏ với dòng chữ trên vẫn hiện diện trên những nẻo đường ở xứ này. Trong ký ức của những gì còn lại, những người lính may mắn luôn tâm niệm: Phải mang đồng đội tôi về.

Những cuộc đi tìm kiếm hài cốt của những người bên này giới tuyến hay bên kia giới tuyến đều mang trong mình một nỗi đau mất mát. Chỉ có những giá trị lịch sử mới đưa con người đến chân thiện mỹ, dù anh là ai.

Không phải sông núi hữu tình, không phải những khu du lịch trứ danh cũng không phải nơi nghỉ dưỡng tuyệt vời. Quê tôi được biết đến bởi nghĩa trang liệt sĩ, di tích của những trận đánh lịch sử hay những cánh rừng vô danh đang ôm ấp hàng vạn người chiến sĩ đã ngã xuống. Người ta bảo đó là một vùng ký ức. Ừ thì Quảng Trị có một vùng như thế, nhưng sao nghe mặn đắng, đau xót quá đi thôi.

CHIẾC TÚI MAY NGƯỢC

Nằm ngủ mơ thấy tự nhiên trong túi mình có thật nhiều tiền, moi hoài mà không sao lấy ra hết. Tỉnh dậy mới biết hôm qua mua xấp vé số, dò không trúng nhưng vẫn để lại trong túi áo. Còn hôm rồi ông bạn đồng nghiệp nằm mơ thấy cái túi mình bị rách, bỏ mấy đồng xu trong túi rơi hết lúc nào không hay...

Nhớ hồi còn nhỏ, mỗi lần ra quán nước của bà ở đầu làng ngồi chơi. Như không bỏ sót ngày nào, cứ chiều chiều là ông Tư ghé vào quán làm cốc rượu, uống xong ông nói câu như chửi đồng: Ở đời hơn nhau cái túi, biết ai giỏi hơn ai? Rồi ghé sát vào tai bà tôi nói nhỏ: “Hôm nay Út lại nợ”. Tôi rón rén hỏi bà về cái túi ông Tư nói hồi này là cái thứ gì? Bà xếp cái quạt giấy lại gõ vào đầu tôi rồi từ tốn trả lời: “Cái túi đựng tiền cháu ạ, thằng Tư khổ vì cái túi nhả tiền của mình đấy”. Cứ như vậy ngày này qua ngày khác, thi thoảng lắm mới thấy ông Tư móc từ trong túi áo ra vài tờ giấy bạc nhàu nát tự thuở nào đưa cho bà. Cái quán của bà nằm ở ngã ba đường, cứ vài hôm một lần có đám con nít hoặc người già chống gậy tay cầm cái bao lọ mọ vào quán, áo quần tả tơi, tóc tai rối bời, mùi mồ hôi của người lâu ngày không tắm tỏa ra thấy ngai ngái. Họ nhìn bà tôi cầu khẩn rồi ngả hai tay... Chưa kịp nói thì bà đưa tay xuống túi áo mở cái kim băng nhỏ gài trên miệng túi rồi lôi ra một cái bao ni lông, trong đó cơ man là tiền lẻ, tiền xu. Những người ăn mày nhận lấy rồi cũng bỏ vào bao ni lông, nhét vào túi và trên miệng túi cũng có cái kim băng gài kỹ càng. Từ đó trong tâm trí tôi thường nghĩ mông lung về những chiếc túi mà bên trong có thể chứa đựng những của phù du, của ban ơn, của mồ hôi... mà ai ai cũng vun đắp, che chắn rất kỹ lưỡng như sợ ai trộm mất. Mỗi lần sắp đến ngày khai giảng là tôi được mẹ dẫn qua

bà Hằng, thợ may cạnh nhà, để may áo quần. Tôi thường vòì mẹ may kiểu túi này túi nọ, mốt này mốt kia. Rồi mẹ và bà Hằng bàn về những kiểu túi, bà thợ may kết luận: “Làm thợ may đã mấy chục năm, người ta may kiểu này kiểu kia, tôi chưa thấy ai may cái túi ngược bao giờ!”. Lớn lên, đi qua bao dặm đường đất nước, lên núi xuống rừng, về đồng bằng lên thành phố. Nhiều lúc trong bụng đói meo, đưa tay sờ chiếc túi trống, không đồng xu dính túi lại nhớ về chiếc túi của ông Tư ở làng. Mỗi chiếc túi là mỗi số phận. Cũng chỉ là chiếc túi, nhưng hai chiếc túi của câu chuyện cổ tích “Cây khế” cũng khác nhau. Cái túi người em là cái túi “biết đủ là giàu”, cái túi người anh là cái túi “tham”. Một chiếc túi có một số phận như chính chủ nhân của nó. Có chiếc túi khi đặt vào một đồng xu đã thấy đầy, có chiếc không đáy, chẳng biết bỏ vào bao nhiêu mới đủ. Có chiếc túi sinh ra không phải đựng tiền, nó không có thiên phúc đựng tiền mà chỉ đựng những vật dụng linh tinh tưởng chừng vô nghĩa; có chiếc túi được may thật to, miệng thật rộng để bỏ những chiếc phong bì bí ẩn mà không cần đến việc chiếc túi đó có đẹp hay không, có thời trang hay không. Có chiếc túi khi lộn ngược lại chỉ tìm được một xu rồi cung kính biếu người khát thực nhưng cũng có chiếc túi khi móc ra có thể “hô mưa, gọi gió”, làm náo loạn cả một khoảng trời...

Tôi kể câu chuyện về những chiếc túi cho ông bạn thân làm ở tòa án. Với giọng hài hước, ông nói: “Người ta may chiếc túi ngược thì hơi khó coi. Nhưng nếu được vậy thì không cần đến những người như tôi nữa”.

CÓ MỘT LỐI MÒN TRONG TIẾT XUÂN

Đã qua bao mùa thay đổi của đất trời. Cây bồ đề trước ngõ từ một mầm nhỏ, tưởng không chống lại nổi cái nắng miền Trung, thế mà nay đã thành cổ thụ. Ngoảnh lại thấy tóc đã bạc, thế mà mỗi lần trên nền trời con én liệng vòng, xóm giềng sắm sửa chào đón một cái tết mới là lòng lại gọi nhớ như mới hôm qua về một làng quê êm ả. Dường như nỗi nhớ đó thuộc về mùa xuân.

Cũng như những làng quê khác của miền Trung, quê tôi chỉ có cát, gió và những dây phi lao rì rào ngày đêm; củ khoai vùi trong cát, hạt gạo mặn vì phèn và con người thì lạc quan, yêu đời lắm lắm. Đói cũng cười, khổ cũng ráng mà cười, cười để mà sống. Tưởng như 365 ngày đều là mùa xuân!

Thuở đó còn chiến tranh, thanh niên trong làng đi ra tiền tuyến cầm súng, ở làng chỉ có phụ nữ và trẻ em. Những ngày giáp tết, mẹ tôi thường lui sau hồi rọc lá chuối đưa ra chợ bán, chỉ chừa lại một ít bảo anh em tôi rửa để tối gói bánh. Buồng chuối mốc với trái bậm, đẹp được mẹ dành lại để cúng ông bà. Cái khuôn để làm bánh thuẫn, bánh in được mẹ lôi từ trên giàn bếp xuống, qua một năm tôi mới thấy lại nó, vẫn là thứ công cụ để giúp “con nhà nghèo” tự làm lấy mấy món bánh thờ cúng ông bà và ăn trong mấy ngày tết.

Tết với quê tôi lúc đó chỉ là bánh chưng, bánh thuẫn, bánh in nhưng với lũ trẻ như chúng tôi là một bữa tiệc lớn vì đều có một điểm chung là thèm đồ ngọt. Thời đó tôi chưa một lần mặc áo mới để đi chơi tết, cả làng hai phần trẻ con đều là những người như tôi. Thế nhưng ai cũng đếm tết từng ngày một. Mong tết đến như chờ người thân đi xa về!

Ba tôi ra trận theo tiếng gọi của đất nước, cả năm mẹ tôi tay chống

tay chèo nuôi cả đàn con, đến tết nào mẹ cũng tự gói bánh tét, tự dọn hương hoa, bánh trái để cúng tổ tiên ông bà. Có một năm ba tôi hẹn ngày giáp tết sẽ về, mẹ đợi cho đến đêm 29 Tết thì ba về thật. Về thăm gia đình vào ban đêm khi tôi đang say giấc trong chăn ấm. Mẹ kể ba hoạt động gì mà bí mật lắm, mỗi lần về nhà đều đi từ phía sau hồi để vào nhà. Vội vã ôm hôn con từng đứa một, dặn mẹ đôi lời, thắp hương cho ông bà và dùng qua thức ăn mẹ nấu sẵn rồi lặng lẽ ra đi bằng cửa sau. Sau hồi mẹ đã trở một con đường nhỏ như một cái cổng phụ để ba tôi có về thì vào nhà cho dễ dàng. Đó là lối mòn hai bên đầy hoa cải vàng.

Nhiều mùa xuân, vào những ngày cuối năm ba tôi đều về vội vàng như thế. Và năm nào mẹ cũng làm mấy món ăn sẵn sàng cho ba. Cho tới một mùa xuân mới, đợi đến lúc giao thừa mà ba tôi vẫn không về. Những món ăn của mẹ ngày nào cũng nấu sẵn, chỉ là cơm, dưa hành, bánh tét, kẹo khoai, sẵn hấp... nấu từ ngày 25 Tết cho đến đêm giao thừa, cứ nấu và đợi, hôm nay không về thì ăn hết và lại nấu. Thế mà ba vẫn không về.

Cho đến những mùa xuân khi đất nước hòa bình, mẹ tôi vẫn nấu những món ăn truyền thống đó chờ ba. Nhưng chờ rồi vô vọng cho đến một ngày mẹ trở thành người thiên cổ!

Căn nhà xưa giờ đã thành nơi thờ tự, anh em lớn lên mỗi người đi mỗi ngả. Mỗi dịp giáp tết dù bận rộn đến đâu vẫn trở về quê cũ làm một mâm cỗ, để vậy như thời còn mẹ, dù biết ba chẳng bao giờ trở về nữa.

Giờ cuộc sống đã no đủ hơn, nhưng mỗi lần tết, tôi cứ mơ về một không gian với những món ăn đậm bạc của làng quê. Ở đó có con đường mòn nằm sau hồi mẹ mở chờ ba. Đó là lối mòn đợi chờ và hạnh phúc!

NỖI BUỒN SÔNG NÚI

Tự bao giờ chẳng hay mình đã yêu quê hương qua những con sông, rặng núi. Đôi lúc giật mình đau xót khi thấy những con sông đang dần ố, núi thì bị thương!

Con sông đẹp là con sông tự chảy. Nó mang trong mình phù sa được chắt ra từ mạch núi đá theo suối khe chảy về. Còn đâu những con sông không bị ố, không mang dòng nước đỏ ngầu vì phá rừng, vì thủy điện, nạn đào vàng? Ở quê, tìm những con sông như thế rất khó như cố tìm một chút chân quê giữa lòng phố xá.

Để tìm những ký ức đẹp về những dòng sông một thời chưa “ố”, tôi mừng tượng về một con sông ở quê của hơn chục năm trước. Đó là một con sông có linh hồn như cách gọi phù phiếm của mấy cụ cao niên trong làng. Có linh hồn bởi nó mang những gì tươi đẹp, ấm no đến cho dân làng. Những ruộng lúa xanh tươi, những mùa màng bội thu, cá tôm đầy ắp và một dòng nước trong xanh bốn mùa.

Gánh nặng cơm áo, gạo tiền và lòng tham của con người không giữ nổi những gì tươi đẹp của thiên nhiên, trong đó những con sông đều cùng chung số phận, đều bị đe dọa, tước đi thân phận và thiên chức vốn có. Điện thiếu người ta nghĩ ngay tới những con sông; cát thiếu người ta nghĩ ngay tới đáy sông. Và đào vàng sa khoáng cũng “giày vò” làm cho những dòng sông không còn tự chảy nữa. Thật buồn cho những con sông không chảy, con sông ố.

Tôi lên vùng cao huyện Đăkrông, sông mang tên huyện này là con sông đẹp nằm bên dãy núi Klu hùng vĩ, xanh xanh bên chiếc cầu treo. Dòng sông này mang trong mình một chuyện tình thật đẹp của người Vân Kiều giờ nham nhở những vết thương. Từ cầu treo Đăkrông đi theo

đường Hồ Chí Minh vào các xã vùng sâu của địa phương này, cứ cách một đoạn là có một điểm đào vàng, có điểm có phép, có điểm trái phép. Dòng sông này nghiêm nhiên trở thành công trường khai thác vàng sa khoáng với xe múc, máy nghiền và hàng trăm nhân công. Nguồn nước trở nên đỏ quạch, dòng chảy thay đổi, xói lở đất, thiếu nguồn nước sinh hoạt... là hệ quả từ những công trường này. Đãi vàng thu hút phụ nữ và trẻ em. Đắm mình trong dòng nước đục ngầu, đám con nít học tiểu học đang đãi vàng dưới lòng sông cho biết phải giúp bố mẹ đãi vàng, thường xuyên trốn học đãi vàng. Vì đãi vàng lợi nhuận hơn trồng sắn trên rẫy, trồng lúa trên nương. Một ngày có thể kiếm được 50 đến 70 nghìn đồng, số tiền này đủ để một nơi nghèo nàn như xứ này có thể “vung tay quá trán”. Họ có thể đãi thuê cho các đầu nậu, có thể tự sắm lấy phương tiện để tự làm. Chính quyền dẹp được vài hôm rồi lại đầu vào đó. Họ hồn nhiên, hy vọng từ những nắm đất, cát đáy từng ngày. Không cần biết sông có còn chảy, lũ lụt mạnh đến đâu...

Nhưng những vết thương đó chưa đáng là gì so với những công trình thủy điện đã giáng xuống đối với những con sông. Thủy điện đã đầu tư là lợi nhuận, vừa đóng cầu dao là có tiền thì ai ai cũng muốn đầu tư. Và hậu quả là những con sông trở thành một đối tượng bị cắt xẻ không thương tiếc. Cứ tính sơ sơ, đoạn sông Đắkrông từ cầu treo vào đến xã Húc Nghì có 40 kilômét mà có tới ba công trình thủy điện đã và đang xây dựng.

Sông thì bị cắt xén, nơi thu hẹp, chỗ nơi rộng còn núi thì bị bào mòn bởi mìn, máy khoan để lấy đá. Mấy năm trước cứ đi ngang quốc lộ 9 đến cây số 27, nơi đầu nguồn của sông Cam Lộ có những dãy núi thật đẹp. Đường 9 đoạn này băng qua một con đèo thấp, từ đèo nhìn xuống là con sông uốn lượn qua dãy núi Tá Linh. Khách du lịch khi ngang qua đây thường dừng xe chụp ảnh, ngắm cảnh. Đó là dãy núi đá vôi đẹp có tiếng ở Quảng Trị. Thế mà bây giờ nó trở nên trắng xóa, còn lại lỗ chỗ xanh xanh của cây cối mà người ta chưa lấy đến. Như nhà nghiên cứu Hồ Đắc

Duy một lần ngang qua đây đã nói khi nhìn thấy núi: “Như những vết thương trên thân thể dãy Trường Sơn”.

Cứ thử một lần đi qua đường Hồ Chí Minh hay quốc lộ 1 đoạn qua mấy tỉnh miền Trung, sẽ không khó để có thể nhìn thấy những dòng sông hay những đỉnh núi như thế.

Đất nước mình nhiều sông, lắm núi. Thử hỏi có con sông nào không bị ố? Ôi những con sông bị ố, những dãy núi nham nhở những vết thương rồi sẽ về đâu? Núi có thể mòn và xóa sổ. Nhưng sông lẽ nào không thể chảy.

Tự nhiên muốn hét lên thật to lời bài hát “Chảy đi sông ơi”.

SẸO

Bấy giờ trời đang vào xuân, ngọn xoan đầu làng hoa ngan ngát theo gió ùa về làm ngậy ngất đám chăn trâu. Chị trầm trồ: “Ôi hoa xoan đẹp quá, thơm kỳ lạ”. Trong đám chăn trâu cả trai lẫn gái, có đứa con trai ga lăng nhanh nhẩu trèo lên cây, hái cả khóm hoa xoan trên một cành cao vời vợi. Hái ra từng nhánh nhỏ rồi trao cho mỗi bạn gái, cả đám cười khúc khích. Năm ấy chị tròn 14 tuổi, lần đầu tiên trong đời được người khác tặng hoa. Lâu rồi, chị nhớ hôm đó không phải là ngày 8 tháng 3.

Đó là chùm hoa xoan tinh thơm đầy chất đồng quê gió nội của ông bạn chăn trâu. Ông bạn có hành động ngẫu hứng mà gợi nhiều ấn tượng cho đám con gái quê giờ đã thành người thiên cổ. Riêng chùm hoa xoan, nó là chùm hoa đầu tiên trong đời của chị cho đến bây giờ, dù chị đã con đàn cháu đống. Đã biết bao ngày lễ về phụ nữ, về tình yêu và ngày sinh nhật trôi qua đời chị, chẳng có đóa hoa nào mà chị nhận được, dù ở quê người ta trồng rất nhiều hoa. Có lẽ người nông thôn không thích tặng hoa. Cũng có thể họ không có thời giờ để nghĩ đến hoa. Chị bảo thế khi tôi nhắc đến những ngày lễ ở thành thị, người ta đều biểu lộ tình cảm thông qua các loài hoa.

Bốn mươi tuổi, trông chị già hơn người cùng lứa chứ đừng nói đến những người ở thành thị. Bố mẹ cho lấy chồng từ cái tuổi vừa mới biết e thẹn, lúc đó con gái cả làng đều lấy chồng ở cái tuổi đó, có riêng gì chị. Cứ tưởng thời niên thiếu ở cùng bố mẹ cơ cực đã đành. Đến khi về làm dâu nhà người cũng chẳng làm sao thoát khỏi cái lũy tre làng nên có đi đâu mà biết đó biết đây, cuộc đời cơ cực vẫn luẩn quẩn. Vậy nên khi chị nghe đến hoa hồng như là một thứ gì gần gũi và cũng rất xa xôi. Gần gũi

vốn là có đứa em trồng hoa hồng kinh doanh, hoa bạt ngàn cả đồng nhưng nó cũng là rất xa xôi khi có người buột miệng hỏi chị: “Hôm này là ngày lễ, chị ôm một khóm về mà chưng cho có không khí”. Nghe vậy chị lại bảo: “Ồi chào, ai lại đi bày cái loài hoa gai góc ấy. Để mà bán lên thành phố kiếm tiền hay hơn”.

Về quê, thấy chị cắt rau cho lợn, cái dao thoăn thoắt trên tay chị, lưỡi dao mòn đi vì “đời dao” trải qua hàng trăm, ngàn lần mài giũa. Từng vết sẹo chằng chéo lên đôi tay đen sì vì mủ chuối, mủ môn. Ở nông thôn nhà nào cũng có cây dao như thế, nó như chứng tích thời gian về cuộc đời tảo tần của kiếp đàn bà nông thôn!

Nghe mưa nặng hạt cũng than, sợ cơn lũ lại về; nắng nóng như rang cũng sợ đồng cháy vì hạn, lúa chết là đồng nghĩa với cái đói sẽ đến.

Buổi sáng tinh mơ đem khoai sắn ra chợ bán kiếm tiền, chưa trưa cứ sợ đàn lợn đói kêu inh ỏi đành về bên bếp núc, loay hoay quanh cái vại vủ của tạo hóa để rồi khi nhìn tro than bay trên tóc mà chẳng biết tóc đã bạc hay vì bụi than. Không còn thời gian để búi lại mái tóc buông xõa thì sao biết đến những đóa hoa hồng. Hầu như thời gian của chị ở bên bếp lửa của gian lều liêu xiêu nhiều hơn ở nhà trên. Phụ nữ cả làng đều là “người của gian bếp” chứ không riêng gì chị.

Về thăm chị trong một ngày cận lễ 8 tháng 3. Tặng hoa ư? Cả đời chị biết gì đến hoa. Không khéo lại bị chị nạt cho đấy. Tôi tự hỏi để rồi tự trả lời.

Đột nhiên nhớ đến cái tay cầm dao cắt chuối cho lợn thoăn thoắt của chị. Trời ơi, sao hoa hồng và vết sẹo đen sạm vì mủ ở bàn tay ấy cứ ám ảnh mình đến thế!

GIẤC MƠ ĐẦY RÊU

Đi lâu thì nhớ. Nhớ ngôi nhà đằng sau con đường đất đỏ. Nhớ bờ ao với vạt bèo xanh biếc đáng mạ ngồi vớt bèo cắt cho lợn. Những gì hiện ra trong cái khoảnh khắc nhớ nhớ thương thương đó lộ rõ hình bóng quê nhà.

Nhớ hồi còn ở làng. Quanh đi quẩn lại cũng từ đầu đồng, cuối chợ. Chán ngấy, bức bách như muốn nổ tung. Tự hỏi lúc rời khỏi cái làng bé bằng bàn tay này, mình sẽ nhớ thứ gì. Lũy tre, triền đê hay hàng cau...? Những thứ đó đâu đâu cũng có, cần gì.

Nhưng chỉ cần tháng đầu tiên xa nhà, xa quê ăn học ở phố đã nhớ nhà quay quắt. Nhớ cái ang nước cứ róc rách suốt ngày. Cái ang nước với chiếc bao cát lọc nước vàng khè vì phen. Lại thương người dân quê phải uống thứ nước ấy. Rồi bên cái ang nước là giàn bầu trái đu đưa. Trái nào già ăn được thì cắt dần. Nhà ít người nên mạ không cắt cả trái mà cắt một phần hay một nửa. Phần còn lại treo lơ lửng trên giàn vẫn tươi ngon dành cho ngày sau.

Giữa cái không gian ấy là hình bóng của mạ. Mạ hay đi ra đi vào từ bến đến cái ang nước, xa hơn thì cái giếng rêu và quyết mọc lún phún xung quanh. Mạ quanh năm đầu tắt mặt tối. Đôi lúc mạ chẳng nhớ nổi ngày tháng. Chỉ biết khi con bé bên nhà nghỉ hè hay mạ nó báo nó sắp về thì mạ bắt đầu ngóng con về!

Học năm ba đại học, nghe quê mình đã có *Internet*. Bọn con nít, thanh niên đua nhau đi *chat chít*, chơi *game* suốt ngày. Đứa em gái học cấp hai cũng bắt đầu thích nghi với máy tính. Nó về bảo mạ muốn thấy anh hai ở tận trong Nam không. Mạ mình liền theo nó chạy ra quán *Internet* để xem đứa con trai mấy tháng chưa gặp. Không biết nhìn cái hình con méo

mó, chập chờn thế nào mà liền khóc bảo sao mà nó ốm thế, lại còn đen.

Sau này mạ bảo không phải khóc vì thấy con gầy. Khóc vì sung sướng được thấy con ở tận chân trời xa xôi. Lúc đó mình bảo mạ đi lại ở ang nước đầy rêu cẩn thận kéo trượt, bảo nuôi ít lợn thôi cho đỡ vất vả. Mạ lại bảo con em nói anh lo học, đừng ham chơi. Heo, gà mạ bán hết rồi. Đừng lo.

Rồi mình về nhà. Mới tới đầu làng bọn con nít vây quanh. Đứa thì bảo anh Tèo từ phố về à. Đứa thì nói anh Tèo làm cán bộ về thăm quê à. Đứa lại bảo mẹ Hồn (mạ mình) bị té gãy tay, anh không biết à... Mình chạy ù về nhà. Vừa chạy vừa khóc. Vào bếp, mạ đang ngồi bằm chuối, tay trái bó bột. Bếp lửa với nồi cơm sôi sùng sục, khói rơm nghi ngút. Nhìn ra ang nước, nước chảy róc rách như hồi nào. Những đám rêu ở sân được ai đó cạo nhẵn, sạch sẽ như chuẩn bị cái sân cho một buổi lễ nào đó.

Mình đi đi về về như thế mà chẳng biết làng đã lên phố tự bao giờ. Cái bảng tên đường, số nhà trước ngõ. Những ngôi nhà bắt đầu kín cổng cao tường. Dù xóm đã là phố, ngôi nhà vẫn còn cái ang nước, giàn bầu và đặc biệt cái sân nhỏ đầy rêu. Đó là những thứ còn lại mà sự đô thị hóa không xóa được ở nông thôn.

Thế là mỗi lần đi xa mình lại nhớ cái khoảnh sân đầy rêu đó. Trong mỗi giấc mơ cứ thấy mình bị té ngã ở ngay cái chỗ ngày xưa ngày xưa chơi ô ăn quan hay nhảy dây đó. Những giấc mơ cứ lặp lại trên vùng ký ức mình trải qua ngay chỉ một mét vuông đất.

Giờ thì mới hiểu vì sao những Việt kiều hằng năm muốn quay về cố hương. Có người muốn về định cư hẳn. Có lẽ họ cũng có một khoảnh sân để mơ về. Có người thèm nhìn thấy quê hương đã sẫm trong vườn mình những thứ thân thuộc, chân quê. Rồi thì có người lập chợ người Việt ở tận xứ người xa lạ để mỗi sáng thấy mớ rau, bó cải.

Ai cũng cần có một mét vuông đất để nhớ. Dù nó đầy rêu và đêm mơ thấy mình hay trượt ngã.

NHỚ CÀ PHÊ TỘ

Mỗi lần ghé Huế, dù vội vàng đến mấy cũng sắp xếp cho bằng được quỹ thời gian ít ỏi để ngồi uống một tách cà phê. Chỗ lý tưởng nhất chẳng phải là nơi cao sang mà phải là quán vỉa hè, nơi có thể nhìn dòng xe chạy ngược xuôi và thậm chí... ngồi được bụi đường thì xem như mãn nguyện.

Sở thích cá biệt ngồi uống cà phê vỉa hè có từ thời sinh viên. Ở đây vừa rẻ tiền, tự do, vừa có cả khoảng trời và đặc biệt là dòng người phía trước. Nói như cách nói của một ai đó, mỗi ngày ta phải nhìn thấy mặt người. Đó là sự sống.

Ở xứ Huế lắm quán vỉa hè hội đủ các tiêu chí của mình nhưng sao lại cứ thích mỗi cà phê Tộ (cà phê vỉa hè đường Nguyễn Trường Tộ). Mỗi lần cầm đầu vào sách, sau thời khắc... “ngộ độc chữ” thì mình thường đợi một tiếng gõ cửa hay tiếng phanh xe đạp kêu cái “két” của một ai đó để “giải phóng” mình ra khỏi căn phòng bức bối và dĩ nhiên sẽ được la cà ở một vỉa hè nào đó, ít nhất là cà phê Tộ. Ở cà phê Tộ chỉ có một dãy quán ở mạn trái theo hướng nhà thờ Phú Cam, còn mạn phải thì hàng rào của Tòa Giám mục nên không gian đỡ náo nhiệt; ở đó có sạp báo có thể vừa nhâm nhi vừa đọc; và đặc biệt có hàng cây xanh mướt, duyên dáng như trong lời tựa bài hát “Diễm xưa” của Trịnh Công Sơn. Cũng chính trên trục đường này, có căn gác mà nay người ta gọi là “Gác Trịnh”, nhỏ nhắn, bình thường nhưng nơi này Trịnh Công Sơn đã cho ra đời những tác phẩm âm nhạc bất hủ.

Thời sinh viên của tôi là xe đạp, dép tổ ong, quần ống loe. Cà phê Tộ lúc này chỉ mới một ngàn rưỡi đồng. Để uống cà phê, tôi và Phạm An đèo nhau trên chiếc xe cà tàng và trong túi thường chỉ năm ngàn đồng

vừa đủ hai ly đen và bốn điếu thuốc. Những ngày chủ nhật ngồi ở đây, chỉ có thể mà từ sáng đến quá Ngọ bao giờ không hay. Không điện thoại cầm tay, không wifi, chỉ dăm ba tờ báo mà ngồi chừng ấy thời gian, giờ nhớ lại cũng đáng khâm phục mình!

Cà phê phố là một cách hướng đến của những sinh viên. Những thằng bạn văn nghệ thường ngồi đây để... đếm mặt người làm thơ, thằng bạn hội họa cũng vậy. Chúng tìm thấy chất liệu tác phẩm ngay chỗ này, ở chính nơi như thế này chúng nhận ra bộ mặt của cuộc sống: Chút thơ mộng của tà áo dài ở dốc Phú Cam đi xe đạp đổ xuống, chút vất vả, lo toan của bác xích lô chở khách lướt qua, chút vô tư lự của cậu học trò đợi đèn đỏ... Họ vội vàng, họ thư thái, họ buồn vui... có đủ mọi sắc thái nhưng ở những điểm ấy, họ dường như có một điểm chung, một thần thái rất Huế là khoan thai. Hai chữ “khoan thai” mà chúng tôi thường bàn luận mỗi lần nhắc đến cà phê Tô, đến Huế như đạo Trung Dung của Khổng giáo. Không nhanh và cũng không chậm; không quá thấp và cũng không quá cao. Phải chăng, đó là cô gái quê có đủ hồn phách của sự hiện đại?

Đã có rất nhiều buổi chiều ở quán vỉa hè, khi sự náo nhiệt bàn luận đã vơi, đó là giây phút chùng xuống của những tâm hồn. Ngoài kia vẫn tiếng còi xe, dòng người vẫn trôi đi. Sự lắng xuống của những tâm hồn làm cho những buổi chiều nhuộm vàng hoàng hôn. Có lẽ mỗi đứa nghĩ về một nơi, đứa nhớ nhà, nhớ mẹ; đứa mộng lung nghĩ ra trường sẽ về đâu... Những phút im lặng như thế thật đáng sợ, cứ muốn thằng nào đó mở miệng nói: “Về bây ời, muộn rồi”. Khoảng im lặng cứ dài ra theo từng cuộc hẹn. Vẫn phố, vẫn người, vẫn bụi đường xáo xáo cay mắt và vẫn khoảng lặng đến tê người làm tôi nghĩ đến những tượng đá công viên: Sự im lặng của đá?

Ra trường mỗi đứa một nơi. Mỗi đứa mang trong mình nỗi im lặng sau những phút sôi nổi của châu cà phê đi mỗi nơi. Thi thoảng hẹn gặp nhau ở Huế, nhắ nhau trong tin nhắn ngắn gọn: “Cà phê Tô” nhưng lại

là sự thôi thúc bước chân kỳ lạ. Có đứalâu rồi không đến Huế, ngồi ở “Tộ” nó khóa máy điện thoại, không wifi, không công việc, không ai làm phiền. Cốt để ngó phố, ngó người, im lặng và... ngửi bụi của phố với nhau trong cuộc đoàn viên vội vã.

NHỮNG ĐÔI CHÂN TRÊN NỀN ĐẤT TRẦM TÍCH

Mẹ kể rằng gia đình tôi đã chuyển nơi ở và xây lại nhà đến cả chục lần. Chẳng biết tuổi tác thế nào mà ba tôi hay quyết định di chuyển chỗ ở từ đầu làng đến cuối làng hay xa hơn là từ đồng bằng lên núi hoặc ngược lại. Thế nên câu nói an cư để lạc nghiệp nghiệm ra với nhà tôi thật đúng. Vài năm ở đây, ba năm ở đó chẳng làm gì được nên cơm nên cháo. Ngôi nhà sau xây chẳng khác gì ngôi nhà trước, vẫn mái tranh, vách đất nện phân trâu và bùn, cái nền đất... Cho đến những ngày sức khỏe đã yếu, vay mượn mãi cái cho con ăn học, cái chữa bệnh, ba mẹ mới xây được ngôi nhà tôn, nền bê tông sạch sẽ đứng kiên cường trước những cơn bão khốc liệt của miền Trung.

Và khi ở trong căn nhà đó, tôi lại nhớ về cái nền đất cũ của căn nhà xưa. Chẳng phải là người hoài cổ, nhưng sao tôi muốn đặt bàn chân lên cái nền nhà ấy. Mát rượi và bình yên.

Cái nền đất bình dị bị bào mòn bởi những bước chân. Mòn đến nỗi nó bóng lên như một khúc gỗ tốt được một người thợ mộc đánh sơn mài. Nhà nghèo, dép chỉ dành cho đi học thì mang, ở nhà đi chân đất. Mỗi lần theo mẹ đi chợ Chùa phải băng qua trắng cát. Khi đi thì mặt trời mới ló, bàn chân mát dịu, khi về nắng lên cao, cát nóng như rang. Tôi đi như chạy mong về tới nhà để trốn nóng. Mỗi lần như thế, tôi thích đi lui đi lại trên cái nền nhà của mình, bàn chân chạm vào thứ đất ẩm, mát rượi, một cảm giác êm ái xông từ đất dâng lên rồi lan tỏa. Đó là cảm giác của bình yên, thanh thản.

Mỗi buổi tối buồn ngủ rũ rượi, leo lên giường có khi không kịp chà hai chân vào nhau cho sạch đất là đánh một giấc đến sáng. Mơ màng tỉnh dậy mỗi sáng sớm đã nghe tiếng chổi rơm của mẹ quét nhà. Những

nhát chổi như quét lên nền nhà một thứ trầm tích mà hết cả tuổi thơ không sao quên được.

Thuở xưa, thằng út còn nằm nôi hay đái dầm. Nơi đặt chiếc nôi ấy ngày nào cũng có một vũng nước nho nhỏ. Cái dấu nước thấm xuống đất để lại mùi ngai ngái đã in sâu vào tâm trí tôi đến nỗi không có nó là... không ngủ được.

Gần bậu cửa, bằng mắt thường ai cũng nhận ra nơi đó bóng nhẵn hơn nơi khác bởi dấu ngời khóc của thằng Khánh. Mỗi lần ngủ dậy không có mẹ, hẳn ra ngời ở đó. Kêu ba tiếng mà mẹ tôi không ừ là nó khóc. Vừa khóc hai chân vừa chà xuống đất. Nó chà lui chà tới cho đến khi ba cầm cây roi chạy vào hay có ai đó ném cho củ khoai, miếng đường đen thì nín. Tuổi thơ nó gắn với cái dấu nhẵn bóng in trên nền đất thân thương ấy.

Nền đất gắn với những đôi chân đất. Nhớ mẹ quanh năm đi chân đất. Khi có giỗ chạp, cưới hỏi mới đưa đôi dép đứt vá lại mấy lần ra mang. Bàn chân quanh năm chạm đất. Đất từ nhà ra tới ruộng, xuống mép sông ra nghĩa địa. Đó là những bàn chân thô ráp, nứt nẻ như mình chứng nhọc nhằn, kham khổ của người nông dân. Họ bảo chỉ cần nhìn vào đôi tay, gót chân để biết anh làm nghề gì, từ đâu đến quả không sai.

Trên cái nền đất mát rượi ấy có những đôi chân gòn xoe như nải chuối của người nhà nông đích thị con cháu bàn chân Giao Chỉ. Bàn chân ấy đi trên bãi cát ven sông Hồng rồi vào đến miền Trung, vô trong Nam rồi vượt đại dương đi ra năm châu.

BIỂN BAO GIỜ CŨNG RỘNG

Ở xóm tôi trú ngụ có bà cụ đã già nhưng trông còn khỏe mạnh và dẻo dai. Tôi rất tâm phục với cách ăn chay trường của bà. Cũng chẳng phải một tín đồ của nhà Phật nhưng bà ăn chay quanh năm. Bà bảo ăn chay giúp mình thanh khiết hơn. Thức ăn của bà thật đơn giản, có bữa chỉ một lát đậu phụ với chén xì dầu. Hôm nào sang lăm có thêm rau lang bóp muối và một món canh loãng. Bà bán tạp hóa ở chợ. Hàng tạp hóa khiến ai kinh doanh nó cũng sợ vì nhiều mặt hàng, khó nhớ, dễ nhầm lẫn. Với cái tuổi như bà, âu cũng là một bậc trí lự mới kham nổi mớ bòng bong đó. Tôi thường qua bà chơi. Mỗi lần như thế đều thấy bà san đường, mì chính, hay các thứ đậu ra từng bao nhỏ. Loại 1 cân, 5 lạng hay 1 lạng, 2 lạng. Tay bà làm thoăn thoắt, dẻo dai khiến ai cũng phục. Lúc ấy tôi hay thắc mắc sao bà không cân bớt một ít. Ví dụ như 1 cân thì bớt đi 1 lạng, 10 lần như thế thì thêm được 1 cân. Một cân đường, cân đậu cũng giúp bà kiếm được một ít tiền. Bà đánh nhẹ vào đầu tôi, bảo con nít ranh ma. “Một cân đường, lon đậu dư ra rồi ăn cũng hết. Cái cốt yếu làm sao cho cái tâm mình được thư thả. Chỉ một vài hạt đậu thôi nhưng bán thiếu cho người ta mình cũng mang tội. Chẳng có ai công tâm bằng chiếc cân đâu cháu ạ”. Bà bảo với tôi như thế. Với ý nghĩ của một đứa con nít, tôi tự thấy mình xấu hổ. Đó là bài học đầu tiên bà dành cho tôi.

Tôi đi học xa, mỗi lần về nhà thường ghé tạp sang bà. Ngoài hỏi thăm sức khỏe bà cụ, tôi thích nhìn bà cân đường, cân đậu. Mỗi lần nhìn vào đấy, tôi thấy mình nên sống đẹp hơn, bao dung hơn và chín chắn hơn.

Bẵng đi vài năm, nghe tin bà cụ qua đời trong một cơn bạo bệnh. Người ta bảo cụ làm việc quá sức, ăn chay trường nên suy nhược cơ thể

rồi đổ bệnh. Người con của cụ ở quê là một sinh viên sắp tốt nghiệp cùng gia đình lên thanh lý kho hàng tạp hóa của người quá cố. Bao năm bươn chải, tích cóp của bà cốt để nuôi đứa con út đang học đại học là anh chàng kia. Họ gom những thứ đồ dùng cá nhân của bà để về đốt trên nấm mộ còn hàng hóa thì chuyển nhượng cho người khác. Trong những thứ đồ đạc phải đổi chủ một cách đột ngột như thế, tôi chú ý nhất là chiếc cân. Đó là chiếc cân bàn có chiếc kim đã ngả màu vì thời gian, chiếc khay cân bị hoen gỉ vì hàng ngàn lần mang nặng khi cân muối, đường... Chắc người con trai ấy chẳng biết bà san đường, san đậu trên chiếc cân này như thế nào. Có lẽ cũng chẳng biết bà cân đo, đóng đếm chính xác từng gam để tìm thấy sự thơ thẩn, hoan hỉ trong việc ấy. Nhưng tôi tin chắc, những gì bà âm thầm làm và sống đã khiến anh phải học tập, chiêm nghiệm và sống làm người tốt. Chiếc cân ấy được tặng cho người sang lại sạp hàng của bà. Cũng là một chiếc cân, từ tay một người đến tay một người ắt sẽ có một kiểu cân đo khác. Mà đích đến đều muốn tìm thấy lợi nhuận song song với sự thanh thản. Chỉ là một chiếc cân và sự công tâm đã tạc vào hồn tôi một tượng đài. Tượng đài đó soi bóng xuống dòng sông, dù chẳng ai giục gọi nhưng dòng sông ấy vẫn chảy trong sự lặng lẽ mà chẳng biết đến đời cần hơn - thiệt, được - mất.

Sau này lớn lên, làm thật nhiều việc với tư cách là người “cầm cân”. Tôi luôn tự hỏi mình, liệu mình đã công tâm như bà năm xưa cân đường, cân đậu.

Một chút tự vấn, xong xuôi thấy mình chẳng còn vướng víu thứ gì. Cứ như dòng sông thông dong chảy về phía biển. Biển bao giờ cũng rộng.

CHIẾC NÔI TRE CỦA BA

Chị tôi sinh con gái đầu lòng, cả nhà mừng khôn xiết. Ba mẹ là người vui ra mặt khi trở thành ông bà ngoại ở cái tuổi đáng ra phải có từ lâu nhưng vì do hiếm muộn.

Trước lúc chị sinh, ba tôi vốn là người của làng nghề đan lát, dù không còn kiếm sống với cái nghề truyền thống ấy vì chứng đau cột sống nhưng ông vẫn tự tay ra vườn chọn những cây tre đẹp nhất, già nhất để đan nôi. Khi tre được chẻ thành từng thân nhỏ, để cho chiếc nôi của đứa cháu ngoại đầu lòng được chắc chắn và lâu dài, ba tôi đưa xuống sông ngâm nước mặn để chống mọt. Ngâm nửa tháng trời mới đưa lên, phơi khô vót thành từng chiếc nan đều đặn rồi hỏi ông hàng xóm vốn thông tuệ chiêm tinh, tướng số chọn giờ đẹp để đan nôi.

Tính đi tính lại, chỉ một chiếc nôi cón con mà ba tôi phải mất vài tuần để làm. Đó là tình cảm, trách nhiệm của một người ông đặt niềm tin yêu vào đứa cháu. Mong cho sau này nó nên người, thành đạt.

Chị tôi nghe tin liền tỏ vẻ không ưng ý. Chị bảo thời buổi này chỉ cần ra chợ là có nôi để nằm. Cả chục thứ nôi, đủ kiểu đủ loại. Và chị thích nhất là loại nôi dùng điện năng. Chỉ cần đặt đứa bé lên nằm, nhấn nút là tự ru. Đương nhiên bên cạnh đó còn có những chiếc đèn xanh đỏ bắt mắt, tiếng nhạc được cài sẵn, mặc định theo ý của chủ nhân. Chị bảo ở phố mà dùng nôi thời bao cấp ấy thì quê lắm. Bởi con cái của bạn bè chị chẳng ai lại đi ngược với sự văn minh chẳng tìm kiếm ở đâu xa mà nằm ngay trong tầm tay với!

Dù chẳng thích gì, nhưng để vừa lòng ông ngoại, chị tôi cũng đem chiếc nôi ấy về, xem đó là món quà cho đứa con sắp sinh.

Ngày ăn đầy tháng đứa cháu, cả nhà tôi hí hửng về nhà anh chị mừng.

Biết tính chị, chắc chắn chị sẽ nhờ người ra chợ tậu cái nôi chạy bằng điện. Vốn chị học và lập nghiệp ở thành phố từ lâu nên những thứ ở quê cổ lỗ sĩ là chị bài xích. Chiếc nôi, lời ru từ ca dao cũng không ngoại lệ. Chị bảo để cất tiếng ầu ơ ru con thấy ngài ngại, khó khăn như ở giữa một bữa tiệc văn nghệ mà ngâm thơ, hò vạy. Chị còn bảo nếu con chị muốn nghe dân ca thì phải nhờ bà ngoại. Cần lắm mở điện thoại thu âm, khi cần là phát ra cho thỏa thích!

Hôm ba tôi lên dự đầy tháng cháu, thấy chiếc nôi mình bỏ công hơn nửa tháng để làm treo trong xó xỉnh liền giận ra mặt. Dù ông vẫn giữ được cái phép tắc tối thiểu với ông thông gia nhưng nửa buổi lại hối mẹ về cho bằng được.

Về nhà ba bảo con người ta mới lọt lòng nằm trong chiếc nôi tre. Bởi tre là linh hồn của làng Việt. Và rồi khi chết đi, chiếc néo nơi quan tài cũng làm bằng tre như một lời tiễn biệt. Đó là thứ vốn dĩ đã thuộc về con người của thiên nhiên mà tập tục gắn với nó không thể xóa bỏ.

Tôi chợt nhớ đến một câu hát của Trịnh Công Sơn: “Trên vòng nôi mọc từng nấm mộ, dưới chân người cỏ xót xa đưa”. Đúng là cái ý nghĩa triết học của chiếc nôi nhân loại!

Hiện đại hóa giải phóng sức vóc của con người, nâng năng suất lên gấp bội, gấp mười nhưng cũng xóa bỏ đi nhiều thứ. Nhưng lẽ nào buông nôi ru con, cất một câu dân ca đã có từ ngàn đời lại làm cho mỗi con người lùi đi một bước, cổ hủ! Ba tôi buồn buồn nói như chửi đứa con gái xa lắc trên thành phố.

TÌNH GIÀ

Ông bạn tôi làm văn hóa của một huyện vùng cao. Thi thoảng lên núi chơi được ông kể chuyện về những tập tục của người dân tộc thiểu số.

Những ông bố, bà mẹ khi về già không đủ sức để leo lên, tụt xuống những bậc thang của ngôi nhà sàn nữa thường ngồi nhìn ra cửa sổ trông theo những rặng mây trời. Họ ngồi bên bếp lửa lúc đỏ rực, lúc tàn tro để đợi những đứa con cắt rừng kiếm sống về mỗi lúc chiều tối. Và ngày ngày như thế, họ lấy chiếc khèn giắt trên mái tranh - tín vật của tình yêu mấy chục năm về trước ra thổi cho nhau nghe. Trải qua bao lần thay mái tranh hay dựng nhà mà chiếc khèn ấy vẫn thế, như thời xuân xanh. Tiếng khèn gọi lại tình yêu tuổi trẻ và thắp lên ngọn lửa của tình già. Ông thổi khèn chán rồi nhường cho bà để châm thuốc hút. Bà thổi rồi lại nhường ông thổi để nhóm thêm củi, nơi bếp lửa có nồi nước đang sôi. Tiếng khèn và tình yêu thương tuổi già đã làm cho họ quên đi ngày tháng, quên đi sự trống trải giữa núi rừng hoang sơ. Xung quanh họ, chỉ có núi với núi. Quấn quanh cũng chỉ trong ngôi nhà nhỏ hẹp dù muốn đi xa cũng chẳng đủ sức vươn tới được. Họ thổi khèn để mua vui và muốn lưu giữ cái nét đẹp của một tập tục.

Hình ảnh hai người già trong căn nhà trống trơ gọi trong tôi một chút bối rối. Liệu bên mình còn có nhiều thứ tiện nghi để giải trí, không biết khi đến cái tuổi “tri thiên mệnh” ấy, biết lấy gì để nối lại ngọn lửa tình yêu như hai người già ấy?

Góc cuối của ngôi chợ xếp trong thành phố tôi đang sống có một cụ già ngồi bán trâu. Cụ bán trâu nên thích ăn trâu, lúc nào môi cụ cũng đỏ thắm. Tôi thường ghé vào lúc cuối tuần để mua ít cau cho bà ngoại. Dù

nhiều người bán cau nhưng tôi cứ thích bà vì bà đã già giống ngoại tôi mà lại vất vả.

Ai cũng bảo con cháu đâu để cái tuổi ấy còn phải lo miếng cơm cho cực. Bà cười hiền lành rồi thôi. Và chẳng ai biết bà ở đâu, gia cảnh thế nào cho đến một hôm. Nửa buổi bán bà lật đặt dọn hàng về. Người ngồi cạnh hỏi: “Về làm gì sớm vậy bà?”. “Đi chùa, hôm nay Rằm tháng Bảy, lễ Vu lan”. Bà cụ đáp. “Đến chùa để cài lên đây một đóa hoa hồng trắng tưởng nhớ người mẹ của tôi”. “Năm nào cụ cũng đi à”. Một người nào đó hỏi lớn. Và cụ trả lời: “Năm nào cũng đi. Có lẽ đi lần này nữa rồi thôi. Khi khuất núi, không còn nữa. Tiếc cái là chẳng có ai cài hoa trắng để nhớ mình!”. Nói rồi bà quay đi, dáng cụ khuất dần vào cái chợ người nhấp nhô. Mấy người bán cạnh cụ ngậm ngùi như bắt gặp một nỗi buồn nhân thế. Soi cái ngậm ngùi ấy vào mình để rồi hạnh phúc vì có ai đó cài hoa nhớ mình và bất hạnh cho những ai ngược lại.

Thời gian sau tôi quay lại mua trâu, cụ già không bán nữa. Cụ đi đâu không ai biết. Chỉ còn những khuôn mặt ưu tư khi ai đó hỏi về bà cụ.

Mấy năm sau gặp lại người bạn vùng cao, ông bảo sau nhiều năm thối khèn cho nhau nghe, ông già khuất núi, cụ bà không buồn thối khèn nữa. Cho đến một hôm cụ bà ngồi thối với nhiều nỗi day dứt. Đó là lần cuối cùng bản làng được nghe cụ bà thối.

Tôi thường lấy hai câu chuyện đó để giữ cân bằng trong lối sống. Có phải mỗi chúng ta luôn sợ mình phải già đi? Và sau cái sợ ấy, người ta thường sống với cái hiện tại đang có thật trân trọng!

Một cuộc tình già viên mãn và một cuộc đời già cô đơn cũng đáng cho mỗi chúng ta yêu lấy cái hiện tại đầy nghiệt ngã và thi vị này.

ĐỪNG ĐỢI ĐẾN LÚC BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Hôm rồi về quê ghé thăm chị. Bà chị họ năm nay ngoài bốn mươi mà già hơn tuổi nhiều. Chỉ bảo mình mau già vì hay lo toan. Nhất là về con cái, đặc biệt cái thằng út của chị. Nó lúc nào cũng làm cho chị ở trạng thái... ngồi trên đọt tre.

Ở nông thôn, làm quanh năm cũng chỉ đủ ăn là cùng. Thương con, chiều con nên chị đã mua cái xe máy cho nó. Có xe máy nó đi suốt ngày. Chị ở nhà cứ nghe tiếng xe nổ ngoài đường là ngỡ con về. Có hôm mười một mười hai giờ đêm vẫn không thấy bóng dáng nó về là chị cứ tưởng tượng những cảnh ngã xe, đánh nhau xảy ra trong giấc ngủ chập chờn của mình.

Chị bảo nước mắt chảy xuôi. Chị kể ngày xưa mẹ thương con mà chị đâu biết, đâu có quan tâm, xem đó là chuyện thường của những gia đình có con cái. Thế nên chị hay làm nũng, hay làm mình làm mẩy, tìm đủ cách để thỏa lòng ương bướng.

Chị nhớ ngày xưa gội đầu bằng bồ kết. Cứ vài ngày một lần là mẹ chị nấu, đích thân pha chế rồi gội cho chị. Ngày đó con nít sài đẹn nhiều lắm. Đặc biệt là chấy trên tóc nhiều vô kể. Những trưa hè, chị ngồi nơi bậu cửa, mẹ ngồi đằng sau vén từng nhúm tóc để bắt chấy cho chị. Mỗi lần bắt được con chấy là mẹ chỉ bỏ vào miệng cúp theo kiểu giết tận gốc của nó! Mẹ bắt chấy trên tóc con rồi bỏ vào miệng cúp là chuyện bình thường. Còn với chị lúc đó, chưa lần nào bắt chấy trên tóc mẹ chứ đừng nói bỏ vào miệng mà cúp.

Cho đến ngày chị lấy chồng. Những trưa hè chị cũng bắt ông chồng của mình ngồi bên cửa sổ để bắt chấy. Bắt được con nào chị bỏ vào miệng cúp. Chị cảm thấy xấu hổ cho mình khi muốn trở lại cái ngày xưa

để một lần bắt chấy cho mẹ. Để rồi bắt được con nào lại bỏ vào miệng mà cúp. Cái hành động nhỏ nhặt đó thôi mà chứa đủ tình yêu thương vô bờ bến giữa những con người.

Đến bây giờ thì chẳng còn ai ngồi vén tóc nhau ra bắt chấy nữa. Những loại dầu gội đầu đã tống khứ những con chấy rồi. Nhiều lúc chị giật mình tự bảo, nếu đưa con gái đầu của mình với mái tóc đầy chấy, liệu chị có ngồi bắt và cúp chấy như mẹ chị ngày xưa. Nhưng chị cũng giật mình không biết đưa con ngày thơ đó có làm như chị ngày xưa không?

Trong chị, hình ảnh người mẹ hiền lành luôn thường trực khi những đứa con cứ lần lượt xa nhà hay bỏ chị một mình trong khu vườn rộng.

Câu chuyện của chị họ tôi khiến nhiều người suy nghĩ. Tự trong đáy lòng mình, khi nhắc về người mẹ họ luôn cảm thấy mình như người có lỗi. Đó là những lỗi mà khi mỗi con người có gia đình, có con cái rồi mới thấu hiểu nỗi lòng cha mẹ. Nhưng liệu khi có gia đình rồi, mỗi chúng ta có còn cơ hội để sửa cái lỗi nhỏ nhoi mà khi xưa mình mắc phải không?

Thường thì lúc đó, mỗi chúng ta tự cài cho mình một bông hồng trên ngực. Chiêm nghiệm về cuộc đời, thời gian và dòng nước mắt có đúng theo cái quy luật chảy về xuôi...

KHI NHỮNG TIẾNG CÒI IM BẬT

Từ lâu, âm thanh trở thành phương tiện để con người giao tiếp, truyền tin. Thời phong kiến, chiếc tù và là một phương tiện hữu hiệu để thể hiện sự truyền đạt mệnh lệnh. Ngoài ra, chiếc kèn, trống, khèn là những công cụ giúp con người loan báo cũng như đưa con người vào một nền nếp, quy củ khi nghe thấy để thực hiện quy định. Hay ít nhất các dụng cụ đó giúp cộng đồng sáng tạo ra thứ văn hóa thể hiện ý chí của mình. Để những công cụ phát ra âm thanh ấy trở thành nhạc điệu thì ý niệm con người cần thoát ra ngoài công dụng loan báo của nó.

Giờ thì những nhạc cụ ấy chỉ còn trong những ngôi nhà rông, đình chùa, miếu hay các ngày lễ mang đậm chất văn hóa làng xã. Duy chỉ tiếng còi xe không phải là nhạc cụ nhưng được con người sử dụng nó một cách thường nhật và xem đó như một ngôn ngữ của đường phố.

Bạn thử chạy xe máy ra đường mà xem. Chỉ mới ra đầu ngõ, một khúc cua gấp đã nghe tiếng còi inh ỏi. Khi đó bạn sẽ gặp người quen, họ chào bạn bằng tiếng còi kèm theo cái gật đầu, cười nhẹ. Hay bạn đang chạy trên phố thông dong bỗng dừng ai đó “píp píp”, bạn ngoảnh mặt sang. Người đó không quen và bạn cũng vậy nhưng họ chỉ xuống dưới chân bạn, nơi có cái chân chống xe máy chưa gạt lên. Khi nhận ra thì bạn gạt đầu như cảm ơn lời nhắc nhở thông qua tiếng còi điệu nghệ!

Cũng có lúc bạn kẹt xe trong giờ tan tầm. Giữa nắng nóng, bụi bặm, mùi xăng dầu nghi ngút đặc quánh trong từng centimét khối không khí thì tiếng còi lại tít lên. Người sau tít còi cảnh báo người trước tránh ra hoặc nhanh lên. Cứ thế họ lại giống tiếng còi vô tội vạ, cứ tha hồ mà tít còi vì không mất tiền, chẳng ai buộc tội (vì đang kẹt xe). Lúc này đường phố như một sân khấu, các nhạc công trên tay ai cũng cùng một nhạc cụ

là chiếc còi. Người cầm chiếc dùi điều khiển trước mặt bạn không phải là vị nhạc trưởng mà là anh cảnh sát giao thông làm việc hết mình để giải tỏa sự tắc nghẽn. Một hỗn hợp âm khiến con người mệt mỏi lúc tan tầm càng thêm stress. Lúc này ai cũng cần thứ “âm nhạc” đơn giản của tâm hồn - đó là sự im lặng.

Có những người đang chạy trên đường, không chú ý ngại vật, không có ai để chào cũng bấm còi để thỏa cái ước muốn đang rộn ràng, xốn xang trong lòng.

Dân mình dùng còi là thế đó. Những gì không diễn đạt được bằng lời nói thì dùng tiếng còi để đối phó. Bởi thế có những cô cậu choai choai bị cảnh sát giao thông tóm gọn bởi dùng còi một cách vô tội vạ.

Cũng là chiếc còi xe máy nhưng người dân của nước bạn Lào lại sử dụng một cách dè dặt, văn minh hơn. Thành phố của họ xe cộ rất ít khi dùng còi. Bạn sẽ ngạc nhiên hoặc nghi ngờ về những chiếc xe đó bị hỏng còi? Nhưng không, xe máy cũng như ô tô họ nhường đường cho nhau. Đã nhường đường thì chẳng cần gì đến còi để nhắc nhở nhau. Có thể do đường phố họ rộng, xe ít? Cũng có thể họ xem tiếng còi như một lời “đối thoại” chẳng mang lại điều gì tốt đẹp cho nhau?

Nếu chiều nay bạn ra phố, thành phố vẫn y nguyên, chẳng có gì mới nhưng khi tiếng còi xe im bật, bạn lại tiếc, cảm thông hay vui mừng?

Lúc này bạn sẽ thấy có những thứ cần phải bỏ đi mà không tiếc.

CỎ VẪN LÊN XANH

Mưa biến các con đường thành những dòng sông nhỏ, cuốn trôi bao bụi bặm của phố xá. Những quán cà phê ven đường là chỗ trú mưa lý tưởng. Ngồi nhâm nhi thứ đồ uống mát để nghĩ về sự chua cay của thời cuộc quả là một thú vị trong lúc đợi mưa tan.

Chúng tôi lao nhanh vào quán để chạy trốn cơn mưa và tìm sự bình yên trong từng giọt cà phê tí tách đó. Phố vắng như chiều Ba mươi Tết. Trên vỉa hè ướt át những người nhỡ bước đứng trú mưa dưới những chiếc ô mà người bán bún vỉa hè nào đó bỏ lại để trốn mưa. Bất chợt hiện lên những màu áo xanh người lính. Vừa kịp nhận ra thì ông bạn bên cạnh bảo bữa nay thành phố này đông hơn bởi những người lính áo xanh. Họ tìm về chiến trường xưa để thắp hương cho đồng đội ngay chính trên mảnh đất họ đã chiến đấu.

Nhớ lại cách đây mấy năm cũng ngồi ở quán này cùng với một cựu binh. Dù đã lâu lắm rồi nhưng ông vẫn nhớ rất kỹ từng con đường nhỏ của thành phố này. Đó là lúc thành phố đang còn là một thị trấn nhỏ nằm bên sông Hiếu, ngay trên quốc lộ 1A. Người cựu binh chỉ chỗ này ngày xưa là lô cốt giặc đóng, chỗ kia là rào kẽm gai, kho vũ khí như mọi vật trong ngôi nhà của mình. Giờ chúng nằm ngay tại trung tâm thành phố, từng ngày xe cộ nườm nượp lướt qua nhưng ngày xưa để đi được một bước cũng phải đánh đổi nhiều thứ. Mới đó mà mấy chục năm rồi. Thời gian làm mất đi nhiều thứ. Ngay cả chiếc xe tăng hùng hậu kia, chứng tích chiến tranh cũng đã hoen gỉ huống hồ con người. Chỉ có cỏ lá vẫn xanh. Ông lão nói như thế với đôi mắt đầy hoài niệm.

Đúng rồi, cỏ lá vẫn xanh trên từng mép đường, chân ruộng. Một màu xanh ngăn ngắt, non tơ. Cỏ ở đâu cũng có, chiến tranh trải dài khắp

nước. Nhưng có phải cỏ xanh non tơ trong Thành cổ hay chiến trường Quảng Trị lại là một thứ khác, riêng biệt để mỗi người nhận diện?

Thế nên trong những ngày tháng Bảy, những người lính áo xanh tìm về Quảng Trị, về dòng sông Hãn, những nghĩa trang để tìm thấy mình trong từng luống cỏ xanh. Dường như dưới cỏ là một cuộc chiến đã đi vào quá vãng, trên trời mây trắng vẫn cứ bay đi.

Có phải giữa chiến tranh, hòa bình chỉ cách nhau một lớp cỏ? Dưới lớp cỏ của đất này vẫn còn nhiều vật nổ. Nó vẫn tiềm ẩn sự oan nghiệt khi chúng bới tung lớp cỏ để tự giải phóng mình. Dưới cỏ là trầm tích của đất. Lịch sử được viết nên bởi thứ trầm tích ấy để tạc nên những con người bằng xương bằng thịt dám hy sinh cho quê hương.

Nhấp ngum cà phê Khe Sanh thơm lừng. Một thương hiệu mới được hình thành giữa những thương hiệu cà phê đã thành công. Người ta biết đến Khe Sanh qua một cuộc chiến ác liệt, làm chấn động địa cầu để giờ đây khách trời Tây uống cà phê Khe Sanh để thấy những trầm tích của đất trong đó.

Từ một bình địa hoang tàn, cỏ đã lên xanh. Bởi thế có người bảo uống cà phê Khe Sanh ngửi được mùi thuốc súng. Chẳng bao giờ tin nhưng không thể không tin.

GIAN BẾP

Gian bếp là không gian gắn bó với người phụ nữ phương Đông, đến nỗi có những bà mẹ sắp gần đất xa trời cũng muốn lui tới nơi này. Chẳng làm gì được ở cái tuổi tri thiên mệnh đó nhưng vẫn lục tìm những hạt giống treo giàn khói từ thuở nào, giục con cháu lấy mà gieo trồng.

Chỉ cách nhau cái bậu cửa, điểm ngăn cách giữa nhà dưới và nhà trên. Nhà dưới gồm gian bếp, phía sau gắn với cái chuồng heo hay chuồng gà; phía trước có thêm cái ang nước sớm tối chảy róc rách. Cả quần thể ngôi nhà thì gian bếp được xem là trung tâm mọi hoạt động của người phụ nữ. Nơi này sáng sớm có tiếng gà gáy, tiếng đàn heo đói kêu inh ỏi, tiếng con gà nhảy ổ tìm chỗ đẻ trứng. Và sớm, trưa, tối bếp lửa lại rực lên. Khi thì lửa rơm, lá tre khói mù mịt, khi thì rực rỡ bởi loại củi được mót về trên rú.

Khi tiếng gà gáy sớm là mẹ bắt đầu dậy. Nhen ngọn lửa sớm đun nồi nước sôi pha trà, lá cho cả nhà. Sau đó là tiếng sột soạt của mẹ xúc gạo nấu cơm. Tiếng nước sôi sùng sục, mùi thơm gạo mới len lỏi lên cả nhà trên, hòa vào giấc mơ ngái ngủ khi mọi thành viên còn lại đang còn yên giấc. Lúc mặt trời ló rạng, bữa cơm sớm bùng lên. Cả nhà vây quanh nồi cơm bốc khói. Thế mà mẹ vẫn còn đâu đó dưới bếp hay sau hồi nhà. Nơi có bầy gà, đàn vịt, bầy heo đang đói. Đến khi mọi người ăn xong, người lên đồng, người đến trường, người lên phố, mâm cơm được đẩy lại dành cho mẹ. Mẹ lẳng lặng mang xuống gian bếp. Ăn vội. Vừa ăn vừa nghĩ phiên chợ sáng sẽ mua những gì, nhà còn thứ gì, trái bầu ngoài vườn đã cắt ăn được chưa... Mẹ lúc nào cũng lặng thầm, cần mẫn như thế dù cho cả trăm ngàn lần ba giận dữ, anh hùng hăng về sự trung thành với gian

bếp của mẹ.

Có những buổi đi làm về. Đến nhà là chạy ù xuống bếp. Những chiếc nồi được mẹ treo trên giàn bếp đầy khói ám. Lục tìm trong đó thứ gì có thể làm yên cái dạ dày kêu lục ục. Lúc đó ta thấy gian bếp khi vắng mẹ thật buồn. Cứ muốn khơi trong đống tro ấy chút lửa, bỏ vào đó một nhúm rơm cho khói bay cao. Có lửa rồi cho gian bếp đỡ buồn. Ít nhất giữa buổi chiều đỏ quạch hoàng hôn đó cũng có một đốm sáng trong gian bếp ấm mốc.

Thành phố nới rộng. Làng ven đô hẹp dần. Những chiếc ao tù đàn vịt biến mất, lũy tre cũng thế. Bộ mặt nông thôn chẳng còn thứ gì làm tín vật để xác nhận mình còn nông thôn, còn quê mùa.

Ngôi nhà ba gian kiểu chiếc bánh ít mất dần. Đất đai một phần bị thu hồi, phần còn lại đem bán xây nhà. Mái phố mọc lên, nhà san sát theo kiểu mặt tiền khoảng bảy mét. Ai giàu có thì được mười mét ngang. Đó là kiểu nhà ống ngọt ngào, bé tẹo như những hộp diêm. Dĩ nhiên vườn tược, giàn bầu, bí; chuồng heo, gà không còn. Những người dân quen đi chân đất, tối về chà hai bàn chân vào nhau cho bay cát rồi leo lên giường đánh một giấc đến sáng giờ phải tập sống kiểu thành thị.

Hình ảnh mẹ với gian bếp đầy khói ám không còn. Cái bậu cửa ngăn cách nhà trên nhà dưới không còn. Nhà trên là bộ xa lông chễm chệ, khách khứa, anh chị em có thể dựa ngả thoải mái thay thế những chiếc ghế đẩu khiến người ngồi phải khom lưng hồi xưa. Sự bình đẳng trong lối sống cũng là một bước ngoặt văn minh. Gian bếp không còn giống bầu, mướp, ngô treo xông khói nữa. Lửa rơm đi vào quá khứ thay vào đó là bếp gas đầy tiện nghi.

Cuối tuần về nhà, sáng sớm không còn nghe tiếng gà gáy nữa. Thay vào đó là tiếng xe máy nẹt pô ầm ĩ. Thế mà mẹ vẫn dậy rất sớm. Cứ quần quanh ở dưới bếp. Chắc mẹ nhớ cái bếp ám khói của hồi xưa.

CHIM HÓT CHO NGƯỜI TRỒNG RỪNG

Những đóm lửa lấp lánh từ bên kia núi kèm theo tiếng nổ lộp độp, giữa tiếng xe máy chát chúa của một ngôi làng vừa được đô thị hóa. Gió mang theo hơi nóng quất vào mặt người nghe ran rát, khô khốc mặc dù mặt trời đã tắt. Từ trên cành cao tiếng chim “bắt cô trói cột” cứ vang đều đều, kiên nhẫn. Một mùa đốt rẫy đã về.

Đi dọc đường Chín trong mùa khô này sẽ rất dễ nhìn thấy những quả đồi cháy sém, trụi trần như một vết thương giữa một mảng màu xanh của rừng, lá. Đó là nơi người ta vừa đốt rẫy để chờ mưa xuống mà gieo hạt.

Đoạn cuối của đường Chín ở đất Việt là thị trấn nằm ở thung lũng bên cạnh con sông Sê Pôn, bên kia là đất Lào. Thung lũng nắng gió này bao quanh là núi và đồi cao nên đến mùa đốt rẫy nơi này như một lòng chảo bị vây bởi lửa. Tập tục của người Vân Kiều, Pa Cô ở miền Tây Quảng Trị là du canh du cư. Để có những nương ngô, sắn nằm cheo leo trên đồi có độ dốc lớn họ phải đốt rẫy. Những bụi tàn là thứ phân bón tốt nhất mà họ khỏi cần bỏ tiền mua.

Việc đốt rẫy đã thưa dần nhưng rải rác vẫn có. Đó như một quán tính ngàn đời của người dân tộc thiểu số khi họ nghe tiếng chim “bắt cô trói cột”.

Tôi đã từng bị ám ảnh bởi tiếng hót của loài chim này. Những buổi sáng tinh mơ, khi mọi thứ đang còn im ắng thì tiếng chim cất lên. Dù buổi sáng nó thanh khiết nhưng tiếng chim vẫn làm cho người ta nghĩ đến một ngày nắng gắt, tàn tro và lửa.

Có những câu chuyện loanh quanh về tên gọi của loài chim này. Nào là chim “bắt cô trói cột” hay “năm trâu sáu cột”. Đó là giai thoại về một

cô chủ tham lam và một lực điền chất phác. Một bên khẳng định vì sao năm con trâu mà có đến sáu cái cột, như vậy phải mất một con. Còn bên kia khẳng định, muốn có một con trâu nữa ở cột thứ sáu thì phải bắt cô trói cột. Họ cãi nhau cho đến lúc cả hai hóa thành chim. Vào mùa hè, khi cái nóng oi ả và khắc nghiệt nhất, mỗi sáng sớm hay chiều buông họ vẫn “chửi” nhau. Tiếng chửi, tiếng khẳng định chính kiến của họ làm tiếng hót cho đời.

Tuy nhiên, với giai thoại trên về loài chim gắn liền với mùa đốt rẫy này tôi không thích cho lắm, bởi nó đi xa với rẫy, nương. Hồi mới lên vùng kinh tế mới Lao Bảo, dân cư thưa thớt nên khi nghe tiếng chim này kêu, dân đây rất sợ. Họ kể cho nghe có đứa trẻ hóa thành chim kêu vào mùa đốt rẫy. Họ kể rằng có một bà mẹ người Thượng ngày ngày lên rẫy phát cây, kiếm củi nuôi gia đình. Vào mùa hè, người mẹ để con trong a chối điệu ở sau lưng lên rẫy sau đó treo lên cây vừa trông con vừa làm việc. Những quả đồi bị vạt sạch bởi cây rựa thật bén. Nắng đã làm cho đám rẫy vừa phát vàng cháy, đối nghịch với vẻ tốt tươi của núi rừng. Cho đến một ngày cây lá khô, người mẹ vẫn treo a chối lên cây để làm việc. Người mẹ châm lửa đốt phần rẫy có những cây đã khô. Rừng cháy nghi ngút. Bà mẹ chợt nhớ tới đứa con treo trên cây thì cánh rừng đã trở thành biển lửa. Đứa con sau này đã hóa thành con chim. Cứ mỗi mùa đốt rẫy lại hót: “Con còn côi cột, ốt dốt chưa kìa” mà tiếng phương ngữ Quảng Trị là “Con còn côi côộc, ôốc dộc chưa tề” (con còn trên cột, xấu hổ chưa kìa). Cứ như vậy, hót đi hót lại cho đến lúc mùa mưa lũ đến, những quả đồi trụi kia sẽ lên xanh những ngô, sắn hay lúa.

Tục đốt rẫy, du canh đã được khép lại bởi những chính sách vận động chống phá rừng, ổn định cuộc sống của Nhà nước. Tuy nhiên, đâu đó vẫn còn có những đám khói bốc lên trên đồi cao kèm theo những tiếng nổ lớn. Một quần thể cây cối vừa bị xóa sổ, hệ sinh thái mới lại bắt đầu nhưng với một cấp số lùi (tức muốn đạt đến hệ sinh thái hiện tại lúc chưa đốt thì mất vài năm đến vài chục năm sau). Những hệ lụy như cháy

rừng, uy hiếp các loài vật, phát hại môi trường xảy ra sau ngọn lửa đốt rẫy bùng lên.

Tiếng chim “con còn côi cột” vẫn hót vào mùa hạ, gửi những thông điệp cho những người trong cuộc. Như anh bạn người thiểu số của tôi làm cán bộ xã đã thốt lên: “Nghe chim hót mà mình phải bật dậy. Như một dòng điện khiến mình chạy xuống cầu thang cầm rựa băng rừng. Tiếng chim làm những người như mình nhớ rừng lạ”.

“Chăm cây được rừng”. Bây giờ chim vẫn hót. Nhưng hót cho những người trồng rừng. Anh bảo thế.

MÙA TẠ ƠN

Khi mùa xuân về mang nắng ấm đẩy lùi những giá rét của mùa đông còn sót lại. Vẫn trên chiếc xe Min-kho già cỗi, ba lại chở cả nhà lên nghĩa trang liệt sĩ để thắp hương. Mẹ bảo: “Để có những mùa xuân hôm nay, rất nhiều người đã bỏ tuổi xuân trên đất này”.

Quê tôi được lịch sử mệnh danh là vùng đất thép, nên được cả nước biết đến là vùng đất của những nghĩa trang. Làng tôi nằm bên dòng sông Thạch Hãn, nơi này cũng là một nơi mà người ta từng ví: Nghĩa trang trên sông. Thế nên cứ mỗi độ vào xuân, trước những ngày giáp tết, cả làng thường tập trung học trò, người lớn để quét dọn, làm vệ sinh và thắp hương. Tôi đã chứng kiến những ngày tết trong hương trầm, hoa tươi của ba mẹ trầm mặc, kính cẩn trước những ngôi mộ có tên và không tên.

Năm nào mẹ cũng cắt lá chuối sau vườn để gói bánh chưng chuẩn bị ngày tết, ba chẻ lạt, cắt tỉa hàng dâm bụt... Công việc gói bánh năm nào ba cũng làm và có một việc không thể quên là ba luôn nhắc mẹ lấy thêm nếp để gói thêm vài chiếc bánh để cả nhà đầu năm đi thắp hương và cúng cho các liệt sĩ.

Ngày đầu năm khi cả nhà đã đi thăm, chúc tết xong. Sáng mùng 2, ba thức cả nhà dậy sớm chuẩn bị mọi thứ để lên đường. Trên chiếc xe trông như con ngựa sắt, ba đưa chúng tôi qua cánh đồng đầy mạ non, đi thêm một đoạn đường nhựa là đến nghĩa trang. Giữa một sáng mùa xuân ấm áp, ba đặt lên khu bàn thờ ở đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ nào là bánh chưng, mứt gừng, bánh thuẫn và những nhành cúc trắng rồi trầm mặc trước những ngôi mộ. Giữa khói hương uy nghi của những thân nhân liệt sĩ đi trước đã thắp, tôi cảm nhận về mùa xuân thật ý

nghĩa, thiêng liêng như đầu đó trong không gian, những cái xoa đầu, bắt tay và cười nói của ai đó với mình, chợt rùng mình nín lấy áo mẹ!

Ba bảo ngày xưa ba đã từng cầm súng, quanh năm bám rừng, giữ đất. Có lúc mùa xuân về từ khi nào mà không hay, chỉ khi giật mình bắt gặp một cành mai rừng vàng rực hay hoa mận trắng xoá trên cây mới biết xuân đã về. Trong khi những đồng đội khác bỏ “mùa xuân” ở lại đầu đó trong những cánh rừng già hay bên triền sông, thì ba may mắn được trở về, nhìn những chồi non nhú lên giữa những hố bom sâu hoắm mà lòng tạ ơn những người đã ngã xuống. Vì thế nên ba thường bảo: “Con hãy nhớ tuổi xuân của những người nằm xuống mà có những mùa xuân yên bình hôm nay”. Tôi đã đi theo ba mẹ thắp hương ở nhiều nghĩa trang trong huyện mỗi lần tết về. Mỗi lần thắp đều có một cảm giác hạnh phúc, ấm áp và biết ơn khác nhau nhưng sau mỗi lần như thế, thấy mình lớn hơn, vị tha hơn.

Có thể mùa xuân đi qua mang theo những thay đổi trong mỗi con người, nhưng tôi sẽ giữ mãi những phút thiêng liêng bên những ngôi mộ mỗi dịp xuân về.

“Mùa xuân là mùa của hạnh phúc và tạ ơn” - mẹ bảo như thế khi nghiêng mình kính cẩn trước một ngôi mộ vô danh.

VỀ BÊN CĂN NHÀ XƯA

Từ Lao Bảo có thể bắt xe khách về đến đầu làng Dương - nơi chôn nhau cắt rốn của tôi chừng hai giờ đồng hồ. Nhưng hôm rồi tôi lại cho xe xuống Đông Hà, từ bến đò nằm bên chợ theo chuyển đò dọc cũng có thể về làng. Đi thuyền lâu hơn nhưng bù lại giữa dọc đường sông nước ấy, tôi lại bắt gặp mình trong những ngày còn thơ, khi còn theo mẹ đem khoai sắn lên chợ tỉnh bán. Từ bến đò nằm bên khu chợ nghèo theo con đường cái quan đến nhà tôi không xa. Ngôi nhà chẳng còn chút hơi ấm của người ở nên quạnh vắng đến thê lương.

Về bên mái nhà xưa để nghe tiếng cọ kẹ của hàng tre sau nương; nghe tiếng của ngư phủ bủa lưới rập (buông lưới sau đó gõ vào mạn thuyền kêu lập cập cho cá chạy mắc lưới). Hay nghe trái chín rụng sau vườn như trong đôi câu thơ mình làm từ thời sinh viên: “Về với mẹ để nghe những lời ru/ Nghe trái chín vườn sau nhiều đợt rụng”. Dường như ở nhà mình, ngay chính trên quê hương mình mới cảm nhận được những trái chín rơi lộp độp để chờ một ngày nảy mầm xanh.

Căn nhà ngày xưa làm bằng tre. Mái tranh đã ngả màu. Xung quanh là tre đan vây kín. Ngày đó mới bé tẹo mà tôi cũng có công trong việc xây căn nhà tranh này bằng việc đi nhặt phân trâu, bò. Tôi thường men theo con đường làng từ trước nhà lên đến cánh đồng để nhặt phân trâu. Bởi con đường này là “đại lộ” dành cho trâu bò lên đồng cày, bừa và ăn cỏ nên nó cũng là nơi tôi nhặt được nhiều phân nhất. Phân trâu đem về trộn với bùn, nhào nặn lên thật sánh rồi trét vào những khe hở của bức tường đan tre. Bức tường chỉ đơn giản vậy thôi mà che mưa che gió cho bao thế hệ. Cứ lúc nào cũ kỹ, hỏng nát thì chặt tre ngoài vườn vào đan, đất ngoài nương, phân giữa đường chẳng tốn đồng nào. Từ bức tường

này tôi đã biết viết những con số đầu tiên trong năm vào lớp một. Những con số cong queo, ngoằn ngoèo được viết bằng than củi. Ngoài ra bức tường còn là nơi lưu dấu những hình họa theo trường phái trừu tượng mà một phút ngẫu hứng tôi đã vẽ lên. mấy thằng bạn tới chơi nó bảo giống ổ rơm. Mà ổ rơm thì cần có con trâu hay cái cày bên cạnh. Thế là chúng nó thi nhau vẽ con trâu, cái cày. Nhìn đi nhìn lại, có suy nghĩ xem có giống con trâu không mà vẫn không thể giống được. Cả đám ôm nhau cười. Đó là những bức họa và nét chữ giờ vẫn còn in dấu trên bức tường nằm phía sau hè nhà.

Tôi nhớ mẹ kể rằng hồi chiến tranh, ông nội tôi ra trận, bà nội ở nhà một mình với đàn con nheo nhóc. Từng đêm hàng xóm nghe tiếng thút thít nhớ chồng của bà nội. Trong căn buồng nhỏ bé, những vạch vôi trắng cứ kẻ thật đều: 1 gạch, 2 gạch... từ trên xuống dưới. Hết chỗ gạch thì chuyển sang hàng khác. Nội tôi đã gạch những đường vôi trắng như thế trên tường để đợi ông nội tôi. Mẹ bảo mỗi gạch là một tháng. Bà nội gạch hết bức tường trong buồng mà ông nội vẫn chưa về...

Căn nhà của nội đã không còn. Giặc ném bom cháy cả nhà. Bố lớn lên đi đâu cũng kể cho bạn bè nghe về những gạch vôi trắng của bà nội, như thể một minh chứng cho sự đợi chờ, thủy chung của người phụ nữ Quảng Trị. Sau này nhà cháy, chẳng tiếc gì cả mà mấy chú, mấy bác cứ tiếc cái bức tường gạch vôi của bà nội.

Tôi thường về lại căn nhà xưa để tìm chút yên tĩnh. Đi quanh khu vườn đầy cỏ, ra giếng nước múc một gàu rửa mặt... Hay vào ngồi lên chiếc võng đong đưa. Cố nghe thật khẽ tiếng trái ổi, trái mít chín rụng.

Nhưng mẹ đã không còn. Tự nhiên thềm nghe tiếng mẹ gọi với từ ngoài nương vào: “Sơn ơi, coi cơm kéo khô nghe con”.

Ngó xuống nhà dưới. Bếp lửa nguội tàn.

NIỆM KHÚC HOA XOAN

Những cơn mưa giông đầu tiên của năm xóa tan cái tiết trời oi bức. Sau cơn mưa, bầu trời như được nhuộm lại, mới hơn và trong trẻo.

Dạo này trời thơm bởi một thứ hoa. Loài hoa này bạn bè tôi thường gọi là hoa của trời. Chính cái nét bình dị, tinh thơm và được trồng, mọc khắp nơi như cỏ nên người ta gọi cây sầu đông là cây của trời. Bạn mình bảo cái tên nghe kiêu quá: sầu đông. Còn người dân Quảng Trị (hay người miền Trung) thì gọi là cây sầu đâu (hay thu đâu). Cây thì gọi thế nhưng hoa thì nên gọi là hoa xoan mới đúng với cái vẻ quê mùa của loài hoa này. Người ta ví nó là hoa của nhà nông cũng phải.

Dạo còn học ở Huế, mỗi độ tháng ba đi qua cầu Trường Tiền hay cầu Phú Xuân, ngó xuống dưới chân cầu ở bờ bắc hay bờ nam là thấy hoa. Đó là một khoảng không gian tím tím giữa những chồi non đang nhú lên biêng biếc. Lúc này đạp xe đạp mình thường dừng lại, tựa hít vào thật sâu cho đầy lòng ngực, như tiếc cái làn hương ngậy ngất ấy hòa tan vô ưu giữa đất trời. Thế nào mình cũng chép miệng nói với đứa bạn đi bên cạnh: Nhớ nhà quá mi ơi. Ở quê xoan cũng đương độ khai hoa...

Thành phố ít trồng sầu đông, ở Huế tựa như nào còn sót lại những cây cổ thụ nằm sát bờ sông Hương, còn lại xoan nằm trong vườn nhà dân đếm trên đầu ngón tay. Ở quê người ta trồng xoan ở hàng rào. Nhà nhà đều trồng thứ cây này. Những con đường liên thôn trồng duy chỉ hoa xoan. Đến mùa ra hoa, mùi thơm ngất cả vùng trời, đâu đâu cũng chỉ mùi xoan. Đời này qua đời khác, những cây già cỗi chết hay bị bão đổ sẽ có cây con khác thay thế như những lớp người sinh ra, lớn lên đi khỏi làng, dù năm châu bốn bể rồi cũng quay về ngủ vùi trong lòng đất của làng như một quy luật lá rụng về cội.

Cứ đến mùa xoan nở thể nào trời cũng lún phún mưa. Sau mưa là những ngày dài oi ả, báo hiệu một mùa hè rực lửa và hoa xoan cũng kết trái. Chỉ cần đến tháng 5, khi lũ học trò bắt đầu nghỉ hè là trái đủ vừa to cho bọn trẻ hái xuống chơi nhau. Hái trái xoan để làm đồ chơi là cách mà bọn trẻ ở nhà nông thường làm. Chỉ cần một nhánh xoan nho nhỏ đủ để vài đứa chơi ô quan.

Sau này dù ở ngay chính ngôi nhà của mình. Giật mình khi ngửi thấy mùi hoa xoan. Ngạc nhiên một tiếng rồi thấy mình buồn buồn. Quay qua một ai đó đang ở cạnh mình, bảo: Mỗi lần ngửi thứ hoa này là nhớ nhà. Người đó sẽ sờ vào đầu mình, quát: Mi bị sốt cao à, đang ở nhà mà bảo nhớ nhà... Hoa xoan làm mình nhớ vụ vợ. Những hình ảnh từ thuở nào lại đưa ra dò xét, mừng tượng, dù chính ở trong ngôi nhà của mình mà bảo nhớ nhà như ai đó ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên vậy.

Đôi lúc giật mình nếu không có chút hương xoan ấy, liệu trong cuộc sống áo cơm ngày thường mình có phút nhớ nhà “lãng xẹt” ấy không? Rồi lại giật mình một ngày nào đó, con đường làng sạch bóng cây xoan, rồi hương xoan sẽ còn đọng trong ký ức?

Giờ về quê, đường làng cây xoan thưa dần. Người ta đồn hạ để làm ván, hay dùng làm phào trần nhà vì tính ưu việt của loài gỗ đẳng mà một cũng phải chê này. Bởi lẽ ngày xưa nhà tranh, vách đất trồng xoan chỉ để có cái bóng, hưởng chút hương chứ chưa ai nghĩ đến một ngày gỗ xoan được người thành thị về mua với giá cao. Cơn gió thị trường, đô thị hóa đã làm thay đổi nhiều thứ. Hoa xoan cũng không phù hợp “làm dáng” bên con đường làng vừa được bê tông hóa nữa rồi. Tự nó trút bỏ hết sứ mệnh.

Mai này tìm hoa xoan ở đâu nhỉ. Chợt buồn bởi một làn hương xưa.

DẤU XUA

Những khi buồn chán, người ta thường tìm lại dấu cũ - người đời quen gọi là kỷ niệm. Nó như một chỗ dựa lúc chông chênh.

Hồi còn bé, tôi theo mẹ gánh gạo đường xa. Hai mẹ con đi qua đồi cát trắng. Đằng sau là vệt dấu chân dài hun hút đến cuối trời. Dấu to là mẹ, dấu bé là con. Sáng hôm sau vẫn trên lối cát ấy nhưng những dấu chân không còn. Lúc đó tôi ao ước có thứ gì như chiếc máy ảnh để lưu giữ những hình ảnh đáng yêu đó. Khi có được máy ảnh thì thứ muốn giữ lại không còn. Những dấu chân trên cát giờ đây thật xa lạ, dù đó là của mình.

Tôi thường đợi mẹ đi chợ về sau giấc ngủ chiều. Ngủ ngon, trở mình thấy mẹ không ở bên cạnh thì ngồi khóc. Những phiến đá xanh rêu dưới gốc mít già. Chiều chiều ra đấy, ngồi khóc rồi nín thính, đợi mẹ. Chiều nào cũng thế, khi chiếc nón lá của mẹ nhấp nhô trên con đường gần ngõ là chạy ào ra ôm mẹ để tìm quà. Phiến đá ong vẫn xanh ngắt rêu, nhưng cái chỗ ngồi bị mài nhẵn, soi vào đó tìm thấy cả những buổi chiều xưa. Sau này lớn lên, đi xa, mỗi lần nhớ nhà là nhớ cái bậc thềm đầy rêu và dấu ngồi trên phiến đá. Đó là dấu tích của tâm hồn tuổi thơ và là một “di tích” của tuổi trẻ, dù ở tận chân trời cuối đất vẫn cứ nhớ.

Mỗi con người có những dấu cũ, thời gian không thể xóa nhòa. Có những kỷ niệm mang hình bóng của cá nhân nhưng cũng có không ít hình ảnh chứa đựng bóng dáng một thời đại, một thế hệ hoặc lớp người.

Tôi đã từng khóc khi thấy vết chai sẹo trên vai chị tôi. Cái dấu tích không thể quên về một thời chị gánh hàng rong từ quê lên phố ròng rã mấy năm trời nuôi em ăn học. Giờ lớn lắm rồi nhưng mỗi lần gặp chị tôi đều nhắc đến vết sẹo ấy, nó sâu đậm nghĩa tình ruột thịt.

Tôi từng bị ám ảnh bởi cái dấu ngòi của nhà văn Trần Dần. Bàn bè thường gặp ông ngòi dựa tường, nhìn xa xăm, suốt 30 năm. Giữa mảng tường vàng ố còn hằn lại dấu hình chiếc lưng của nhà văn già tài hoa, lặn đạn. Đó cũng là dấu ngòi không chỉ của một số phận mà của một thời.

Ở quê tôi có những “dấu tích” của người xưa mãi đi vào lịch sử. Người dân Quảng Trị và miền trong ghi nhớ Nguyễn Hoàng thời mở cõi qua những cái tên Trà Liên, Trà Bát... nhớ công ơn của Nguyễn Khoa Đăng qua tên truông Nhà Hồ, phá Tam Giang. Dấu vết để lại của vĩ nhân chưa hẳn chỉ là chức tước. Điều làm người đời sau trân trọng, ghi nhớ trước hết là họ đã để lại công lao gì cho nước cho dân.

MÙI HƯƠNG

Đôi lúc đi trên phố bắt gặp một mùi hương quen quen. Cứ tiếp tục đi nhưng mình như trở thành một gã vô hồn vì cố lục lại trong trí nhớ cái mùi hương ấy mình đã gặp từ đâu...

Cho dù cố nhớ vẫn cũng không thể hình dung cái mùi thơm đã đi qua đời mình, đã để lại một vết sẹo để rồi khi bắt gặp nó như vỡ òa, như ngỡ gặp lại người quen cũ. Đêm đến, gác tay lên trán mà suy tư, cũng chỉ là một mùi hương thôi sao khiến một con người phải lao tâm khổ tứ đến vậy? Ngó có vậy nhưng không phải vậy, đôi lúc cái mùi hương rất lạ và quen ấy có một vùng kỷ niệm nào đó trong đời đã ngự trị. Trong giấc mơ, mình chợt đi giữa cái mùi hương ấy, cuộc sống tuổi thơ lại ùa về, những đường nét của quá khứ như được tạc lại dưới nhát dao của người thợ lành nghề. Và chất xúc tác là một mùi hương như mơ như thực đó. Chính xác là nó!

Cạnh hẻm mình ở có anh bán thịt quay béo ú. Có lẽ quanh năm suốt tháng ngửi từ sáng đến tối cái mùi mỡ, lại bị ám khói dầu nên thân thể tròn như cái trống. Có người đùa khi “về hưu” anh chàng này không bao giờ ăn thịt quay nữa, vì ngửi mùi thịt là ớn lên tận cổ rồi! Hồi bé lần đầu tiên lên phố, xe cộ đông vui, cái mũi mình cứ thèm được ngửi mùi khói ống pô.

Hôm qua khiêu vũ, mùi nước hoa đắt tiền trên áo nàng cứ vây bủa lấy mình, cái mùi thơm dễ chịu đó cứ ám ảnh mình cho đến lúc về nhà, đến khi chìm vào giấc ngủ và sáng sớm hôm sau thức dậy, mừng tượng lại giấc mơ đêm qua, chợt thẹn thùng khi mình đã đồng lõa với mùi hương rồi mỉm cười đã có những phút giây hoan lạc!

Cái mùi khói cay xè mắt mà mẹ và bà thường đốt bếp ở quê mà tuổi

thơ cứ thường trực trong mình. Căn nhà bếp với hàng trăm sợi lạt đen sì vì khói ám, đôi lúc nó len lỏi lên tận nhà trên để làm cho chiếc màn vàng ố, mọi thứ ở quê dường như được nhuộm bởi một thứ là khói rơm. Khói rơm khô khốc, trong đó như có mùi đắng chát của mồ hôi người làm đồng một nắng hai sương. Đó không phải là một mùi hương nhưng những đứa trẻ đã đi qua tuổi thơ với những tháng ngày đồng áng, chắc có lẽ đã nghiệm nhiên coi nó như một “mùi thơm” không thể nào quên được. Rồi xa quê, lên phố học hành, thành đạt và trăm nỗi lo toan của cuộc sống, ít khi về quê nhưng mỗi mùa đốt đồng giữa trời nóng nực, lửa rơm từ ngoại ô thổi về thành phố như mang theo một mùi quen thuộc. Cho dù cố bỏ đi lớp áo nhà nông để làm người thành thị đích thực, khó mà chối bỏ được cái mùi rơm rạ cháy bùng bùng từ phương xa đưa lại. Vứt bỏ nó như bỏ lại một phần của tuổi thơ.

Có thằng bạn tha hương từ thời sinh viên, giờ đã con đàn cháu đống. Có khi gọi điện thoại từ trời Tây để trầm trồ tâm sự là nhớ mùi rơm. Nghe có vẻ không tin cho lắm, hết mùi để nhớ sao lại nhớ mùi rơm? Nhưng khi cúp máy lại thương cho nó bởi lâu lắm rồi nó không về đi trên con đường làng trải đầy rơm mỗi mùa gặt xong.

Mỗi mùi hương gắn với một kỷ niệm. Mình không ngồi nhớ lại những gì đã qua, đã trải nghiệm bằng những phút chau mày nhăn trán nhưng có thể ngồi nhớ lại một góc khuất nào đó trong tâm hồn qua mỗi mùi hương.

NƯỚC LŨ RÚT RỒI MẸ NGỒI KHÓC

Từ tầng hai trường tiểu học nhìn về, mẹ quệt nước mắt và nói: “Mất hết rồi con ơi, rồi đây lấy cái gì mà đủ ngày hai bữa?”. Tôi nhìn dòng nước trôi mà lòng chùng xuống. Nỗi đau này có gì lạ đối với dân miền Trung!

Mẹ về nhà, dáng đi thất thểu, xiêu vẹo như người mất hồn. Nước rút rồi, nắng đã ấm lên nhưng lòng người như tím tái. Mẹ chạy xộc vào nhà lòi từng bao lúa ướt sũng ra sân: “Gắng phơi để còn hạt mà ăn con ạ”. Bàn tay mẹ nhăn nheo, đôi mắt thâm quầng.

Cuộc sống áo cơm ngày thường cũng đã làm nên bao cơ cực, nay cơn vùn vù của đất trời càng làm đôi vai mẹ nặng thêm. Tôi pha gói mì tôm bằng bát nước ít ỏi xã vừa cứu trợ: “Gắng ăn đi mẹ, hai ngày nhai mì sống rồi còn gì”. “Ăn uống gì con, thứ gì cũng mặn đắng, kể cả nước mắt”.

Tôi nhớ đến những mùa lụt xa xưa, khi ba còn sống. Mỗi lần nước bắt đầu dâng lên là tôi được ba cho ngồi trên vai và di tản bằng cách đi bộ đến trú ngụ ở nơi cao hơn. Năm nào cũng có một vài lần chạy lụt như vậy. Ở xứ Quảng nếu năm nào không lụt, đó là điều ngạc nhiên đối với người dân. Bởi vậy nên mẹ tôi thường hay cất trữ thức ăn như cá khô, mắm thính hay bầu phơi khô. Cứ mỗi lần nước ngoài sông dâng lên là cả nhà dìu dắt nhau lên cái gác nằm sát nóc nhà. Cái gác này tôi đã hơn 10 lần trú ngụ, nhai gạo sống trên đó. Cái gác này chỉ dùng cho những năm lụt nhỏ thôi, chứ như cơn đại hồng thủy năm nay thì không thể ở trên đó khi nước lấp xấp nóc nhà.

Bởi vậy ba tôi thường nhìn con nước, thấy không ổn là chuẩn bị thuyền để “di cư”. Tôi đã từng nhìn bầu trời với mưa giăng, gió bão qua những viên ngói ba dỡ ra, vẫy tay ra hiệu gọi thuyền cứu hộ phát lương

khô hay mì tôm. Nếu có một khung trời kỷ niệm trong những mùa lụt của tuổi thơ, có lẽ nhìn bầu trời qua những lỗ ngói là ký ức không thể nào phai nhạt. Những lúc đó, tôi thường nghĩ về vùng núi cao, nơi nước không thể nào dâng tới được. Có lẽ ở đó, người ta sẽ chẳng biết lụt là gì. Thế mà giờ đây tôi đã vỡ lẽ khi biết người miền núi cũng dìu dắt nhau trốn vào hang động như thời thượng cổ. Cũng chính ở trên cái gác trốn lụt này, tôi biết thế nào là sự thịnh nộ của thiên nhiên và cũng biết rằng mỗi hạt gạo của người nhà nông không chỉ có mồ hôi mà còn có cả nước mắt. Bão, lũ quét, nắng hạn cứ thay nhau “cày cấy” trên lưng người nông dân mà chẳng bao giờ có một mùa bội thu của đất trời.

Ba tôi thường nói, ngày xưa dân ta giỏi đánh giặc vì... đất nước hay có giặc. Bởi thế nên có câu “giặc năm nay... dễ đánh”. Giờ thì người người hay bảo: “Lụt năm nay cũng thường”. Nói vậy nhưng ai cũng khóc vì nó, nói để mà nghe, để mà thấy cái “bình thường” của lụt, không năm nào không đến, không năm nào trốn thoát. Đó cũng là thể hiện bản lĩnh của người miền Trung trong việc đối chọi với thiên nhiên, sự gan lì, chai sạn của những cái đã là hiển nhiên khi sống trên dải đất hẹp, cái eo của hình chữ S gánh hai đầu Bắc - Nam.

Khi nước đã rút, đói khát rồi cũng thế, vẫn dìu dắt nhau qua ngày khốn khó. Rồi ruộng vẫn cứ cày, cá vẫn cứ thả; lúa vẫn mọc, hoa màu vẫn xanh tươi đầy thôi.

CÒN ĐÓ MỘT TIẾNG RAO

“**A**i xôi bắp không, xôi bắp không...” - tiếng rao ấy ngân lên trong tiềm thức của tôi từ khi bước chân vào lớp một.

Trong con hẻm nằm khuất yên ắng giữa lòng phố xá, từng ngày tiếng rao thân thuộc vẫn vang lên, mỗi sáng sớm và những đêm khuya. Bốn mùa như một, khi tiếng rao vang lên ở con hẻm đang yên ắng ngủ thì đồng hồ cũng vừa reo năm giờ sáng.

Những công nhân ở xóm trọ hé cửa nhận lấy gói xôi, ăn vội để làm ca sớm. Học sinh, sinh viên cũng ăn xôi bắp như một món ngon không thể thiếu. Tiếng rao như một phần cuộc sống vốn lặng lẽ của chúng tôi.

Để có mặt sớm trong con hẻm, chị hàng xôi phải dậy khi gà gáy tiếng đầu tiên để chuẩn bị mọi thứ, đi một quãng đường bộ khá dài từ ngoại ô đến xóm. Có những người ở đây xem chị là người “trung chuyển” hương vị đồng quê lên phố.

Chị vẫn cần mẫn đi giữa cuộc đời nắng mưa để kiếm từng đồng còm côi nuôi con. Những đứa con của chị ở dưới quê thi thoảng cũng tranh thủ thời gian lên phố phụ mẹ bằng cách bán khoai lang, đậu phộng luộc, nhưng năn nỉ lắm chị mới cho theo. Chị bảo: “Không muốn đứa con nào khổ cả, chỉ một mình khổ là đủ lắm rồi, làm sao cho con cái tập trung vào học tập”. Thương cho một tấm lòng của người mẹ!

Trong tâm hồn nhạy cảm của cái tuổi đang thì con gái, nhiều đêm tôi đợi chờ một tiếng rao trong con hẻm như đợi chờ một khoảnh khắc bình yên, thân thiết. Để rồi một ngày tiếng rao ấy im bật, sáng dậy sớm vừa không có xôi ăn vừa thấy thiếu thiếu thứ gì.

Nghiệm lại mới biết tiếng rao của chị hàng xôi như món ăn tinh thần không thể thiếu. Hỏi ra mới biết chị đi bệnh viện một tuần liền nên

không bán.

Nhiều ngày sau, nghe mấy người hàng xóm bảo chị bị ung thư giai đoạn cuối đang nằm viện, lòng buồn như vừa mất đi một thứ gì rất gần gũi. Cả xóm buồn buồn nghĩ về người đàn bà thân thiện trong con hẻm. Đường như còn đó một tiếng rao.

MỖI CON ĐƯỜNG GÓP MỘT CHÚT HƯƠNG XUÂN

Đường phố cuối năm dường như vội vã hơn, những con hẻm chật cứng, vỉa hè như nêm thêm người. Tất cả đang chạy đua với thời khắc của những ngày cuối năm.

Tôi ở Huế hơn bốn năm, con đường đi qua trường đại học tôi đang theo học thường tràn ngập hoa. Những chậu hoa treo lủng lẳng trên chiếc xe ba gác, cứ thế đẩy đi từ đầu đường đến cuối đường, từ con đường này qua con đường nọ như chở một niềm vui mới chờ khách hàng đến đón nhận. Hoa bao giờ cũng trinh nguyên, thắm thiết, chỉ có những con người quanh năm lam lũ trồng, vun vén cho nó cứ già đi theo những mùa xuân mới.

Buổi học cuối làm nhiều đứa chạnh lòng. Ừ thì chia tay nửa tháng mười ngày gì đó. Ai về quê đó, thành phố sẽ vắng đi những bước chân khi giao thừa. Tôi thường đạp xe thông thả trong ngày cuối năm để ngắm phố phường trước khi bắt xe khách chật như nêm về quê ăn tết. Cái cảm giác đi dưới hàng cây, tiết trời mùa xuân thật thú vị.

Ông già chủ xóm trọ về hưu từ hồi nào, quanh năm chỉ chăm sóc mớ cây cảnh và vài ba con chó. Những ngày cuối năm, ông quét lại hàng rào bằng vôi trắng toát, vun lại khóm tường vi đang ra sức trổ bông. Những gốc trà my đang nhả hương cũng được cắt vén lại bằng bàn tay của người làm vườn bán chuyên nghiệp.

“Sao không để mấy anh, chị quét mà bác quét làm gì?”, tôi hỏi. Ông cụ bảo: “Mỗi năm chỉ quét một lần vào dịp tết. Tôi thích nhất là cắt, tỉa hàng chè tàu và quét vôi tường rào. Nhưng việc cắt tỉa thì làm thường xuyên. Riêng cái vụ quét vôi sơn tường này thì mỗi năm chỉ có một,

không ai thay thế được. Quét vôi - làm mới như một ý niệm về mùa xuân - thay mới. Làm việc này có cảm giác như mình mặc cái áo mới vậy chú ạ”.

Cả thành phố thay áo như cái nghĩa ông già bảo. Công viên đầy hoa, cỏ xanh được xén thẳng băng, những bức tường rào trắng mới đang đứng như công dân thành phố bận áo sơ mi giữa một mảng màu xanh là cỏ.

Thằng bạn tôi ở làng hoa giấy Thanh Tiên. Cứ đến độ này là nó đạp xe chở hoa giấy lên phố. Dù hoa thật khoe sắc ở mọi nẻo đường nhưng hoa giấy vẫn có chỗ đứng. Nó bảo hoa giấy dành cho người nghèo vì hoa thật đắt tiền. Cứ đến độ tết dương là làng hoa giấy này bắt đầu vào vụ, dĩ nhiên mọi vật tư như tre, giấy được chuẩn bị cả năm trời. Những buổi sáng sương giăng mờ, con đường từ phố cổ Bao Vinh chợt hiện lên sắc sỡ bởi những chiếc xe chở hoa giấy. Từ con đường này hoa sẽ “len lỏi” vào từng nóc nhà, từng mái ấm rồi được đặt trang trọng lên bàn thờ tổ tiên như góp chút hơi ấm, chút sắc xuân làm nên một cái tết cổ truyền. Cũng như hoa giấy, những làng nghề truyền thống khác như làng nghề bánh chưng, làng nghề nem chả, làng nghề mút gừng từ ngoại ô thành phố dồn về, mỗi nơi góp một chút làm nên một ngày vui nông ẩm.

Không sao quên những đứa trẻ ở tận vùng cao tùm năm tùm ba ngời nép bên đường chờ bán những nhành phong lan, những búp măng non hay những bông bắp chuối đỏ tươi. Hoa hái trên rừng, bắp chuối cũng hái trên rừng. Người hỏi thì nhiều mà người mua thì ít. Chúng bảo: “mua cho cháu để có tiền đi sắm cái áo tết”. Nhìn áo quần nhếch nhác lại thấy mũi lòng. Thôi thì mua. Mua để góp một niềm vui vào cái niềm vui chung của đất trời. Cái bắp chuối màu đỏ thắm tôi tặng ông già chủ trọ. Ông bảo đẹp thế này ăn phí lắm, đem đặt vào cái chậu chưng cho đẹp.

Không biết ông già năm nay còn sơn tường rào bằng vôi trắng hay không? Hoa giấy có còn thịnh hành, những bông chuối rừng của bọn trẻ giờ còn bán? Hoa vẫn thắm, cỏ vẫn xanh nhưng người thì xa xăm...

NƠI ẤY CÓ CÁNH ĐỒNG THƠM RƠM

Nếu ai hỏi trong những mùi hương tôi thích mùi gì? Tôi sẽ trả lời không đắn đo là mùi... rơm.

Quê tôi nằm trên một cù lao bao bọc bởi hai dòng sông, hai dòng sông mang trong mình văn hóa và lịch sử: sông Thạch Hãn và sông Hiếu. Nghề làm nông ở đâu cũng có những nỗi vất vả, cơ cực khác nhau mà cơ cực để đủ ăn, đủ mặc thì chẳng nói làm chi, còn quê tôi luôn thiếu đói vì ruộng chỉ làm được một vụ, đến mùa nước lụt không làm gì được, ruộng chuyển qua trồng rau, đậu, cà...

Trong ký ức tuổi thơ của một đứa trẻ, nhà tôi ở cuối làng, nằm sát bên cánh đồng, trước mặt là dòng sông trong xanh. Tôi thường được mẹ đưa đi đồng, cánh đồng lúa chín vàng thơm sữa đến kỳ lạ, men theo bờ đê cỏ xanh rì còn đầm ướt giọt sương đêm, tôi thả dép đi chân, bàn chân mát rượi, gió từ ngoài sông thổi vào tạo nên những lớp sóng lúa trên cánh đồng.

Mẹ bảo: “Hạt lúa chắc thì quả trĩu xuống, hạt lúa lép thì ngẩng lên trời”, tôi mong sao cả cánh đồng lúa đều trĩu xuống. Còn bà tôi thường bảo hạt lúa phải một nắng hai sương, từ gieo cấy đến trở bông, gặt rồi phơi là một quá trình đầy mồ hôi và nước mắt.

Nước mắt của bà con nhà nông là khi lúa chín vàng trên đồng, bội thu mà chưa kịp gặt, nước về ngập úng dài ngày, hạt nảy mầm, hạt theo nước cuốn đi; là lúc hạt lúa đã đưa về nhà, lút cao nước dâng, không có chỗ cất giữ cũng bị ướt... Nói chung có trăm ngàn thứ khổ mà tạo hóa đã cày xới trên lưng người nông dân.

Cho nên mỗi lúc ăn cơm khi tôi vụng về để rơi vương vãi, mẹ thường nhặt lên để cho mèo, chó chứ không được bỏ đi. Còn bà mỗi lần dỗ em

tôi ngủ thường ru: *"Ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần"*.

Nghe bà kể ba mẹ lấy nhau cũng nhờ những lần đi tát nước, đi làm cỏ dại. Khi đất nước thống nhất ba trở về quê, ruộng đồng bị bom đạn cày xới, cái đói cái khổ ập đến từng nhà nhưng ai cũng phấn khởi ra sức sản xuất vì đã chiến thắng kẻ thù!

Cũng như những người dân trong làng, tay ba vẫn cày, cuốc thật dẻo sau những năm cầm súng, ba gặp mẹ trên đồng đầy rẫy những hố bom sâu, dường như hai người tìm thấy mùi thơm của quê hương, mùi thơm của rơm rạ trong những giọt mồ hôi. Những hình ảnh để cuối cùng có được hạt lúa, hạt cơm sẽ theo họ đi suốt cuộc đời...

Tôi thích đi trên những cánh đồng đã gặt xong, chợt thấy mình thanh thản đến lạ lùng và rêu rao câu hát của Trịnh Công Sơn: *"Đời sao yên vắng, như đồng lúa gặt xong"*. Rồi từng đàn vịt đi tìm những hạt lúa sót trên cánh đồng thơm rơm, như chui rúc tìm kiếm từng hạt ngọc không thể đánh rơi được kết tinh từ mồ hôi, nước mắt!

Khi mùa gặt đã xong, rơm được trải dài và phơi trên những con đường làng, những đứa trẻ tinh nghịch lăn dài, rúc mình vào hương rơm dù tối về thấy xót nhưng đứa nào cũng muốn. Rơm được chất thành từng đống để đưa về nhà nhóm lửa, phần còn lại để trên đồng gần đến mùa gieo lại thì đốt làm phân nuôi dưỡng những mầm non mới!

Lớn lên tôi đi học và công tác xa, mỗi lần về làng tôi chọn đúng mùa gặt. Mùi thơm của rơm làm sống dậy tuổi thơ ngày nào, tôi dạo chơi trên cánh đồng chỉ còn lại rạ, lại thấy những đàn cò, đàn vịt đi tìm những hạt lúa sót! Rồi được bà nhóm bếp bằng lửa rơm để nướng củ khoai, củ sắn, mùi khói cay mắt, xanh lam trên nền trời bình yên.

Để rồi theo chuyến đò ngang tôi qua sông về lại thành phố, mang theo mùi thơm của rơm, của rạ, của đôi mắt mẹ, bàn tay bà... Và đến mỗi khi nằm ốm li bì hoặc những lúc cuộc đời sóng gió, nhớ về nơi ấy có cánh đồng thơm rơm.

VỀ TRONG LẶNG LẼ

Xóm nhỏ, con đường nhỏ, những ngôi nhà nhỏ bên khu vườn thanh thang. Trên đầu trái bầu trái bí, dưới ao sâu nghe tiếng cá quẫy đuôi. Thi thoảng tiếng chim hào phóng từ sau hời vang tới làm cho những ai ghé thăm làng đều khen lấy khen để: “Đúng là cảnh Bồng Lai!”.

Chỉ cách con sông và đi thêm vài cây số có thể tới thành phố. Thành phố đẹp, hiện đại khiến nhiều người ước ao lên định cư nhưng cũng khiến nhiều người bỏ đi. Bỏ đi vì thời trai trẻ - thời kiếm tiền mưu sinh họ đã nếm đủ mùi vị cuộc sống trên từng centimét bê tông hay nhựa đường của phố. Đó là quãng thời gian sôi nổi mà một gã thanh niên nhiều hoài bão ai cũng muốn đi qua.

Nhưng giờ thì khác rồi. Người ta dám bỏ những tòa nhà cao, đẹp để về vui thú với bờ sông, giàn bầu là điều dễ hiểu. Đó là những ông, bà về hưu bỏ lại cơ ngơi cho con cháu về bám cái làng này, như thời họ mới lên năm lên ba.

Cạnh nhà tôi có những người như thế.

Có người hồi hương chỉ với chiếc rựa. Đó là cây rựa để chặt tre đan lát những chiếc thúng, chiếc rổ. Bàn tay chẻ tre thoăn thoắt, điệu nghệ như một nghệ nhân của làng nghề tre đan còn sót lại. Người ta khó có thể tưởng tượng được bàn tay này chỉ cách đây vài năm có thể cầm kéo để cứu người vì vốn ông là một bác sĩ giỏi. Mỗi chiếc thúng mang ra chợ bán chẳng được là bao, chỉ đủ uống trà, hút thuốc hay đi đám giỗ quần quanh trong làng. Nhưng đó là những gì còn lại của một tâm hồn hồi hương.

Hồi mới về làng, người ta bảo ông là người không biết hưởng thụ. Mấy chục năm trước không thoát ly cái làng này nay lại về sống cực

sống khổ. Đúng là lá rụng về cội. Rồi có người bảo ông chán vợ chán con, chán tiền chán của... Suy ra thì quan điểm hưởng thụ của mỗi người mỗi khác. Sau đó một thời gian, ngôi làng nhỏ nằm bên sông này có rất nhiều người bỏ phố về quê như thế. Tất cả họ có một điểm chung: Về đây mới biết bầu trời thật xanh và cao.

Những ông bạn già sáng sớm gặp nhau, hút thuốc lào, uống nước trà và nói chuyện. Chuyện trò chán lại trở về nhà làm việc. Đó là những công việc làm chỉ để thưởng thức chứ không phải để mưu sinh. Xong việc họ nhảy tồm xuống sông thả sức bơi lội.

Ở đây trước lúc ngủ họ không cần hỏi mình đã đóng cửa thật chặt chưa hay ít nhất ăn trái dưa, trái ổi không phải sợ dính thuốc sâu.

Ngôi làng nhỏ của tôi ngày ngày có những người như thế trở về bên khu vườn xưa của họ hay mua một khu vườn của ai đó để về hưu trong lặng lẽ.

Có những con người cống hiến cả đời cho công việc, cho xã hội rồi trở về thật bình dị. Cuộc đời họ như một cuộc ngao du đầy sóng gió nay lại về bên bến đò xưa. Mừng vì một sứ mệnh đã viên mãn.

Cũng có những người khi đến tuổi phải nghỉ mà không muốn nghỉ chỉ vì tham quyền cố vị. Họ luôn thấy mình đầy nhiệt huyết, tài giỏi, sức trẻ dâng tràn nhưng có khi chỉ là ngộ nhận để ngụy biện cho việc không muốn ai ngồi lên ghế của mình.

Về trong lặng lẽ để rũ chiếc áo đầy bụi bặm của phố thị như một nét đẹp của kẻ sĩ.

MÙA LỤT ĂN CÁ THỜN BƠN

Cứ đến mùa lụt bão, mưa dầm dề thì ở quê tôi, người dân làng chài lưới sẽ bội thu cá thồn bơ. Loài cá di chuyển vào cửa sông khi nước lũ từ thượng nguồn ồ ạt đổ về.

Những cánh bèo trôi từ ngọn nguồn của con sông Hiếu về, chảy ngang qua cù lao Bắc Phước, Quảng Trị báo hiệu một mùa cá thồn bơ. Những người đánh cá suốt đêm thức cùng sóng nước trên những chiếc thuyền chài ghé vào bờ từ rất sớm để đợi phiên chợ mai. Trên khoang thuyền mùa này đầy ắp cá tôm, trong đó cá thồn bơ như một món hàng nổi trội mà ai cũng muốn mua để ăn trong những ngày mưa dầm. Mẹ tôi thường dậy sớm xách cái rổ rời quàng thêm chiếc áo tơi dưới cơn mưa phùn đi về phía chợ phiên, ngôi chợ chỉ họp vào buổi sớm và tan trời vừa tảng sáng. Từ phiên chợ này, các thương lái sẽ đưa cá lên thành phố và tỏa đi các vùng. Trên cái rổ mẹ mang về sẽ rất nhiều cá thồn bơ, thứ cá mà anh em tôi bảo ăn hoài không chán trong những ngày mưa giông.

Cá thồn bơ tuy thịt ít vì thân cá dẹt, nhỏ bằng ba ngón tay nhưng ăn rất béo và ngon. Mẹ tôi nói rằng phải rửa cá bằng lá tre và muối. Lá tre nhám và muối sẽ rửa sạch cái chất nhầy nhầy đặc trưng ở loài cá này. Có khi mẹ kỳ công, cố ngồi bóc hết lớp da trơn trơn của cá. Kho cá bơ phải cho lửa thật nhỏ, cho cá chín lần thứ nhất để cho gia vị thấm vào cá rồi đổ thêm một lượng nước nhỏ vào rồi kho tiếp, đến khi nào con cá khô, cong lại như sắp cháy thì thôi. Nếu có ít tóp mỡ heo cho vào kho kèm cá thì càng ngon. Cái mùi thơm của nồi cá sẽ tỏa đi cả gian bếp, phảng phất lên tận nhà. Người ta nói một món dù ngon đến mức nào nhưng khi ăn từ ngày này sang ngày nọ sẽ gây chán. Nhưng với tuổi thơ vùng sông

nước của tôi, hình ảnh con cá thồn bơn nằm cong queo, trộn lẫn cùng những hạt ném, trái ớt đỏ đã làm tôi chảy cả nước miếng mỗi khi nhìn. Thế nên, mẹ thường kho một nồi cá thật nhiều, ăn từ ngày này qua ngày khác. “Vì đây là con cá rất đặc trưng, càng kho lâu cá càng đánh lại, cứng, dai và ngon hơn”. Mẹ thường bảo như thế... Những ngày mưa bão, cầm bát cơm nóng hổi mà ăn cùng cá thồn bơn kho khô thì thật tuyệt. Hương thơm của cá làm nức cả mũi, riêng vị béo của cá và cay xè của những trái ớt sẽ khiến người ăn nhớ mãi.

Rau dớn

Ở đất gió Lào cát trắng Quảng Trị, nếu vùng đồng bằng, rau xà lách xoong Hảo Sơn được xem là “vua rau” thì ở vùng cao, miền núi món rau dớn cũng ngon và nổi tiếng không kém.

Rau dớn (đồng bào vùng cao huyện Hướng Hóa gọi là rau rớng) là rau của nhà nghèo. Bởi đây là món ăn rất dễ kiếm, lại chế biến đơn giản hằng cần nấu kèm những thứ cao lương mỹ vị vẫn làm ra được món ngon, lại bổ dưỡng. Rau dớn thuộc họ quyết, nhỏ hơn cây dương xỉ, cành dài lá nhỏ xòe ra xung quanh. Những cành lá già gần gốc có màu đen giống cơm cháy, những cành lá non mọc lên từ giữa gốc tạo thành hai, ba cái cần, có cái dài tới nửa mét, đầu cong như móc câu.

Cứ đến đầu mùa xuân, những a chổi của đồng bào Vân Kiều cũng đầy rau dớn xuống núi đi về hướng các chợ bán. Ban đầu người đồng bằng lên sống ở vùng cao không quen ăn rau dớn, bởi cái chất nhầy nhầy như keo của rau mỗi khi nhai. Nhưng ăn đôi ba lần đâm nghiện. Thế hệ mẹ mình, những người xây dựng vùng kinh tế mới ở vùng cao Lao Bảo hầu như “hàm ơn” thứ rau này. Những năm đói kém, nắng hạn, rau khoai lên không nổi thì rau dớn là món ăn “chủ lực” để qua ngày đoạn tháng. Chỉ cần xuống khe, suối sau lưng nhà đi dọc một đoạn, xăm xăm hái một lúc đã có một đĩa rau ngon lành. Những lúc đói kém như thế, “cái ăn” tưởng chừng như rất dễ, chỉ cần “vớ” tay qua cửa sổ có thể hái được rau! Nhưng giờ thì khác, rau dớn phải đi sâu vào suối, ở dưới những tán cây

rừng mát mẻ thì mới có. Rau dớn chế biến được nhiều món: xào, luộc hay làm nộm... Nhưng phổ biến nhất vẫn làm món rau dớn xào tỏi và dớn luộc chấm nước kho cá ngừ. Rau dớn, chọn phần mềm tươi non, rửa sạch bùn đất, bụi bám, sau đó trụng sơ qua nước sôi và vớt ra để ráo, giã dập củ tỏi, phi thơm rồi cho rau dớn vào đảo đều năm phút và bắc xuống nêm đường, bột ngọt, tương ớt, hạt tiêu... là có một món ngon.

Mạ thường bảo, đây là loài rau độc đáo. Bởi chẳng ai đi trồng và chăm bón nó. Nó chỉ mọc ở đất ẩm ướt, mát mẻ dưới những khu rừng dọc khe, suối. Do “xuất thân” từ môi trường đó, rau dớn được xem là loài rau sạch hội đủ các tiêu chuẩn về “không”: Không thuốc trừ sâu, không phân bón, không chất kích thích... Bởi thế, từ cái “lý lịch” ấy, rau dớn ngày nay không còn là món ăn của “nhà nghèo”. Chúng đã len lỏi vào các nhà hàng và nghiêm nhiên trở thành món đặc sản.

Những năm học xa, mỗi lần về nhà là đòi mạ cho được một đĩa rau dớn xào tỏi trong mỗi bữa ăn. Ăn rau dớn mà suy nghĩ về thế sự thì chẳng gì bằng. Bởi lẽ trong cái đĩa rau nhỏ bé, xanh non ấy, mỗi chúng ta luôn “bằng lòng” với những biến thiên của thời cuộc. Biết chấp nhận sự thăng trầm, bể dâu để rồi an nhiên tự tại! Bởi rau dớn thuộc họ quyết, tổ tiên của loài rau này hàng trăm triệu năm trước là những cây gỗ lớn, cao vài chục mét. Sau quá trình tiến hóa, loài rau này chỉ khiêm tốn sống dưới những tán cây nằm dọc khe suối. Và di chỉ của tổ tiên rau dớn còn lại ngày nay là những mỏ than mà người ta gọi là vàng đen!

Rau dớn được người đồng bào thiểu số tôn vinh là “vua” của các loài rau là thế. Trong những tác phẩm điêu khắc của người Cơ Tu, Ba Na... hình ảnh ngọn rau dớn có hình thù như chiếc vòi voi vẫn hiện diện. Đó là hình rau dớn trên chóp mái nhà rông hay các phù điêu trang trí ở nhà mồ và nhà ở.

CÂY TRÁI CHO ĐỜI

Năm ngoại ngoài bảy mươi, ở nhà trông cháu đi ra đi vào buồn tay buồn chân nên ngoại thường ra vườn trồng cây.

Quần quanh bên cái ang nước ngoại cũng có thể tìm thấy mấy cây mít vừa lên hay vài cây bơ mới nảy mầm mà cách đó vài tuần lũ cháu ngoại ăn vứt xuống.

Cái thị trấn nửa phố nửa quê cũng khiến cho đất đai ngày một hẹp dần. Thế nên trồng cây gì trong vườn cũng là một lựa chọn khó khăn đối với ngoại. Hôm ngoại trồng cây mít, một ông lão hàng xóm bảo: “Bà sống được bao lâu nữa mà trồng. Có khi cây chưa lớn thì mình đã quy tiên”. Ngoại cười, nụ cười sớm sớm vì cái răng sâu đã bị gãy: “Trồng cho con cho cháu chứ phải cho mình đâu”.

Năm ngoại tám mươi, sức khỏe vẫn tốt. Cây mít thoáng cái mà đã có gần 10 năm tuổi, bằng tuổi thằng út em mình. Mỗi mùa mít đến ngoại cứ đi ra đi vào trông chừng những trái mít sắp chín như sợ ai đó trèo hàng rào vào hái mất. Khi mít chín, mạ mình giục lên hái xuống, mít thơm lừng cả xóm thế mà ngoại không ăn. Ngoại bảo: “Bây ăn đi, khi nào tao khuất núi rồi thò cả quả cũng được”. Nói xong ngoại cười khì khì làm hở những cái răng đã sún.

Nhìn lũ cháu móc từng múi mít ăn ngon lành, ngoại nói: “Cái tay tao mát lắm. Trồng cây là sum sê trái. Đứa nào thích ăn nhãn, mai kiếm giống về tao trồng cho”.

Mấy năm sau cây nhãn trong khu vườn chật chội đã có quả đầu tiên. Hái chùm nhãn đầu tiên cho ngoại, vẫn nụ cười sớm sớm, ngoại bảo: “Đời tao thế mà may mắn, trồng cây gì là ăn được cây đó”.

Vừa rồi trường học kỷ niệm mấy chục năm thành lập, tôi về dự, gặp

bạn bè một thuở vui như tết. Có đưa chỉ tay vào cây phượng, cây bàng hay cây muồng bảo cây này do tay tao trồng nè. Mới đó mà trên hai chục năm. Hèn gì tóc đã bạc. Tự nhiên nhận ra trong khu vườn rộng thênh thang của trường mình chẳng để lại một thứ gì để mà nhớ. Những mầm bàng, mầm phượng của mấy chục năm trước mọc cơ man dưới chân nhưng chẳng bao giờ tôi để ý.

Ở tuổi nào thì trồng cây chưa muộn? Tôi thường hỏi như thế để rồi thấy mình ngây thơ. Ngay cả ngoại mình đến 80 tuổi vẫn trồng cây dù chẳng trông mong ngày hái quả.

Tương truyền, Lão Tử trước khi cưỡi trâu xanh đi ở ẩn đã để lại bộ sách *Đạo đức kinh* mà người đời sau xem là học thuyết vô vi huyền diệu, xứng đáng là ông tổ của Đạo giáo. Nhạc sĩ Đặng Thế Phong trong cuộc đời ngắn ngủi cũng kịp để lại vài bản nhạc. Những tình khúc như *Giọt mưa thu*, *Con thuyền không bến* đã làm tiền đề cho tân nhạc ra đời.

Chúa Nguyễn Hoàng trước lúc viên tịch căn dặn Chúa Sãi lấy dân làm gốc, dựa vào dân để nuôi quân chống đối phương. Đó là kế sách lâu dài của một triều đại... Những con người như thế, trong hoàn cảnh như thế đã để lại di sản như thế âu cũng là một cuộc đời viên mãn bất kể ngắn hay dài. Những gì họ để lại cũng là một “cây ăn trái” mà họ chẳng mong mình hái được quả!

Di sản thuộc về những người cầm trên tay hạt giống và chọn một khoảnh đất màu mỡ. Chỉ có thế thôi mà đến nửa đời người mình mới nhận thấy!

BÔNG THẤY MÌNH NHƯ TRÔI GIỮA QUÊ HƯƠNG

Thuở ấy nắng hanh vàng, xuân đang về trên lưng chừng đồi khi lốm đốm hoa ban nở. Chị quấy gánh ra đi, gọi vói vào nhà trong thật to như để mẹ nghe: “Đi bán hoa xuân, em có đi cùng chị không?”. Nghe chị nói thế, mẹ thế nào cũng cho mình đi theo, chạy lon ton trên con đường làng cỏ non mơn mớn để rao bán: “Hoa giấy đây, ai mua hoa giấy”.

Làng nghề làm hoa giấy nằm bên bờ sông Hãn, làng bên cạnh là làng hoa tươi. Mỗi độ xuân thì, có lẽ cái không khí tết hiện rõ nhất là ở hai làng này. Vì hoa là sản phẩm không thể thiếu của năm ba ngày tết.

Chẳng biết hoa giấy làng Dương có từ thời nào, riêng tôi biết thì cái nghề cắt dán này lại hiện hữu trong nhà tôi đã từ lâu. Từ đời ông cố, ông nội đã có. Cứ độ đầu tháng Chạp là ba tôi bắt tay vào làm, tre thì sẵn ở làng, giấy thì mua từ chợ tỉnh, cứ thế hì hục làm quên thời gian cho đến cuối tháng. Cả nhà ngổn ngang tre, giấy, bột dán từ đó cho đến lúc cúng mâm tất niên vào chiều Ba mươi. Mẹ luôn bảo mỗi năm chỉ có một lần, cả năm làm ruộng tôi không nhúng tay, giờ việc cắt dán rất vừa sức nên phải tập trung mà làm. Vài chục năm sau, đến đời tôi thế nào cũng giữ được cái nghề làm hoa giấy thời vụ này.

Mỗi mùa xuân tôi luôn mơ mình được lên phố, trong trí tưởng tượng, ở đó mùa xuân sẽ rất đẹp, nhộn nhịp và ồn ào. Thế nên khi chị đi bán rong hoa giấy trên phố, tôi ao ước được đi theo để ngắm phố. “Mua đi bà con ơi, hoa giấy để mãi vẫn tươi”. Đó là câu chị tôi bảo phải hô vừa đủ to, truyền cảm để rao bán hàng. Hoặc là “Ai hoa giấy không?”. Nghe lui nghe lại chán òm. Lúc nào mỗi chân tôi dừng lại, nũng nịu không chịu đi. Chị quay lại dọa: “Mai ở nhà nhé”. Nghe ở nhà là tôi cố lê cái chân mỗi

nhừ mà chạy bên chị. Chị cười: “Lát nữa chị mua cho cái kẹo mút, vừa đi vừa mút sẽ hết mỗi chân”. Nghe vậy tôi khoái lắm, rao thật to: “Ai hoa giấy không...”. Chị cốc vào đầu tôi: “Mày giỏi nịnh, hèn gì mẹ lúc này cũng cu út, cu út. Đến nỗi hái được trái na thối, đã bảo thối rồi không ăn được mà mẹ vẫn cu út, cho cu út”. Tôi cười hì hì, ai bảo em giỏi nhất nhà, không việc gì không làm được. Chị tôi cười, vừa cười vừa rao: “Hoa giấy làng Dương không?”.

Nắng nhẹ và có mưa bay, người người ngược xuôi mang những niềm vui về tổ ấm của mình. Còn chị em tôi lại rao bán chút hương sắc để góp chung cho cái bộ mặt tết đó được hoàn hảo. Đường về mỗi nhà cả chân, chị đọc câu *Kiều* nghe hay lạ: “Cỏ non xanh rợn chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...”.

Sợ nhất là những ngày giáp tết, hoa giấy người ta đặt mua nhiều, mẹ lại “chôn” chân tôi ở nhà để phụ việc. Lúc đó tôi lại nhớ để hồn mình trên phố theo tiếng rao của chị cả.

Chiều 30 Tết, những tờ giấy màu, những que tre gác lại. Cái nào còn dùng được để dành cho năm sau. Mâm cơm tất niên đầm ấm, vui vầy. Chị hai kể thành tích bán hoa giấy của tôi. Nào là thằng này có giọng rao hàng vừa trầm vừa ấm, ai nghe cũng muốn mua. Nhưng lại có cái tội là hay kêu ca mỗi chân, không muốn đi mà ăn kẹo mút thì hết mỗi, chạy như điên. Còn tôi mách ba mẹ chị đọc thơ hay lắm. Chị hay đọc câu: “Người quốc sắc, kẻ thiên tài/ Tình trong như đã, mặt ngoài còn e”. Nghe xong chị lườm tôi. Còn mẹ thì gõ vào đầu: “Cha mày, con nít biết gì. Lo mà ăn nhiều cho mau lớn”.

Tiếng cười nói kéo dài vào hoàng hôn cuối năm. Ngoài xa kia tiếng trâu bò rống theo bước chân người lùa về đón đêm trừ tịch.

Sáng mùng Một, vừa bước chân xuống nhà, chị hai kể đêm qua ngủ cứ nghe thằng út nói mớ: “Ai giấy không, ai giấy không...”. Cả nhà cười vang. Ba bảo thằng này nổi gót nghề này được.

Nhiều mùa xuân đi qua, những cái tết xa học xa nhà, xa tiếng rao hoa

giấy. Chị đã lấy chồng, mẹ già không đủ sức gánh bán rong. Chiều qua phố nghe ai rao hoa giấy. Bỗng thấy mình như trôi giữa quê hương.

NHỮNG NGÀY LUNG CHỪNG TẾT

Thiên hạ thường nói “dăm ba ngày tết”. Vậy tết bắt đầu từ ngày nào? Với mình tết là bắt đầu ba đưa cái khuôn bánh ra chùi rửa, mạ trái dưa hành kiệu ra sân phơi...

Trong 365 ngày đằng đẵng, tết chỉ chiếm ít ngày trong số đó nhưng lại là khoảnh khắc mỗi con người hướng đến: coi đó là điểm kết thúc một năm làm việc để khởi đầu lại chính ngay điểm đó. Tết là lúc để mỗi con người chiêm nghiệm giá trị truyền thống, tình yêu gia đình, quê hương.

Sống qua thời con nít, đến tuổi trẻ và sau này cũng vậy, mình luôn chờ đợi cái không khí tết và ước sao nó mãi cứ trong giai đoạn chuẩn bị, lung chừng tết chứ... đừng tết. Bởi trong ý nghĩ của mình mọi thứ vào tết sẽ chóng tết, hết tết. Bởi thế câu dân gian thường bảo “ba mươi chưa phải là tết” là thế nhưng luôn làm mỗi người phải nôn nao.

Những ngày chưa phải là tết ấy, đám trẻ con bắt đầu được nghỉ học, được phụ ba mẹ theo trong những phiên chợ huyện, ngắm phố phường đang khoác lên mình diện mạo mới. Ở quê lúc này những hàng rào rào rào được cắt tỉa chẵn chu, mặt tiền từng ngôi nhà được quét vôi trắng toát, bàn ghế, tủ được đánh lại vecni bóng loáng. Quán may ở Nữ ngay đầu làng lúc này tấp nập khách ra vào. Mẹ bảo nhà nghèo, may áo mới mặc tết nên may quần xanh áo trắng để ngày thường mang đi học. Mình và thằng em buồn thiu khi năm nào cũng quần xanh áo trắng, chẳng thích chút nào. Anh hai lúc này thường an ủi: Tụi bây giờ sợ lắm. Thời tau tết đến phải đưa áo quần đi nhuộm, muốn có áo quần mới thì phải nhuộm lại màu khác. Anh mình kể sáng mùng Một Tết mang áo đi chơi, thanh niên trong làng tập trung tại đình làng, nhìn cả chục người

ai cũng áo quần như nhau, chỉ khác người tay ngắn, kẻ tay dài. Thì ra vải Nhà nước cấp về chỉ được một màu. Ai muốn khác chỉ có cách đem nhuộm. Tuy nhiên phải mặc tới tết sau cho nó cũ nhàu rồi mới đem nhuộm chứ chẳng đại nhuộm áo mới.

Những ngày giáp tết, mình lẻo đẻo theo chân mẹ đi bộ lên chợ huyện. Trong đôi quang gánh của mẹ là những thứ được hái trong vườn. Lên bán thì ít nhưng mua về thường nhiều thứ. Ngôi chợ huyện ngày thường thưa khách nhưng những ngày sắp tết người như nêm. Cứ tưởng bao nhiêu người ở trong nhà ra chợ mua sắm cả. Những sạp áo quần mới thường đông khách. Mùi áo mới màu sắc sỡ cứ ám ảnh mình từ chợ về nhà. Vừa được mẹ mua dép mới, trên đường về hai tay cầm đôi dép dứt quai mình cứ hóng mãi người bán kẹo kéo để đổi...

XÚ CẦU MÂY

Buổi sáng, nắng đã cao mà sương chưa tan. Sương giăng từ đỉnh núi này qua đỉnh núi nọ như một chiếc cầu mây bắc qua thị trấn biên giới. Con đường Chín như một dòng suối, lượn lờ qua nhiều khe đá, hun hút chảy về xuôi.

Xứ Lao Bảo lắm mây. Đã có lần mình ao ước có một ngôi nhà nằm trên đỉnh Đồi Chua hay ngay dốc Làng Vây. Buổi sáng đẩy cánh cửa sổ ở phòng ngủ là có thể nhìn thấy mây giăng qua thung lũng Lìa và thung lũng Lao Bảo.

Gần ba chục năm gắn bó với đất này, mình luôn là những người xa lạ đối với những buổi sáng ở xứ núi. Mỗi sáng thức dậy sớm, mọi tiếng động đều mờ nhạt, lúc này chiêm nghiệm về cuộc sống mỗi lúc một khác, đương nhiên mỗi lần như thế đều là lần đầu và lạ lẫm.

Lao Bảo thức dậy từ tiếng xe máy của một thanh niên thồ chuối đến điểm tập kết, tiếng xe khách chạy tuyến bóp còi gọi khách inh ỏi. Cổ nghe rõ hơn là tiếng chuông chùa Phước Bảo nhộn nhạo xen lẫn. Một ngày biên giới được khởi động như thế. Nhưng với mình luôn mới mẻ và đầy phấn khích. Mậu dịch biên giới phát triển đã khoác lên thân thể xứ này những chiếc áo gấm với vẻ ngoài hào hoa. Lắm lúc sự hào hoa bên ngoài chẳng phản ánh cái nội tại bên trong!

Những thanh niên từ Lào trở về ngồi bó gối trong thềm nhà nhìn ra. Sương đã tan, nắng đã lên nhưng lòng chẳng buồn đi đâu, tay cũng chẳng biết làm gì. Cái kiểu tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì cũng là bề chìm sau cái hào hoa gấm vóc.

Nhưng bình thản nhất trong cái xu thế biến thiên không ngừng vẫn là những con người lao động thuần phác. Đó là những cô gái Vân Kiều

công mắng, chuối xuống phố. Mớ mắng, buồng chuối nằm khiêm tốn trong góc chợ xép xem ra chẳng ảnh hưởng gì mấy từ cơ chế thị trường, xa hơn là những chính sách tài khóa của Nhà nước sở tại cũng như nước bạn Lào.

Cái điều hiu vốn có của mấy mươi năm trước như lặp lại trên cái hiện tại buồn nhạt. Phẳng lặng như mặt nước hồ Tâm Thủy, chỉ gợn sóng lăn tăn khi những cần thủ ném câu ra xa trên mặt hồ. Sự nhàn rồi hiện hình trên bức tranh tổng thể của phố núi. Quanh hồ lớp người đi câu như chiêm nghiệm cuộc mưu sinh khắc nghiệt. Buông câu mà chẳng thiết tha chi cá, tôm. Họ bắt gặp chút hy vọng, hiếu kỳ trên chiếc phao trôi nổi. Họ nhấm rượu, họ nói với nhau về thời cuộc, về tình hình con buôn ở xứ Triệu Voi, về container gỗ, than ở chính ngay mép hồ. Trật tự của sự thịnh vượng, nghèo khó; được, mất; may, rủi đổi ngôi trong cái nháy mắt. Chỉ còn lại những người buôn thúng bán bưng, ít “mẫn cảm” với nhiều chính sách của bên kia bên giới là cứu cánh của xứ núi. Họ vẫn lẳng lặng bám khu chợ xép, bám quang gánh để mưu sinh. Họ không sợ bão vì họ đang đứng ở tâm bão, họ chẳng xô bồ thời cuộc.

Tháng ngày này mình đi qua với những nỗi buồn như thế. Mưa bên núi bay về trắng trời, nước sông đục ngầu. Mặt trời đôi lúc quên thức dậy giữa ngày uể oải gọi bầy chim bên thung lũng.

Hơn một lần mình tự hỏi, Lao Bảo khi người ta lấy đi khu thương mại (ý là lấy mất cái cơ chế ưu đãi lâu nay có được) thì xứ này còn gì? Câu trả lời là xứ này còn mây. Xứ này còn những chiếc cầu mây - Vân Kiều bắc qua thung lũng chẳng?

Đó là chút thơ còn lại!

KHOẢNG LẶNG GIỮA HAI TIẾNG BOM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập ĐẬU XUÂN LUẬN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập NGUYỄN VĂN SÁU

Biên tập: **TRẦN ĐỨC TĨNH**

Biên tập điện tử: **NGUYỄN TRUNG MINH**

Trình bày và sửa bản in: **PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG**

Bìa: **NGUYỄN ANH TUẤN**

Kỹ thuật CNTT: **NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG**

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: <http://nxbqnd.com.vn>

Email: nxbqnd@nxbqnd.com.vn

ĐT: 024.38455766 - 024.37470780; Fax: 024.37471106

Ban đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh

161-163 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3

ĐT: 069.667452 - 028.62565588; Fax: 028.62565588

Đại diện tại Thành phố Đà Nẵng

Số 172 đường 2-9, quận Hải Châu

ĐT: 0236.6250803; Fax: 0236.6250803

Đại diện tại Thành phố Cần Thơ

Phi trường 31 - đường Cách mạng Tháng Tám

ĐT: 069.629905 - 0292.3814772; Fax: 0292.3814772

Khổ sách: 13x19

Số trang: 180

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4168-2020/CXBIPH/17-91/QĐND

Số quyết định xuất bản: 214/QĐĐT-NXBQĐND, ngày 3 tháng 11

năm 2020

ISBN: 978-604-51-6608-6

Table of Contents

KHOẢNG LẶNG GIỮA HAI TIẾNG BOM
NHỮNG MÙA XUÂN KỶ LẠ
NHỮNG GIẤC MƠ ƯỚT
LŨY TRE, CHIẾC ÁO VÀ MŨ
HÓN CỦA NGÀY XƯA
MƯA HÁT TRÊN SÔNG
NHẬP NHÔ ĐƯỜNG QUÊ
TÌNH YÊU CỦA MẸ
NƠI TÌNH YÊU THẮM LẠI
MẠ NON ĐƯỜNG QUÊ
ĐI DƯỚI MƯA PHÜN MÙA XUÂN
BÊN BẾP LỬA MÙA ĐÔNG
ĐƯỜNG MÒN HUN HÚT TRONG MƠ
SỢ
RÀ CÙ LAO ĂN CHÁO
GIỌT MỒ HÔI XUỐNG CÁT BỎNG
THÁNG BẢY LẠI VỀ
CÒN CHIẾC ÁO NÀO CHO EM
CHIẾC CỒNG TRONG TÂM HỒN
NHỚ TẾT XƯA NGỒI NHUỘM ÁO
CHIẾC TÚI MAY NGƯỢC
CÓ MỘT LỖI MÒN TRONG TIẾT XUÂN
NỖI BUỒN SÔNG NÚI
SỢ
GIẤC MƠ ĐẦY RÊU
NHỚ CÀ PHÊ TỘ
NHỮNG ĐÔI CHÂN TRÊN NỀN ĐẤT TRẦM TÍCH
BIẾN BAO GIỜ CŨNG RỘNG
CHIẾC NÔI TRE CỦA BA
TÌNH GIÀ
ĐỪNG ĐỢI ĐẾN LÚC BÔNG HỒNG CÀI ÁO
KHI NHỮNG TIẾNG CÒI IM BẬT

CỎ VẼ LÊN XANH
GIAN BẾP
CHIM HÓT CHO NGƯỜI TRỒNG RỪNG
MÙA TẠ ƠN
VỀ BÊN CĂN NHÀ XƯA
NIỆM KHÚC HOA XOAN
DẤU XƯA
MÙI HƯƠNG
NƯỚC LŨ RÚT RỒI MẸ NGỒI KHÓC
CÒN ĐÓ MỘT TIẾNG RAO
MỖI CON ĐƯỜNG GÓP MỘT CHÚT HƯƠNG XUÂN
NƠI ẤY CÓ CÁNH ĐỒNG THƠM RƠM
VỀ TRONG LẶNG LẼ
MÙA LỤT ĂN CÁ THỜN BƠN
CÂY TRÁI CHO ĐỜI
BỔNG THẤY MÌNH NHƯ TRÔI GIỮA QUÊ HƯƠNG
NHỮNG NGÀY LƯNG CHỪNG TẾT
XỨ CẦU MÂY